BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2018 - Đợt 1

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 183/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã HV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Đại học học lại khóa K52, K53, K54														
1	1156030087	Nguyễn Khắc Mai Tùng	18/8/1993	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	SP Địa lí	Khá	1/183	1515405			
2	1252040017	Vàng A Lềnh	11/02/1991	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Hóa học	T.Bình	2/183	1515406			
3	1259040083	Quàng Thị Đức	28/9/1994	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	3/183	1515407	Quàng T Đức	050871458	Đức
4	1259030083	Lâm Tuấn Anh	13/8/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	4/183	1515408	Lâm Tuấn Anh	0404 320036	Anh
5	1256010141	Trần Phương Nhung	07/02/1993	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	T.Bình	5/183	1515409	Trần Phương Nhung	050886841	Nhung
6	2013A1689	Thào A Chái	09/8/1993	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	6/183	476389	Thào A Chái	050878578	Chái
7	2013A1426	Đinh Hải Nam	18/9/1995	Sơn La	Mường	VN	Nam	Quản trị KD	T.Bình	7/183	1515410	Đinh Hải Nam	050987317	
8	2013A0776	Tòng Thái An	24/6/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	8/183	1515411	Tòng Thái An	040468995	An
9	2013A0814	Nguyễn Thành Trung	15/11/1993	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	9/183	1515412	Tòng Thái An	040468995	An
10	2013A0623	Nguyễn Tiến Tùng	04/9/1994	Sơn La	Kinh	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	10/183	1515413	Nguyễn Tiến Tùng	050786565	Tùng
11	2013A1679	Lò Văn Thành	29/9/1991	Sơn La	Thái	VN	Nam	BV Thực vật	T.Bình	11/183	476390	Lò Văn Thành	050755039	Thành
12	2013A1790	Ma A Lồng	06/10/1993	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	12/183	476391	Chảo cái Pần	040629460	Pần
13	2013A1802	Vàng Thị Thắng	10/11/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	13/183	476392	Tòng V Dừa	050879465	Dừa

* Ngày 26 tháng 3 năm 2018 xuất 09 phôi bằng TNĐHCN để in 09 chiếc bằng TNĐHCN theo QĐ 183
Bằng TNĐH Cử nhân: Từ 1515405 đến 1515413 *(09 chiếc)*

* Ngày 26 tháng 3 năm 2018 xuất 04 phôi bằng TNĐH Kỹ sư để in 04 chiếc bằng TNĐH Kỹ sư theo QĐ 183
Bằng TNĐH Kỹ sư: Từ 476389 đến 476392 *(04 chiếc)*

Sơn La, ngày 26 tháng 3 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NĂM 2018 - Đợt 1

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 184/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu VB	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Cao đẳng học lại K52, K53, K54														
1	1111050024	Nguyễn Thị Thúy Hồng	10/3/1992	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Quản trị KD	T.Bình	14/184	B447820	Ng T.T Hồng	050833080	Hồng
2	1213060099	Cà Văn Thoái	10/6/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	15/184	B447821			
3	2013A0005	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	24/01/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	16/184	B447822	Ng T Ngọc Diệp	050856802	Diệp
4	2013A0011	Lường Thị Hiền	10/4/1995	Điện Biên	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	17/184	B447823	Lg thị Hiền	050527376	Hiền

* Ngày 26 tháng 3 năm 2018 xuất 04 phôi bằng TNCĐ để in 04 chiếc bằng TN Cao đẳng theo QĐ 184
Bằng TNCĐ: Từ B447820 đến B447823 *(04 chiếc)*

Sơn La, ngày 26 tháng 3 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 26 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 22/03/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ I - Năm học 2017 - 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 13 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 183/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ Tên	Ngày sinh	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Kỷ luật từ CC; bị truy cứu TNHS	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại TN
1	1156030087	Nguyễn Khắc Mai Tùng	18/08/1993	K52 ĐHSP Địa lý			2.55	Khá
2	1252040017	Vàng A Lềnh	11/02/1991	K53 ĐHSP Hoá			2.47	Trung bình
3	1259040083	Quàng Thị Đức	28/09/1994	K53 ĐH GD Mầm non			2.55	Khá
4	1259030083	Lâm Tuấn Anh	13/08/1994	K53 ĐH GD Tiểu học			2.16	Trung bình
5	1256010141	Trần Phương Nhung	07/02/1993	K53 ĐHSP Ngữ văn			2.45	Trung bình
6	2013A1689	Thào A Chái	09/08/1993	K54 ĐH Lâm sinh			2.41	Trung bình
7	2013A1426	Đinh Hải Nam	18/09/1995	K54 ĐH Quản trị KD			2.14	Trung bình
8	2013A0776	Tòng Thái An	24/06/1994	K54 ĐH GD Thể chất (B)			2.56	Khá
9	2013A0814	Nguyễn Thành Trung	15/11/1993	K54 ĐH GD Thể chất (B)			2.53	Khá
10	2013A0623	Nguyễn Tiến Tùng	04/09/1994	K54 ĐHGD Tiểu học (C)			2.59	Khá
11	2013A1679	Lò Văn Thành	29/09/1991	K54 ĐH Bảo vệ thực vật			2.21	Trung bình
12	2013A1790	Ma A Lồng	06/10/1993	K54 ĐH QLTN và MT (A)			2.03	Trung bình
13	2013A1802	Vàng Thị Thẳng	10/11/1995	K54 ĐH QLTN và MT (A)			2.59	Khá

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 26 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 22/03/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ I - Năm học 2017 - 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 04 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 184/QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ Tên	Ngày sinh	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Kỷ luật từ CC; bị truy cứu TNHS	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại TN
1	1111050024	Nguyễn Thị Thúy Hồng	10/03/1992	K52 CĐ Quản trị KD			2.39	Trung bình
2	1213060099	Cà Văn Thoải	10/06/1994	K53 CĐ QL Tài nguyên			2.01	Trung bình
3	2013A0005	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	24/01/1995	K54 CĐ Giáo dục Mầm non			2.57	Khá
4	2013A0011	Lường Thị Hiền	10/04/1995	K54 CĐ Giáo dục Mầm non			2.50	Khá

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2018 - Đợt 2

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 417/QĐ-ĐHTB ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Đại học học lại K54														
1	2013A0695	Lường Văn Quyết	03/10/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	18/417	1515414	Lường Văn Quyết	050817664	
K55 ĐHGD Chính trị (A)														
2	2014A1001	Lexsouthone Keovilai	13/3/1995	Bò Kẹo	Lào	Lào	Nam	GD Chính trị	Khá	19/417	1515415	Lếch Sue Than	P1811657	
3	2014A1002	Pinpome Chomvilayseng	22/10/1980	Luông Nậm Thà	Lào	Lào	Nữ	GD Chính trị	Khá	20/417	1515416	Pinpom Sử	P1217095	
K55 ĐHGD Mầm non (A)														
4	2013A0355	Hoàng Thị Nguyễn	21/4/1994	Phú Thọ	Mường	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	21/417	1515417	Hoàng Thị Nguyễn	132292766	Nguyễn
5	2014A0045	Bạc Thị Tòa	08/8/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	22/417	1515418	Bạc Thị Tòa	050850291	Tòa
K55 ĐHGD Mầm non (B)														
6	2014A0056	Vì Thị Ân	16/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	23/417	1515419	Vì Thị Ân	050916839	Ân
7	2014A0063	Hoàng Đỗ Thị Đậm	08/8/1996	Lào Cai	Tày	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	24/417	1515420	Hoàng Đỗ Thị Đậm	063449251	Đậm
8	2014A0064	Vàng Thị Giang	11/12/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Mầm non	Xuất sắc	25/417	1515421	Vàng Thị Giang	050945127	Giang
9	2014A0067	Trần Thu Hạnh	29/01/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	26/417	1515422	Trần Thu Hạnh	040469661	Hạnh
10	2014A0068	Điêu Thị Hảo	08/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	27/417	1515423	Điêu Thị Hảo	050962497	Hảo
11	2014A0070	Trần Thị Hoa	08/10/1996	Lào Cai	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	28/417	1515424	Trần Thị Hoa	045171879	Hoa
12	2014A0072	Cù Thị Thu Huyền	20/3/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	29/417	1515425	Cù Thị Thu Huyền	045171891	Huyền
13	2014A0075	Đặng Thị Liễu	15/11/1996	Sơn La	Dao	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	30/417	1515426	Đặng Thị Liễu	051006627	Liễu
14	2014A0078	Đỗ Thị Lương	08/6/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	31/417	1515427	Đỗ Thị Lương	040482196	Lương
15	2014A0080	Lò Thị Mơ	01/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	32/417	1515428	Lò Thị Mơ	050965034	Mơ
16	2014A0082	Hoàng Thị Ngọc	29/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	33/417	1515429	Hoàng Thị Ngọc	050902929	Ngọc
17	2014A0083	Trần Thị Nguyệt	01/02/1994	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	34/417	1515430	Trần Thị Nguyệt	050871428	Nguyệt
18	2014A0084	Lầy Thị Nhất	28/11/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	35/417	1515431	Lầy Thị Nhất	050903779	Nhất
19	2014A0090	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/8/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	36/417	1515432	Ng T Phương Thảo	050886177	Thảo
20	2014A0092	Lò Thị Thìn	02/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	37/417	1515433	Lò Thị Thìn	050946338	Thìn
21	2014A0096	Cầm Thị Thu Thủy	25/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	38/417	1515434	Cầm Thị Thu Thủy	050890449	Thủy
22	2014A0097	Quàng Thị Thúy	24/7/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	39/417	1515435	Quàng Thị Thúy	050902851	Thúy

Scanned with CamScanner

23	2014A0098	Lường Thị Tịnh	31/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	40/417	1515436	Lường thị Tịnh	050850482	Tịnh	
24	2014A0099	Phạm Thị Huyền Trang	15/7/1995	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	41/417	1515437	Phạm T.H Trang	040834484	Trang	
25	2014A0102	Lý Thị Thu Vân	12/9/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	42/417	1515438	Lý Thị Thu Vân	040575090	Vân	
26	2014A0107	Hà Thị Hoàng Yến	18/01/1995	Phú Thọ	Mường	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	43/417	1515439	Hà Thị Hoàng Yến	132292753	Yến	
K55 ĐHGD Tiểu học (A)															
27	2014A0109	Đinh Thị Bình	19/4/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	44/417	1515440	Đinh Thị Bình	050871858	Bình	
28	2014A0110	Nguyễn Lan Chinh	01/5/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	45/417	1515441	Nguyễn Lan Chinh	164583576	Chinh	
29	2014A0113	Vàng Thị Dợ	03/7/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	46/417	1515442	Vàng Thị Dợ	050945794	Dợ	
30	2014A0114	Lò Thị Dung	20/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	47/417	1515443	Lò Thị Dung	050954889	Dung	
31	2014A0115	Quàng Hà Duy	21/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Giỏi	48/417	1515444	Quàng Hà Duy	051005327		
32	2014A0116	Hà Thị Duyên	26/02/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	49/417	1515445	Hà Thị Duyên	050961896	Duyên	
33	2014A0117	Lê Văn Đạt	02/6/1993	Sơn La	Kinh	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	50/417	1515446	Lê Văn Đạt	050942289		
34	2014A0118	Bùi Thị Hà	15/12/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	51/417	1515447	Bùi Thị Hà	152076923	Hà	
35	2014A0120	Lê Thị Hạnh	16/10/1995	Nam Định	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	52/417	1515448	Lê Thị Hạnh	163366012	Hạnh	
36	2014A0121	Lường Thị Hằng	18/02/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	53/417	1515449	Lường Thị Hằng	050945203	Hằng	
37	2014A0122	Lường Thị Hiền	05/6/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	54/417	1515450	Cà Thị Hoa	040731512	Hoa	
38	2014A0124	Lò Thu Hòa	22/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	55/417	1515451	Lò Thu Hòa	050907715	Hòa	
39	2014A0125	Hà Thị Hồng	15/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	56/417	1515452	Hà Thị Hồng	050843894	Hồng	
40	2014A0130	Lò Thị Khơi	05/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	57/417	1515453	Lò Thị Khơi	050925350	Khơi	
41	2014A0132	Lò Thị Lan	19/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	58/417	1515454	LÒ THỊ LAN	050954921	Lan	
42	2014A0133	Lò Thùy Linh	24/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	59/417	1515455	Lò Thùy Linh	050895645	Linh	
43	2014A0134	Lù Thị Diệu Linh	01/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	60/417	1515456	Lù T. Diệu Linh	050907682	Linh	
44	2014A0138	Hà Văn Minh	15/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	61/417	1515457	Hà văn minh	050878599		
45	2014A0139	Quàng Văn Nam	08/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	62/417	1515458	Quàng văn Nam	050943554	Nam	
46	2014A0143	Phan Thị Bích Ngọc	27/4/1995	Nghệ An	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	63/417	1515459	Phan Thị Bích Ngọc	050853574		
47	2014A0145	Giàng A Phồng	10/7/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	64/417	1515460	Giàng A Phồng	050904031	Phồng	
48	2014A0147	Nguyễn Thị Phượng	09/6/1995	Hoà Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	65/417	1515461	Nguyễn T. Phượng	113583815	Phượng	
49	2014A0148	Quách Thúy Quỳnh	12/5/1995	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	66/417	1515462	Quách Thúy Quỳnh	113599601	Quỳnh	
50	2014A0149	Lò Văn Sáng	28/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	67/417	1515463	Lò văn sáng	050979508	Sáng	
51	2014A0151	Sộng A Súa	08/7/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	68/417	1515464	Sộng A Súa	050894195	Súa	
52	2014A0152	Đinh Thị Thanh	15/7/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	69/417	1515465	Đinh Thị Thanh	050903026		
53	2014A0153	Dương Thị Thành	08/4/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	70/417	1515466	Dương Thị Thành	122228813		

Scanned with CamScanner

54	2014A0154	Phạm Thị Minh Thắm	24/6/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	71/417	1515467	P.T. Minh Thắm	050928117	Thắm
55	2014A0157	Trương Thị Thoa	16/4/1996	Sơn La	Dao	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	72/417	1515468	Trương Thị Thoa	050945198	Thoa
56	2014A0158	Khổng Thị Lệ Thu	15/4/1995	Vĩnh Phúc	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	73/417	1515469	Khổng T. Lệ Thu	125791848	Thu
57	2014A0159	Triệu Thị Thu	13/6/1996	Nam Định	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	74/417	1515470	Triệu Thị Thu	163307593	Thu
58	2014A0160	Mai Thị Tình	08/6/1995	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	75/417	1515471	Mai Thị Tình	164558332	Tình
59	2014A0162	Nguyễn Thị Huyền Trang	31/5/1996	Thái Nguyên	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	76/417	1515472	NG T Huyền Trang	091721253	Trang
60	2014A0163	Lường Thị Tú	26/10/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	77/417	1515473	Lường Thị Tú	050931585	Tú
61	2014A0164	Triệu Kim Tuyến	01/12/1996	Hà Giang	Hoa	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	78/417	1515474	Triệu Kim Tuyến	073384369	Tuyến
62	2014A0165	Lò Thị Văn	17/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	79/417	1515475			
63	2014A0168	Nguyễn Thị Yến	23/5/1995	Bắc Ninh	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	80/417	1515476	Nguyễn Thị Yến	125585346	Yến
K55 ĐHGD Tiểu học (B)														
64	2014A0170	Phạm Phương Anh	12/8/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	81/417	1515477	Phạm Phương Anh	050948097	Anh
65	2014A0182	Trần Thị Hiền Hà	05/12/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	82/417	1515478	Trần T Hiền Hà	050948205	Hà
66	2014A0191	Lê Thị Hương	22/8/1996	Hoà Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	83/417	1515479	Lê Thị Hường	113694865	Hường
67	2014A0192	Nguyễn Thị Hương	04/4/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	84/417	1515480	Nguyễn Thị Hường	122206483	
68	2014A0203	Lộc Văn Nam	20/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	85/417	1515481	Lê Thị Hường	113694865	Hường
69	2014A0208	Nguyễn Thị Lan Phương	12/9/1995	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	86/417	1515482	NG T Lan Phương	113593752	Phương
70	2014A0209	Hoàng Thị Bích Phượng	26/7/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	87/417	1515483	H T. Bích Phượng	050924775	Phượng
71	2014A0223	Trương Thị Trang	08/11/1996	Thanh Hoá	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	88/417	1515484	Trương Thị Trang	174929223	Trang
72	2014A0225	Tòng Văn Trường	23/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	89/417	1515485	Tòng. V. Trường	050858985	Trường
73	2014A0229	Cà Văn Yêu	02/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	90/417	1515486	Cà. V. Yêu	050946358	Yêu
K55 ĐHGD Tiểu học (C)														
74	2014A0230	Lò Văn Ái	20/4/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	91/417	1515487	Lò Văn Ái	050859838	Ái
75	2014A0231	Mè Thị Kim Bạch	16/9/1994	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	92/417	1515488	Mè T.K. Bạch	050805621	Bạch
76	2014A0233	Vì Văn Chinh	10/4/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	93/417	1515489	Vì văn chinh	050928002	chinh
77	2014A0234	Nguyễn Hồng Cúc	04/10/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	94/417	1515490	Ng Hồng Cúc	017433428	Cúc
78	2014A0235	Mùi Thị Dịu	04/3/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	95/417	1515491	Mùi Thị Dịu	050945018	Dịu
79	2014A0238	Lềm Thị Dụng	20/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	96/417	1515492	Lềm thị dụng	050821107	Dụng
80	2014A0239	Lường Thị Duyên	27/11/1996	Hoà Bình	Tày	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	97/417	1515493	Lường Thị Duyên	136151449	Duyên
81	2014A0240	Nguyễn Thu Giang	18/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	98/417	1515494	Lò Thị Giang Hường	050817442	Giang
82	2014A0241	Lường Thị Hà	01/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	99/417	1515495	Lường Thị Hà	050886383	Hà
83	2014A0242	Tòng Thị Hảo	01/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	100/417	1515496	Tòng Thị Hảo	050860738	Hảo

Scanned with CamScanner

84	2014A0243	Hà Thị Hằng	29/9/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	101/417	1515497	Hà Thị Hằng	050867397	Hằng
85	2014A0244	Mùi Thị Hậu	06/4/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	102/417	1515498	Mùi Thị Hậu	050947620	Hậu
86	2014A0245	Đinh Thị Hiền	16/12/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	103/417	1515499	Đinh Thị Hiền	050855952	Hiền
87	2014A0246	Phạm Thị Thu Hiền	13/7/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	104/417	1515500	Phạm Thị Thu Hiền	164574809	Hiền
88	2014A0247	Lò Thị Hoa	20/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	105/417	1515501	Lò Thị Hoa	040483155	Hoa
89	2014A0248	Tòng Thị Hỏa	15/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	106/417	1515502	Tòng Thị Hỏa	050964104	Hoa
90	2014A0249	Hạng A Hồng	05/7/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	107/417	1515503	Hạng A Hồng	040470020	Hồng
91	2014A0250	Vì Thị Hồng	23/5/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	108/417	1515504	Vì Thị Hồng	050930916	Hồng
92	2014A0251	Nguyễn Thị Huyền	12/02/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	109/417	1515505	Ng Thị Huyền	050884948	Huyền
93	2014A0255	Đinh Trung Kiên	14/12/1992	Sơn La	Mường	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	110/417	1515506	Đinh Trung Kiên	050823009	Kiên
94	2014A0256	Điêu Thị Kiều	13/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	111/417	1515507	Điêu Thị Kiều	050868383	Kiều
95	2014A0257	Lò Thị Lan	22/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	112/417	1515508	Lò Thị Lan	050933301	Lan
96	2014A0258	Vũ Thị Phương Liên	29/11/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	113/417	1515509			
97	2014A0259	Đặng Thị Loan	06/01/1996	Hoà Bình	Dao	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	114/417	1515510	Đặng Thị Loan	113620699	Loan
98	2014A0260	Vàng Lão Lù	20/3/1996	Lai Châu	Dao	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	115/417	1515511	Vàng Lão Lù	040630598	Lù
99	2014A0261	Cầm Hồng Lưu	20/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	T.Bình	116/417	1515512	Cầm Hồng Lưu	050889790	Lưu
100	2014A0262	Lò Thị Mai	18/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	117/417	1515513	Lò Thị Mai	050913361	Mai
101	2014A0263	Lềm Thị Miên	28/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	118/417	1515514	Lềm Thị Miên	050903815	Miên
102	2014A0266	Hoàng Thị Ngắm	15/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	119/417	1515515	Hoàng Thị Ngắm	050005390	Ngắm
103	2014A0268	Hà Thị Niềm	04/02/1996	Thanh Hoá	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	120/417	1515516	Hà Thị Niềm	038196004070	Niềm
104	2014A0269	Hà Thị Oanh	04/3/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	121/417	1515517	Hà Thị Oanh	050862675	Oanh
105	2014A0270	Vì Văn Phất	10/7/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	122/417	1515518	Vì Văn Phất	040579103	Phất
106	2014A0271	Cà Văn Phước	05/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	123/417	1515519	Cà Văn Phước	050989778	Phước
107	2014A0273	Bùi Thị Quỳnh	19/7/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	124/417	1515520	Bùi Thị Quỳnh	040727283	Quỳnh
108	2014A0274	Lường Thị Tâm	25/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	125/417	1515521	Lường Thị Tâm	050924215	Tâm
109	2014A0275	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/02/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	126/417	1515522	Nguyễn Thanh Tâm	122102072	Tâm
110	2014A0276	Lường Thị Phương Thảo	11/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	127/417	1515523	Lường Thị Phương Thảo	040475873	Thảo
111	2014A0277	Phạm Thu Thảo	02/7/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Xuất sắc	128/417	1515524	Phạm Thu Thảo	050914554	Thảo
112	2014A0278	Đinh Thị Thêu	10/3/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	129/417	1515525	Đinh Thị Thêu	050855070	Thêu
113	2014A0279	Bùi Thị Thiết	24/12/1996	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	130/417	1515526	Bùi Thị Thiết	113663984	Thiết
114	2014A0280	Lò Văn Thơm	16/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	131/417	1515527	Lò Văn Thơm	050998709	Thơm
115	2014A0282	Dương Minh Thu	25/7/1996	Sơn La	Thổ	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	132/417	1515528	Dương Minh Thu	050928080	Minh Thu

Scanned with CamScanner

116	2014A0283	Nguyễn Minh Thùy	18/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	133/417	1515529	Nguyễn Minh Thu	050889829	Thùy
117	2014A0284	Trần Thị Thủy	11/10/1996	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	134/417	1515530	Trần Thị Thủy	135810170	Thủy
118	2014A0285	Lò Thị Toàn	03/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	135/417	1515531	Lò Thị Toàn	0501 33 96	Toàn
119	2014A0291	Lò Thị Yến	18/5/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	136/417	1515532	Lò Thị Yến	040727291	Yến
K55 ĐH Công nghệ thông tin														
120	2014A0688	Đỗ Hồng Nhung	10/12/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Công nghệ TT	Khá	137/417	1515533	Đỗ Hồng Nhung	050857659	
121	2014A1030	Hongsakhone Simeuangmai	15/7/1996	Xay Nhạ Bu Ly	Lào	Lào	Nữ	Công nghệ TT	Giỏi	138/417	1515534	Hông sả khon	P1240982	
122	2014A1398	Trịnh Minh Quý	23/8/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Công nghệ TT	Giỏi	139/417	1515535	Trịnh Minh Quý	050901046	

* Ngày 01 tháng 6 năm 2018 xuất 122 phôi bằng TNĐHCN để in 122 chiếc bằng TNĐHCN theo QĐ 417

Bằng TNĐH Cử nhân: Từ 1515414 đến 1515535 *(122 chiếc)*

Sơn La, ngày 01 tháng 6 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 417/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 31 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 29/05/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ II - Năm học 2017 - 2018 (đợt 1);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 122 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2017 - 2018 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 417 /QĐ-ĐHTB, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
1	2013A0695	Lường Văn	Quyết	03/10/1994	Nam	K54 ĐHGD Chính trị			2,26	Trung bình
2	2014A1001	Lexsouthone	Keovilay	13/03/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,64	Khá
3	2014A1002	Pinpome	Chomvilayseng	22/10/1980	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,64	Khá
4	2013A0355	Hoàng Thị	Nguyễn	21/04/1994	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)		x	3,27	Khá
5	2014A0045	Bạc Thị	Tỏa	08/08/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,43	Giỏi
6	2014A0056	Vì Thị	Ân	16/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,97	Khá
7	2014A0063	Hoàng Đỗ Thị	Đậm	08/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,85	Khá
8	2014A0064	Vàng Thị	Giang	11/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,80	Xuất sắc
9	2014A0067	Trần Thu	Hạnh	29/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,15	Khá
10	2014A0068	Điêu Thị	Hảo	08/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,09	Khá
11	2014A0070	Trần Thị	Hoa	08/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,25	Giỏi
12	2014A0072	Cù Thị Thu	Huyền	20/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,03	Khá
13	2014A0075	Đặng Thị	Liễu	15/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,88	Khá
14	2014A0078	Đỗ Thị	Lương	08/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,06	Khá
15	2014A0080	Lò Thị	Mơ	01/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,99	Khá
16	2014A0082	Hoàng Thị	Ngọc	29/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,09	Khá
17	2014A0083	Trần Thị	Nguyệt	01/02/1994	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,13	Khá
18	2014A0084	Lầy Thị	Nhất	28/11/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,91	Khá
19	2014A0090	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,63	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
20	2014A0092	Lò Thị	Thin	02/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,37	Giỏi
21	2014A0096	Cầm Thị Thu	Thủy	25/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,24	Giỏi
22	2014A0097	Quàng Thị	Thúy	24/07/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,67	Khá
23	2014A0098	Lường Thị	Tịnh	31/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,77	Khá
24	2014A0099	Phạm Thị Huyền	Trang	15/07/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,61	Khá
25	2014A0102	Lý Thị Thu	Vân	12/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,59	Khá
26	2014A0107	Hà Thị Hoàng	Yến	18/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,76	Khá
27	2014A0109	Đinh Thị	Bình	19/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,73	Khá
28	2014A0110	Nguyễn Lan	Chinh	01/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,37	Giỏi
29	2014A0113	Vàng Thị	Dợ	03/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,91	Khá
30	2014A0114	Lò Thị	Dung	20/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,95	Khá
31	2014A0115	Quàng Hà	Duy	21/05/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,50	Giỏi
32	2014A0116	Hà Thị	Duyên	26/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,60	Xuất sắc
33	2014A0117	Lê Văn	Đạt	02/06/1993	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,71	Khá
34	2014A0118	Bùi Thị	Hà	15/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,13	Khá
35	2014A0120	Lê Thị	Hạnh	16/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)	x	x	3,21	Khá
36	2014A0121	Lường Thị	Hằng	18/02/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,29	Giỏi
37	2014A0122	Lường Thị	Hiền	05/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,15	Khá
38	2014A0124	Lò Thu	Hòa	22/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,07	Khá
39	2014A0125	Hà Thị	Hồng	15/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,23	Giỏi
40	2014A0130	Lò Thị	Khơi	05/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,14	Khá
41	2014A0132	Lò Thị	Lan	19/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,85	Khá
42	2014A0133	Lò Thùy	Linh	24/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,93	Khá
43	2014A0134	Lù Thị Diệu	Linh	01/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,19	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
44	2014A0138	Hà Văn	Minh	15/09/1995	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,77	Khá
45	2014A0139	Quàng Văn	Nam	08/03/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,03	Khá
46	2014A0143	Phan Thị Bích	Ngọc	27/04/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,45	Giỏi
47	2014A0145	Giàng A	Phồng	10/07/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,69	Khá
48	2014A0147	Nguyễn Thị	Phượng	09/06/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,84	Xuất sắc
49	2014A0148	Quách Thúy	Quỳnh	12/05/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,15	Khá
50	2014A0149	Lò Văn	Sáng	28/12/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,65	Khá
51	2014A0151	Sộng A	Súa	08/07/1995	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,31	Trung bình
52	2014A0152	Đinh Thị	Thanh	15/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,81	Khá
53	2014A0153	Dương Thị	Thành	08/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,33	Giỏi
54	2014A0154	Phạm Thị Minh	Thắm	24/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,05	Khá
55	2014A0157	Trương Thị	Thoa	16/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,18	Khá
56	2014A0158	Khổng Thị Lệ	Thu	15/04/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,81	Khá
57	2014A0159	Triệu Thị	Thu	13/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,07	Khá
58	2014A0160	Mai Thị	Tình	08/06/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,93	Khá
59	2014A0162	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,05	Khá
60	2014A0163	Lường Thị	Tú	26/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,62	Khá
61	2014A0164	Triệu Kim	Tuyến	01/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,15	Khá
62	2014A0165	Lò Thị	Văn	17/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,01	Khá
63	2014A0168	Nguyễn Thị	Yến	23/05/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,27	Giỏi
64	2014A0170	Phạm Phương	Anh	12/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,72	Xuất sắc
65	2014A0182	Trần Thị Hiền	Hà	05/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,34	Giỏi
66	2014A0191	Lê Thị	Hương	22/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,80	Xuất sắc
67	2014A0192	Nguyễn Thị	Hương	04/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,73	Xuất sắc

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
68	2014A0203	Lộc Văn	Nam	20/09/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,59	Khá
69	2014A0208	Nguyễn Thị Lan	Phương	12/09/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,91	Khá
70	2014A0209	Hoàng Thị Bích	Phượng	26/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,76	Khá
71	2014A0223	Trương Thị	Trang	08/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,39	Giỏi
72	2014A0225	Tòng Văn	Trường	23/03/1995	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,62	Khá
73	2014A0229	Cà Văn	Yêu	02/08/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,76	Khá
74	2014A0230	Lò Văn	Ái	20/04/1995	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,95	Khá
75	2014A0231	Mè Thị Kim	Bạch	16/09/1994	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,43	Giỏi
76	2014A0233	Vì Văn	Chinh	10/04/1995	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,63	Khá
77	2014A0234	Nguyễn Hồng	Cúc	04/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,55	Giỏi
78	2014A0235	Mùi Thị	Dịu	04/03/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,16	Khá
79	2014A0238	Lềm Thị	Dụng	20/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,99	Khá
80	2014A0239	Lường Thị	Duyên	27/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,68	Khá
81	2014A0240	Nguyễn Thu	Giang	18/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,99	Khá
82	2014A0241	Lường Thị	Hà	01/06/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,08	Khá
83	2014A0242	Tòng Thị	Hảo	01/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,81	Khá
84	2014A0243	Hà Thị	Hằng	29/09/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,83	Khá
85	2014A0244	Mùi Thị	Hậu	06/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,15	Khá
86	2014A0245	Đinh Thị	Hiền	16/12/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,11	Khá
87	2014A0246	Phạm Thị Thu	Hiền	13/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,55	Giỏi
88	2014A0247	Lò Thị	Hoa	20/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,56	Giỏi
89	2014A0248	Tòng Thị	Hỏa	15/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,72	Xuất sắc
90	2014A0249	Hạng A	Hồng	05/07/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,71	Khá
91	2014A0250	Vì Thị	Hồng	23/05/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,09	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
92	2014A0251	Nguyễn Thị	Huyền	12/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,64	Xuất sắc
93	2014A0255	Đinh Trung	Kiên	14/12/1992	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,07	Khá
94	2014A0256	Điêu Thị	Kiều	13/09/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,78	Khá
95	2014A0257	Lò Thị	Lan	22/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,89	Khá
96	2014A0258	Vũ Thị Phương	Liên	29/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,59	Khá
97	2014A0259	Đặng Thị	Loan	06/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,85	Khá
98	2014A0260	Vàng Lão	Lù	20/03/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,43	Trung bình
99	2014A0261	Cầm Hồng	Lưu	20/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,37	Trung bình
100	2014A0262	Lò Thị	Mai	18/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,10	Khá
101	2014A0263	Lềm Thị	Miên	28/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,67	Khá
102	2014A0266	Hoàng Thị	Ngắm	15/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,27	Giỏi
103	2014A0268	Hà Thị	Niềm	04/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,10	Khá
104	2014A0269	Hà Thị	Oanh	04/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,24	Giỏi
105	2014A0270	Vì Văn	Phất	10/07/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,79	Khá
106	2014A0271	Cà Văn	Phước	05/09/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,72	Khá
107	2014A0273	Bùi Thị	Quỳnh	19/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,74	Khá
108	2014A0274	Lường Thị	Tâm	25/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,88	Khá
109	2014A0275	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	24/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,28	Giỏi
110	2014A0276	Lường Thị Phương	Thảo	11/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,76	Khá
111	2014A0277	Phạm Thu	Thảo	02/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,75	Xuất sắc
112	2014A0278	Đinh Thị	Thêu	10/03/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,33	Giỏi
113	2014A0279	Bùi Thị	Thiết	24/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,82	Khá
114	2014A0280	Lò Văn	Thơm	16/08/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,75	Khá
115	2014A0282	Dương Minh	Thu	25/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,59	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
116	2014A0283	Nguyễn Minh	Thùy	18/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,88	Khá
117	2014A0284	Trần Thị	Thủy	11/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,33	Giỏi
118	2014A0285	Lò Thị	Toản	03/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			3,27	Giỏi
119	2014A0291	Lò Thị	Yến	18/05/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,69	Khá
120	2014A0688	Đỗ Hồng	Nhung	10/12/1995	Nữ	K55 ĐH Công nghệ thông tin			3,02	Khá
121	2014A1030	Hongsakhone	Simeuangmai	15/07/1996	Nữ	K55 ĐH Công nghệ thông tin			3,49	Giỏi
122	2014A1398	Trịnh Minh	Quý	23/08/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			3,40	Giỏi

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NĂM 2018 - Đợt 2

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 416/QĐ-ĐHTB ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu VB	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Cao đẳng học lại K53, K55														
1	1211020001	Lường Văn Anh	30/7/1992	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Tin học	T.Bình	140/416	B447824	Lường Văn Anh	2510730154	Anh
2	2014A1507	Lê Thị Thu	22/10/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	T.Bình	141/416	B447825	Lê Thị Thu	050946788	Thu
K56 CĐGD Mầm non														
3	2015A0007	Tòng Thị Lan	01/10/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	142/416	B447826	Tòng T. Lan	040534724	Lan
4	2015A0009	Nguyễn Thị Lan Oanh	01/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	143/416	B447827	Ng. T. Lan Oanh	050947647	Oanh
5	2015A0011	Lò Thị Phương	20/12/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	144/416	B447828	L.T. Phương	040532513	Phương
6	2015A0013	Lường Thị Phượng	27/11/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	145/416	B447829	L.T. Phượng	040535937	Phượng
7	2015A0015	Lò Thị Thanh	01/6/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	146/416	B447830	L.T. Thanh	040826011	Thanh
8	2015A1546	Lò Thị Hiền	08/11/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	147/416	B447831			
9	2015A1548	Lường Thị Mây	02/8/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	148/416	B447832	L. T. Mây	040732723	Mây

* Ngày 01 tháng 6 năm 2018 xuất 09 phôi bằng TNCĐ để in 09 chiếc bằng TN Cao đẳng theo QĐ 416
Bằng TNCĐ: Từ B447824 đến B447832 *(09 chiếc)*

Sơn La, ngày 01 tháng 6 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 416/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 31 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 29/05/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ II - Năm học 2017 - 2018 (đợt 1);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 09 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2018 - Đợt 3

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 482/QĐ-ĐHTB ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Đại học học lại K53, K54														
1	1253020009	Vì Văn Kiên	30/5/1992	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	149/482	476393	Vì Văn Kiên	040459474	Kiên
2	1253050025	Lò Văn Tỷ	09/12/1993	Sơn La	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	150/482	476394	Lò Văn Tỷ	050753059	Tỷ
3	2013A1729	Mè Văn Phương	08/10/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	151/482	476395	Mè Văn Phương	050896391	Phương
4	2013A1889	Phùng Mai Anh Phương	28/8/1994	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	152/482	476396	Phùng Mai Anh Phương	050945528	[illegible]
5	2013A1383	Trần Thị Thu Huyền	10/9/1994	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	153/482	1515536	Trần Thị Thu Huyền	050862457	Huyền
6	2013A1405	Lò Thị Thim	09/11/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	154/482	1515537	Lò Thị Thim	040778379	Thim
7	2013A1018	Vũ Viết Thành	25/10/1995	Hưng Yên	Kinh	VN	Nam	SP Hóa học	Khá	155/482	1515538	Phạm Thị Lan	045558541	Lan
8	2013A0840	Hà Mỹ Linh	04/11/1994	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	156/482	1515539			
9	2013A1127	Nguyễn Xuân Quỳnh	14/01/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	157/482	1515540			
10	2013A1181	Phạm Thị Thư	18/7/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	T.Bình	158/482	1515541	Phạm Thị Thư	050888867	Thư
K55 ĐHGD Chính trị (A)														
11	2014A0292	Vừ Thị Bấu	10/8/1992	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	159/482	1515542	Bấu	040583891	Bấu
12	2014A0294	Màng Thị Chanh	20/7/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	160/482	1515543	Chanh	040677875	Chanh
13	2014A0296	Tòng Văn Chiến	20/5/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	161/482	1515544			
14	2014A0298	Sừng Xú Chừ	10/6/1995	Lai Châu	Hà Nhì	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	162/482	1515545	Chừ	040626574	Chừ
15	2014A0300	Lý Hừ De	16/9/1996	Lai Châu	Hà Nhì	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	163/482	1515546	De	045153002	De
16	2014A0303	Đinh Thị Đào	12/5/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	164/482	1515547	Đào	050845062	Đào
17	2014A0305	Lò Thị Hà	17/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	165/482	1515548	Hà	050821019	Hà
18	2014A0308	Tín Diên Hò	16/01/1995	Lai Châu	Hoa	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	166/482	1515550	Tín Diên Hò	040631042	[illegible]
19	2014A0309	Vì Thu Hoan	07/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	167/482	1515552	Hoan	050945040	Hoan
20	2014A0314	Lý A Khày	18/12/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	168/482	1515553	Khày	040450960	Khày
21	2014A0315	Vàng Thị Lan	26/11/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	169/482	1515554	Lan	040531271	Lan
22	2014A0316	Cà Văn Lanh	04/02/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	170/482	1515555	Lanh	050999518	Lanh
23	2014A0317	Lò Văn Linh	21/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	171/482	1515556	Lò Văn Linh	050955639	Linh
24	2014A0318	Nguyễn Thị Loan	11/9/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	GD Chính trị	Giỏi	172/482	1515557	Nguyễn Thị Loan	040478574	Loan

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
25	2014A0319	Phàng Thị Mái	12/3/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	173/482	1515558	Phàng Thị Mái	050985079	Mái
26	2014A0335	Lường Thị Thảo	08/6/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	174/482	1515559	Lường Thị Thảo	040775843	Thảo
27	2014A0338	Quàng Thị Thim	26/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	175/482	1515560	Quàng Thị Thim	050896963	Thim
28	2014A0339	Đinh Thị Thơm	23/3/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	176/482	1515561	Đinh Thị Thơm	050932752	Thơm
29	2014A0342	Quàng Văn Tích	10/02/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	177/482	1515562	Quàng Văn Tích	050952400 4	Tích
30	2014A0345	Hà Thị Tuấn	09/01/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	178/482	1515563	Hà Thị Tuấn	050932172	Tuấn.
31	2014A0998	Chanthaphone Boualasai	10/10/1993	U Dôm Xay	Lào	Lào	Nam	GD Chính trị	Khá	179/482	1515564	Chăm Tha Phon	04 -009233	Mươn
32	2014A0999	Khamphon Phaneleuangsy	11/5/1986	Luông Nậm Thà	Lào	Lào	Nam	GD Chính trị	T.Bình	180/482	1515565	Khăm Phôn	03 - 0013598	[illegible]
33	2014A1000	Khampheth Sounvileuth	06/12/1994	Phông Sa Lỳ	Lào	Lào	Nam	GD Chính trị	T.Bình	181/482	1515566	Khăm phết	02-0020243	[illegible]
34	2014A1003	Somphai Phommalai	10/11/1995	Xay Nhạ Bu Ly	Lào	Lào	Nữ	GD Chính trị	Khá	182/482	1515567	Sôm phay	08 007 1872	[illegible]
35	2016A0007	Thavone Sorlisa	15/5/1986	U Đôm Xay	Lào	Lào	Nam	GD Chính trị	T.Bình	183/482	1515568	Thavon	04-0008923	[illegible]
36	2016A0009	Lasanom Silatham	03/3/1986	Phông Sa Lỳ	Lào	Lào	Nam	GD Chính trị	Khá	184/482	1515571	Lasanome.	P 1818989	Lasanome.
K55 ĐHGD Chính trị (B)														
37	2014A0892	Bùi Phương Anh	04/5/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	185/482	1515572	Bùi Phương Anh	05 0944980	Uyanh
38	2014A0893	Khoàng Thị Anh	25/12/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	186/482	1515573	Khoàng Thị Anh	040629438	Anh
39	2014A0894	Lường Văn Anh	12/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	187/482	1515574	Lường Văn Anh	040480852	[illegible]
40	2014A0897	Sùng Thị Chẳng	06/01/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	188/482	1515575	Sùng Thị chẳng	040728809	[illegible]
41	2014A0899	Tòng Thị Chung	30/10/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	189/482	1515576	Tòng Thị Chung	050958080	[illegible]
42	2014A0902	Sùng A Dơ	13/4/1992	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	190/482	1515577	Sùng A Dơ	145139113	[illegible]
43	2014A0907	Quàng Thị Hải	05/7/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	191/482	1515578	Quàng Thị Hải	040579423	Hải.
44	2014A0908	Quàng Thị Hạnh	18/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	192/482	1515579	Quàng Thị Hạnh	050942867	Hạnh
45	2014A0911	Lường Văn Hoàng	04/3/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	193/482	1515580	Hoàng	0974377799	Hoàng
46	2014A0914	Nùng Thị Hường	05/9/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Giỏi	194/482	1515581	Nùng Thị Hường	040677699	Hường
47	2014A0917	Lò Thị Kiên	23/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Giỏi	195/482	1515582	Lò Thị Kiên	040483884	[illegible]
48	2014A0919	Nguyễn Mai Lệ	06/5/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	196/482	1515583	Nguyễn Mai Lệ	050801063	[illegible]
49	2014A0920	Thào A Lứ	01/01/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	197/482	1515584	Lứ	040457625	Lứ
50	2014A0921	Triệu Văn Minh	02/5/1995	Sơn La	Dao	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	198/482	1515585	Triệu Văn Minh	050963051	Minh
51	2014A0922	Hà Văn Nhất	25/12/1996	Sơn La	Mường	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	199/482	1515586	Hà Văn Nhất	050929220	[illegible]
52	2014A0924	Quàng Thị Nhung	02/5/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	200/482	1515587	Quàng Thị Nhung	040481017	Nhung
53	2014A0925	Vàng A Nỏ	20/6/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	201/482	1515588	Nỏ	098902867	Nỏ

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
54	2014A0928	Cà Văn Quỹ	26/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	202/482	1515589	Cà Văn Quỹ	050922985	
55	2014A0929	Quàng Thị Quý	06/3/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	203/482	1515590	Quàng Thị Quý	090975790	
56	2014A0930	Lò Văn Quyền	08/5/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	204/482	1515591	Lò Văn Quyền	050886477	
57	2014A0931	Và A Sà	10/5/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	205/482	1515592	Sà	050894421	Sà
58	2014A0933	Sồng A Su	17/9/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	206/482	1515593	Sồng A Su	050958114	Su
59	2014A0935	Lê Văn Thân	09/6/1992	Sơn La	Kinh	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	207/482	1515594	Lê Văn Thân	050873620	Thân
60	2014A0936	Phá A Thếnh	01/12/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	208/482	1515595	Phá A Thếnh	050898809	Thếnh
61	2014A0938	Quàng Thị Thoại	06/6/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	209/482	1515596	Quàng Thị Thoại	096579805	Thoại
62	2014A0940	Vàng Thị Thuyết	30/9/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	210/482	1515597	Vàng Thị Thuyết	050976286	Thuyết
63	2014A0943	Cầm Thị Trang	11/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	211/482	1515598	Cầm Thị Trang	050927657	Trang
64	2014A0945	Lò Văn Út	18/12/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	212/482	1515599	Lò Văn Út	050968607	Út
K55 ĐH Quản trị kinh doanh														
65	2014A0629	Nguyễn Đức Toàn	14/4/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Quản trị KD	Khá	213/482	1515600	Toàn	050859411	Toàn
66	2014A1022	Chomsi Phommalat	11/6/1995	Phông Sa Lỳ	Lào	Lào	Nam	Quản trị KD	Khá	214/482	1515601	Chom Si	AB0029073	
67	2014A1023	Inthaphone Luenammachak	14/7/1996	U Đôm Xay	Lào	Lào	Nam	Quản trị KD	Khá	215/482	1515602	In Tha Phon	04-0024553	
68	2014A1024	Phukvisa Xayyachith	19/4/1997	Xiêng Khoảng	Lào	Lào	Nữ	Quản trị KD	Khá	216/482	1515603	Phắc Vi Sa	09-003398	
69	2014A1025	Phonexai Houmphanvongpha	11/6/1996	Luông Pha Băng	Lào	Lào	Nam	Quản trị KD	Khá	217/482	1515604	Phon Xay	060053638	
70	2014A1026	Vongjohn Chanhthapanya	23/6/1993	U Đôm Xay	Lào	Lào	Nam	Quản trị KD	T.Bình	218/482	1515605	Vông Chon	040031588	
K55 ĐH[redacted] Kế toán														
71	2013A1483	Trần Hồng Ngọc	17/01/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	219/482	1515606	Thái	050676086 091105499	
72	2013A1506	Trần Hồng Trang	04/9/1994	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	220/482	1515607	Trang	040451852	Trang
73	2014A0626	Hoàng Thị Phượng	22/11/1995	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	221/482	1515608	Phương	040425841	Phương
74	2014A0633	Lê Thị Bình An	05/3/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	222/482	1515609		050939439	
75	2014A0636	Đàm Hải Anh	02/8/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Kế toán	T.Bình	223/482	1515610	AB	050881784	AB
76	2014A0640	Mùa A Chùa	12/11/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Kế toán	T.Bình	224/482	1515611	Mùa A Chùa	040450670	
77	2014A0641	Tòng Thị Duyên	03/10/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	225/482	1515612	Tòng Thị Duyên	050907737	Duyên
78	2014A0642	Nguyễn Văn Đạt	22/11/1995	Nghệ An	Kinh	VN	Nam	Kế toán	Khá	226/482	1515613	Nguyễn Văn Đạt	187467901	
79	2014A0644	Phạm Hoài Giang	26/8/1994	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	227/482	1515614	Giang	050856887	Giang
80	2014A0645	Lường Thị Hà	19/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	228/482	1515615	Hà	050895629	Hà
81	2014A0646	Lường Thị Hà	25/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	229/482	1515616	Lường Thị Hà	050946351	Hà

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
82	2014A0647	Đinh Thị Hải	26/4/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	Kế toán	T.Bình	230/482	1515617	Đinh Thị Hải	050943063	Hải
83	2014A0648	Lù Văn Hải	07/12/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Kế toán	Khá	231/482	1515618	Lù Văn Hải	050802467	Hải
84	2014A0654	Vũ Hữu Hưng	20/02/1994	Hải Phòng	Kinh	VN	Nam	Kế toán	T.Bình	232/482	1515619	Vũ Hữu Hưng	031774498	Hưng
85	2014A0656	Tòng Thị Ngọc Lan	05/7/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	233/482	1515620	Tòng Thị Ngọc Lan	050941773	Lan
86	2014A0658	Quàng Thị Lâm	10/7/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	234/482	1515621	Quàng Thị Lâm	050946305	Lâm
87	2014A0663	Đỗ Hữu Minh	28/4/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Kế toán	Khá	235/482	1515622	Đỗ Hữu Minh	050853627	[illegible]
88	2014A0668	Vũ Thị Thu Thảo	03/02/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	236/482	1515623	Vũ T Thu Thảo	050982873	Thảo
89	2014A0669	Bùi Văn Thắng	08/8/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Kế toán	Giỏi	237/482	1515624	Bùi Văn Thắng	050973964	[illegible]
90	2014A0670	Lò Thị Thủy	08/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	238/482	1515625	Lò Thị Thủy	050946349	Thủy
91	2014A0673	Hoàng Thị Hải Vân	16/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	239/482	1515626	Hoàng T Hải Vân	050907707	Vân
92	2014A1027	Bouala Thipmoontaly	09/3/1996	Xiêng Khoảng	Lào	Lào	Nữ	Kế toán	Khá	240/482	1515627	[illegible]	09.003613	[illegible]
93	2014A1369	Bạc Thị Huệ	10/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Kế toán	Khá	241/482	1515628	Bạc Thị Huệ	040530813	Huệ
94	2014A1376	Nguyễn Ngọc Mai	24/4/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	T.Bình	242/482	1515629	Nguyễn Ngọc Mai	050901061	Mai
95	2014A1379	Nguyễn Thị Nhung	07/8/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	243/482	1515630			
96	2014A1384	Hoàng Thị Thảo	25/01/1996	Lạng Sơn	Nùng	VN	Nữ	Kế toán	T.Bình	244/482	1515631	Hoàng Thị Thảo	082282427	Thảo
97	2014A1389	Đinh Thị Uốn	26/11/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	Kế toán	T.Bình	245/482	1515632	Đinh Thị Uốn	050945189	[illegible]

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
K55 ĐH Chăn nuôi														
98	2014A0703	Mùi Văn An	19/6/1995	Sơn La	Mường	VN	Nam	Chăn nuôi	Khá	246/482	476397	Mùi Văn An	050829030	An
99	2014A0706	Lò Thị Hà	30/8/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Chăn nuôi	T.Bình	247/482	476398	Lò Thị Hà	040459346	Hà
100	2014A0707	Cầm Văn Hải	02/5/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Chăn nuôi	Khá	248/482	476399	Cầm Văn Hải	050855017	Hải
101	2014A0708	Hờ A Hùng	20/10/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Chăn nuôi	Khá	249/482	476400			
102	2014A0717	Quàng Văn Thắm	01/10/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Chăn nuôi	Khá	250/482	476401	Quàng Thắm	040416072	Thắm
103	2014A0718	Thào A Tráng	18/7/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Chăn nuôi	Khá	251/482	476402	Thào A Tráng	040900301	Tráng
104	2014A0772	Lò Văn Thành	26/3/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Chăn nuôi	Khá	252/482	476403	Lò Văn Thành	040476824	Thành
K55 ĐH Nông học														
105	2014A0721	Sùng Ngọc Ánh	27/02/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	Nông học	T.Bình	253/482	476404	Sùng Ngọc Ánh	040420793	Ánh
106	2014A0723	Trần Thị Kiều Chinh	06/4/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	Nông học	Khá	254/482	476405	Trần Thị Kiều Chinh	090468528	Chinh
107	2014A0724	Lò Văn Chính	08/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Nông học	Khá	255/482	476406	Lò Văn Chính	040577552	Chính
108	2014A0725	Hạng A Chớ	01/8/1993	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Nông học	Khá	256/482	476408	Hạng A Chớ	040486191	Chớ
109	2014A0727	Lò Văn Công	04/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Nông học	Khá	257/482	476409	Lò Văn Công	045120457	Công
110	2014A0729	Lò Văn Cương	09/11/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	258/482	476410	Lò Văn Cương	050801308	Cương
111	2014A0732	Lò Văn Đún	18/01/1993	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	259/482	476411	Lò Văn Đún	040456459	Đún
112	2014A0734	Đoàn Thị Hải	08/11/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	Nông học	Khá	260/482	476412	Đoàn Thị Hải	040480468	Hải
113	2014A0735	Vì Thị Hải	11/10/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	T.Bình	261/482	476413	Vì Thị Hải	040459491	Hải
114	2014A0736	Bùi Thị Hiệu	04/12/1995	Hòa Bình	Mường	VN	Nữ	Nông học	Khá	262/482	476414	Bùi Thị Hiệu	113649097	Hiệu
115	2014A0740	Cà Thị Học	15/11/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	263/482	476415	Cà Thị Học	050946301	Học
116	2014A0742	Lò Thu Huyền	09/11/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	264/482	476416	Lò Thu Huyền	050859436	Huyền
117	2014A0744	Cà Thị Lâm	28/8/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	265/482	476417	Cà Thị Lâm	040473357	Lâm
118	2014A0746	Vàng A Mẻ	07/3/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	Nông học	Giỏi	266/482	476418	Vàng A Mẻ	050970301	[illegible]
119	2014A0749	Điêu Thị Nhung	20/8/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	267/482	476419	Điêu Thị Nhung	040450970	Nhung
120	2014A0750	Mùa A Páo	21/4/1995	Điện Biên	H'Mông	VN	Nam	Nông học	Khá	268/482	476420	Mùa A Páo	040426509	Páo
121	2014A0753	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	04/8/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	Nông học	Khá	269/482	476421	Quàng Văn Sơn	040469483	Quỳnh
122	2014A0754	Quàng Văn Siềng	07/02/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	270/482	476422	Quàng Văn Siềng	050897653	[illegible]
123	2014A0755	Quàng Văn Sơn	04/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	Nông học	Giỏi	271/482	476423	Quàng Văn Sơn	050962911	Sơn
124	2014A0760	Lường Thị Thảo	11/01/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	272/482	476424	Lường Thị Thảo	040458292	Thảo
125	2014A0762	Lò Văn Tuyển	13/3/1993	Sơn La	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	273/482	476425			

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
126	2014A0763	Tông A Tỷ	09/02/1996	Lai Châu	Hoa	VN	Nam	Nông học	Khá	274/482	476426	Tông A Tỷ	040631041	Tỷ
127	2014A0765	Thào A Vừ	07/8/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Nông học	T.Bình	275/482	476427	Thào A Vừ	040577325	Vừ
128	2014A0767	Lò Thị Hiền	26/10/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	276/482	476428	Lò Thị Hiền	040778446	Hiền
129	2014A0770	Trần Thị Lan	08/02/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	Nông học	Khá	277/482	476429	Trần Thị Lan	090982214	Lan
130	2014A1406	Sùng Thị Dợ	25/12/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	Nông học	Khá	278/482	476430	Sùng Thị Dợ	040530698	Dợ
131	2014A1407	Hù Thị Mé	03/10/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	Nông học	Khá	279/482	476431	Hù Thị Mé	040483370	Mé
132	2014A1408	Lò Thị Thương	15/11/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	280/482	476432	Lò Thị Thương	040530695	Thương
133	2014A1409	Lò Thị Đoàn	15/3/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	281/482	476433	Lò Thị Đoàn	040530548	Đoàn
K55 ĐH Lâm sinh														
134	2014A0785	Lò Văn Hoàng	01/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	282/482	476434	Lò Văn Hoàng	050902453	Hoàng
135	2014A0801	Lò Thị My	23/7/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Lâm sinh	Giỏi	283/482	476435	Lò Thị My	050849423	My
136	2014A0809	Lò Văn Quốc	04/5/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	284/482	476436	Lò Văn Quốc	050763742	Quốc
137	2014A0810	Tòng Văn Quyền	30/5/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	285/482	476437	Tòng Văn Quyền	040459418	Quyền
138	2014A0811	Vàng A Sá	19/12/1994	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	286/482	476438	Vàng A Sá	040415736	Sá
139	2014A0813	Sùng A Sềnh	08/7/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	287/482	476439	Sùng A Sềnh	[illegible]	Sềnh
140	2014A0815	Hứa Văn Sơn	04/12/1994	Bắc Giang	Nùng	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	288/482	476440	Hứa Văn Sơn	122100980	Sơn
141	2014A0817	Hàng A Tềnh	19/5/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	289/482	476441	Hàng A Tềnh	050814449	Tềnh
142	2014A0820	Lò Thị Thao	11/11/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Lâm sinh	Khá	290/482	476442	Lò Thị Thao	050935042	Thao
143	2014A0828	Lò Văn Trọng	20/11/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	291/482	476443	Lò Văn Trọng	050929241	Trọng
144	2014A0832	Nguyễn Thị Hải Vân	18/5/1995	Yên Bái	Tày	VN	Nữ	Lâm sinh	Giỏi	292/482	476444	Nguyễn Thị Hải Vân	060970717	Vân
K55 ĐH Quản lý Tài nguyên và Môi trường														
145	2013A1766	Tòng Thị Cương	27/5/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	293/482	476445	Tòng Thị Cương	040459502	Cương
146	2014A0834	Giàng A A	01/01/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	294/482	476446	Giàng A A	040680631	A
147	2014A0835	Nguyễn Thái Anh	01/5/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	295/482	476447	Nguyễn Thái Anh	050953681	Anh
148	2014A0844	Lù Văn Hải	05/7/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	296/482	476448	Lù Văn Hải	045151320	Hải
149	2014A0848	Nguyễn Thị Hoa	09/11/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	297/482	476449	Nguyễn Thị Hoa	040482950	Hoa
150	2014A0850	Lò Văn Hùng	05/7/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	298/482	476450	Lò Văn Hùng	045043107	Hùng
151	2014A0851	Nguyễn Tiến Hưng	16/5/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	299/482	476451	Ng Tiến Hưng	050840696	Hưng
152	2014A0852	Lò Văn Khang	15/10/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	300/482	476452	Lò Văn Khang	050788552	Khang
153	2014A0857	Sùng A Mính	27/7/1994	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	301/482	476453	Sùng A Mính	040532400	Mính

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
154	2014A0860	Bùi Bình Nguyên	18/6/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	QL TN & MT	Giỏi	302/482	476454	Bùi Bình Nguyên	050877260	Nguyên
155	2014A0861	Hờ A Phía	20/5/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	303/482	476455	Hờ A Phía	050936476	Phía
156	2014A0866	Lò Văn Quý	20/01/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	Giỏi	304/482	476456	Lò Văn Quý	050816756	Quý
157	2014A0871	Tẩn Láo Sử	05/4/1996	Lai Châu	Dao	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	305/482	476457	Tẩn Láo Sử	[illegible]	Sử
158	2014A0873	Quàng Văn Thắm	11/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	306/482	476458	Quàng Văn Thắm	050936005	Thắm
159	2014A0874	Lò Văn Thiệp	07/8/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	307/482	476459	Lò Văn Thiệp	045151360	Thiệp.
160	2014A0877	Quàng Thị Thoa	14/5/1994	Sơn La	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	308/482	476460	Lò Thị Thu	040679828	Thu
161	2014A0878	Lò Thị Thu	26/11/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	309/482	476461	Quàng Thị Thoa	050801023	Thoa
162	2014A0879	Lường Thu Thủy	06/02/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	310/482	476462	Lường Thu Thủy	050855096	Thủy
163	2014A0880	Đinh Thị Thương	23/7/1996	Hoà Bình	Kinh	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	311/482	476463	Đinh Thị Thương	113694878	Thương
164	2014A0881	Quàng Văn Thương	02/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	312/482	476464	Quàng Văn Thương	140728939	Thương
165	2014A0883	Mùa A Trống	17/5/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	313/482	476465	Mùa A Trống	050945169	Trống
166	2014A0884	Lò Văn Tuấn	07/9/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	314/482	476466	Lò Văn Tuấn	040528298	Tuấn
167	2014A0885	Nguyễn Bá Tùng	05/3/1993	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	315/482	476467	Nguyễn Bá Tùng	050806957	Tùng
168	2014A0886	Nguyễn Văn Tư	04/01/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	316/482	476468	Nguyễn Văn Tư	050917676	Tư
169	2014A0888	Lò Thị Ty	28/5/1996	Lai Châu	Khơ-mú	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	317/482	476469	Lò Thị Ty	040675519	Ty
170	2014A0889	Lèo Thị Việt	07/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	318/482	476470	Lèo Thị Việt	050999376	Việt
171	2014A0891	Nguyễn Ngọc Vinh	26/9/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	319/482	476471	Nguyễn Ngọc Vinh	050896993	Vinh
172	2014A1033	Bountem Vilasen	22/4/1994	Luông Pha Băng	Lào	Lào	Nam	QL TN & MT	Khá	320/482	476472	Bun Têm Vilasen	SV Lào	[illegible]
173	2014A1034	Lavanh Hanvixai	07/8/1995	Xay Nhạ Bu Ly	Lào	Lào	Nữ	QL TN & MT	Khá	321/482	476473	La Van Hanvixai	SV Lào	[illegible]
174	2014A1035	Fongsany Phimmasone	10/11/1994	Xiêng Khoảng	Lào	Lào	Nam	QL TN & MT	Khá	322/482	476474	Phongsa Ly	256 [illegible]	[illegible]
175	2014A1036	Thongsy Synouanthong	23/02/1995	Xiêng Khoảng	Lào	Lào	Nam	QL TN & MT	Khá	323/482	476475	Thongsi Sinouanthong		Thongsy
176	2014A1427	Phan Đức Anh	01/3/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	324/482	476476	Phan Đức Anh	0989876384	Anh
177	2014A1435	Đỗ Thị Thu Hoài	17/7/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	325/482	476477	Đỗ Thị Thu Hoài	034196002202	Hoài
178	2014A1441	Thào A Sang	10/4/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	326/482	476478	Thào A Sang	050945025	[illegible]
179	2014A1448	Lò Thị Trang	18/02/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Giỏi	327/482	476479	Lò Thị Trang	050948641	Trang
180	2014A1449	Hà Thị Trươn	26/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	328/482	476480	Hà Thị Trươn	050903010	Trươn
181	2014A1451	Vàng A Vanh	09/02/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	Khá	329/482	476481	Vàng A Vanh	050942045	Vanh
182	2014A1453	Lò Thị Yến	14/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	330/482	476482	Lò Thị Yến	040528542	Yến

K55 ĐHSP Tiếng Anh

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
183	2014A0605	Đinh Thị Minh Châu	27/8/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Giỏi	331/482	1515633	Đinh T. M. Châu	050982849	Châu
184	2014A0606	Đinh Thị Hà Giang	19/11/1994	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	332/482	1515634	Đinh T.H Giang	050997160	Giang
185	2014A0607	Tòng Thị Hiền	05/8/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	333/482	1515635	Tòng Thị Hiền	041528450	Hiền
186	2014A0610	Vì Thị Liên	13/6/1996	Hoà Bình	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	334/482	1515636	Vì Thị Liên	113589832	Liên
187	2014A0615	Phạm Thị Thanh	21/6/1996	Thanh Hoá	Mường	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	335/482	1515637	Phạm Thị Thanh	179868733	Thanh
188	2014A0616	Hà Anh Tuấn	16/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Tiếng Anh	Khá	336/482	1515638	Hà Anh Tuấn	050907527	Tuấn
189	2014A0617	Nguyễn Thị Uyên	07/5/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	337/482	1515639	Nguyễn Thị Uyên	050944995	Uyên
190	2014A1343	Trìn Hồ Thu Hằng	02/8/1996	Sơn La	Giáy	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	338/482	1515640	Trìn Hồ Thu Hằng	050907491	Hằng
191	2014A1345	Mai Sỹ Huy	04/11/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	SP Tiếng Anh	Khá	339/482	1515641	Mai Sỹ Huy	050818638	Huy
192	2014A1346	Nguyễn Thị Huyền	15/3/1994	Nghệ An	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Giỏi	340/482	1515642	Nguyễn Thị Huyền	187244889	Huyền
193	2014A1350	Lê Thị Khánh Ngân	29/9/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	341/482	1515643	Lê T Khánh Ngân	164588586	Ngân
194	2014A1352	Trần Thị Hà Phương	07/12/1996	Lào Cai	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	342/482	1515644	Trần Thị Phương	063461602	Phương
195	2014A1354	Nguyễn Xuân Quyền	04/9/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	SP Tiếng Anh	Khá	343/482	1515645	Nguyễn X Quyền	145679007	Quyền
196	2014A1355	Nguyễn Thị Thảo	18/02/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	344/482	1515646	Nguyễn Thị Thảo	050818608	Thảo
197	2014A1357	Vũ Thị Tươi	17/02/1995	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	345/482	1515647	Vũ Thị Tươi	164539925	Tươi

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
K55 ĐHSP Lịch sử														
198	2014A0553	Phàng A Cầu	05/8/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	346/482	1515648	Phàng A Cầu	040900418	Cầu
199	2014A0554	Hờ Thị Chia	03/3/1993	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	347/482	1515649/			
200	2014A0557	Đỗ Việt Hà	15/01/1996	Hoà Bình	Kinh	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	348/482	1515650	Đ.V. Hà	113684125	
201	2014A0558	Lò Thị Hòa	26/11/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	349/482	1515651	L.T. Hòa	050803348	Hòa
202	2014A0561	Vàng Thị Hương	16/8/1995	Lai Châu	Giáy	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	350/482	1515652	V.T. Hướng	045175963	Hướng
203	2014A0564	Đào Thị Nhung	25/9/1996	Lào Cai	Tày	VN	Nữ	SP Lịch sử	Giỏi	351/482	1515653	C.T. Oanh	063447450	Nhung
204	2014A0565	Cầm Thị Oanh	21/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	352/482	1515654	Đ.T. Nhung	050930924	Oanh
205	2014A0568	Lê Văn Thắng	16/5/1994	Quảng Ninh	Kinh	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	353/482	1515655	L.V. Thắng	022094000984	Thắng
206	2014A0569	Lò Văn Thoảng	15/5/1993	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	354/482	1515656	Lò Văn Thoảng	050819051	
207	2014A0570	Trương Thị Thư	20/11/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	355/482	1515657			
208	2014A1223	Lành Thị Cúc	15/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	356/482	1515658			
209	2014A1227	Tạ Mỹ Giang	01/8/1994	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Lịch sử	Giỏi	357/482	1515659	T.M. Giang	017192022	Giang
210	2014A1230	Nguyễn Hoàng Hiệp	14/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Lịch sử	Giỏi	358/482	1515660	N.H. Hiệp	050907883	Hiệp
211	2014A1231	Lò Thị Hương	18/3/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	359/482	1515661	L.T. Hường	040531548	Hường
212	2014A1232	Cầm Quốc Khánh	22/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	360/482	1515662	C.Q. Khánh	050971469	Khánh
213	2014A1235	Nguyễn Thị Mai Lan	04/6/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	361/482	1515663	N.T.M. Lan	051010398	Lan
214	2014A1241	Nguyễn Thị Nga	18/8/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	362/482	1515664	N.T. Nga	122238620	Nga
215	2014A1244	Lò Thị Nưa	10/12/1996	Lai Châu	Kháng	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	363/482	1647455	Lò Thị Nưa	090530525	Nưa
216	2014A1250	Đinh Thị Quỳnh	21/02/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	364/482	1647456	Đ.T. Quỳnh	050932795	Quỳnh
217	2014A1251	Hoàng Văn Quỳnh	23/4/1996	Cao Bằng	Nùng	VN	Nam	SP Lịch sử	Giỏi	365/482	1647457	H.V. Quỳnh	085068542	Quỳnh
218	2014A1254	Phùng Văn Sơn	06/7/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	366/482	1647458			
219	2014A1261	Lò Văn Thách	27/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	367/482	1647459	L.V. Thách	050992828	
220	2014A1262	Hoàng Thị Thành	18/3/1996	Lào Cai	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	368/482	1647460	H.T. Thành	045129201	Thành
221	2014A1263	Hạng A Thành	21/8/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	369/482	1647461	H.A. Thành	040453571	Thành
222	2014A1273	Ngô Văn Tiến	07/9/1994	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	370/482	1647462	N.V. Tiến	040444545	
K55 ĐHSP Địa lí														
223	2014A0576	Lò Văn Chẩu	08/9/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Địa lí	Khá	371/482	1647463	L.V. Chẩu	040578172	Chẩu
224	2014A0581	Phùng Mùi Ghến	16/02/1994	Yên Bái	Dao	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	372/482	1647464	P.M. Ghến	060982415	Ghến
225	2014A0582	Hoàng Thị Thái Hà	04/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	373/482	1647465	H.T.T. Hà	051013956	Hà

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
226	2014A0583	Tạ Thị Hà	08/7/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	374/482	1647466	T.T Hà	050893341	
227	2014A0586	Nguyễn Thị Huệ	15/9/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Địa lí	Giỏi	375/482	1647467	N.T. Huệ	017465867	
228	2014A0594	Hoàng Hồng Sơn	07/3/1995	Yên Bái	Tày	VN	Nam	SP Địa lí	Khá	376/482	1647468	H.H Sơn	060992082	
229	2014A0595	Ngần Thị Thắm	21/10/1996	Hoà Bình	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	377/482	1647469	N.T. Thắm	113676624	
230	2014A0597	Lò Thị Thìn	03/4/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	378/482	1647470	L.T. Thìn	040455963	Thìn
231	2014A0598	Đinh Thị Thu	06/9/1996	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	379/482	1647471	Đ. T. Thu	017520831	Thu
232	2014A0599	Đinh Thị Thúy	18/9/1995	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	SP Địa lí	Giỏi	380/482	1647472	B.T. Hải	113657847	Hải
233	2014A0600	Lèo Thu Trang	03/7/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	381/482	1647473	L.T. Trang	050944114	Trang
234	2014A0602	Lường Thanh Tú	16/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Địa lí	Khá	382/482	1647474	L T Tú	050900548	
235	2014A0604	Quàng Thị Xoan	16/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	383/482	1647475	Q.T. Xoan	050936108	Xoan
236	2014A1020	Thongdam Inthavong	17/12/1995	U Đôm Xay	Lào	Lào	Nam	SP Địa lí	T.Bình	384/482	1647476	Thong Đam	01-003171	Đam
237	2014A1281	Bùi Thị Dậu	06/11/1995	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	385/482	1647477	Bùi Thị Dậu	113578633	Dậu
238	2014A1288	Phan Thị Thu Hà	19/7/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Địa lí	Giỏi	386/482	1647478	Phan T.T.Hà	152017405	Hà
239	2014A1289	Bùi Thị Hải	06/3/1996	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	387/482	1647479	B.T. Hải	113657847	Hải
240	2014A1291	Điêu Thị Hạnh	12/11/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	388/482	1647480	ĐT Hạnh	040875190	Hạnh
241	2014A1294	Pờ Thị Hoa	07/01/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	389/482	1647481	PT Hoa	045132057	Hoa
242	2014A1295	Vàng Thị Cúc Hoa	10/02/1995	Lai Châu	Giáy	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	390/482	1647482	VT CHOA	045024865	Hoa
243	2014A1297	Đinh Nhật Hồng	12/11/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	391/482	1647483	ĐN Hồng	050871941	
244	2014A1298	Bạc Thị Huế	10/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Giỏi	392/482	1647484	BT Huế	040530814	Huế
245	2014A1303	Lò Thị Lan	20/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	393/482	1647485	LT. Lan	050864958	Lan
246	2014A1306	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/3/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	394/482	1647486	N.T.T. Linh	050907868	Linh
247	2014A1312	Lường Thị Thúy Phượng	27/4/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Giỏi	395/482	1647487	L.T.T Phượng	040727819	Phượng
248	2014A1313	Lò Minh Quang	25/3/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Địa lí	Khá	396/482	1647488	LM Quang	040875146	Quang
249	2014A1316	Lò Thị Thanh	16/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	397/482	1647489	L.T. Thanh	040445472	Thanh
250	2014A1319	Lò Thị Thủy	20/12/1995	Lào Cai	Thái	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	398/482	1647490	L.T. Thủy	045152150	Thủy
251	2014A1323	Nguyễn Thị Trang	18/02/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	399/482	1647491	N.T. Trang	040468540	Trang
252	2014A1324	Phan Thị Trang	10/10/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	400/482	1647492	P.T. Trang	122163897	Trang
253	2014A1325	Trần Thị Hồng Trang	02/9/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	401/482	1647493	T.T. HTrang	051013053	Trang
254	2014A1330	Nguyễn Thị Tươi	10/11/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	402/482	1647494	NT Tươi	122206404	Tươi

K55 ĐHSP Hóa học

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
255	2013A1022	Nguyễn Thị Thắm	13/3/1995	Nam Định	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	403/482	1647495	N.T. Thắm	036195001930	Thắm
256	2014A0456	Phạm Thị Duyên	10/9/1996	Hà Nội	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	404/482	1647496	P.T. Duyên	017514091	Duyên
257	2014A0457	Lò Anh Đức	14/02/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Hóa học	T.Bình	405/482	1647497	L.A. Đức	090459404	Đức
258	2014A0458	Cà Thị Hà	11/4/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	406/482	1647498	C.T. Hà	040525491	Hà
259	2014A0459	Nguyễn Văn Hải	09/7/1995	Thái Bình	Kinh	VN	Nam	SP Hóa học	Xuất sắc	407/482	1647499	N.V. Hải	152186143	Hải
260	2014A0463	Quàng Thị Huyền	30/01/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	408/482	1647500	Q.T Huyền	050886490	Huyền
261	2014A0465	Lầu Thị Mai	10/9/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	409/482	1647501	L.T. Mai	040526478	Mai
262	2014A0466	Vàng Thị May	05/5/1994	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	410/482	1647502	V.T. May	040527255	May
263	2014A0469	Vì Thị Ngọc	30/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Hóa học	T.Bình	411/482	1647503	V.T. Ngọc	050960613	Ngọc
264	2014A0476	Tòng Thị Phương Thảo	21/10/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	412/482	1647504	T.T.P. Thảo	050894154	Thảo
265	2014A0479	Hà Thu Tình	11/4/1996	Lào Cai	Tày	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	413/482	1647505	H.T. Tình	063481663	Tình
266	2014A0480	Tòng Thị Tuyết	16/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	414/482	1647506	T.T. Tuyết	050850293	Tuyết
267	2014A1019	Bounmy Sengmanythong	06/10/1984	Luông Nậm Thà	Lào	Lào	Nam	SP Hóa học	Khá	415/482	1647507	Bun Mi	05-0018241	
268	2014A1114	Đào Việt Cường	12/01/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	SP Hóa học	Khá	416/482	1647508	Đ.V. Cường	050859805	Cường
269	2014A1120	Nguyễn Văn Huyên	06/01/1996	Nam Định	Kinh	VN	Nam	SP Hóa học	Giỏi	417/482	1647509	N.V. Huyên	163368632	Huyên
270	2014A1123	Thào Seo Lùng	01/5/1995	Lào Cai	H'Mông	VN	Nam	SP Hóa học	Khá	418/482	1647510	Thào Seo Lùng	063402240	
271	2014A1126	Trương Thị Ngân	13/5/1996	Hoà Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	419/482	1647511	T.T. Ngân	113651546	
272	2014A1131	Đàm Thị Thu Quỳnh	08/7/1995	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Giỏi	420/482	1647512	PT Vân Anh	017405650	
273	2014A1136	Vũ Thị Phương Thảo	03/9/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Giỏi	421/482	1647513	VTP Thảo	040484298	
274	2014A1137	Tạ Thị Thùy	30/9/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Giỏi	422/482	1647514	VT Giang	162584010	
275	2014A1138	Trần Thị Trang	10/02/1995	Nghệ An	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Giỏi	423/482	1647515	TT Trang	187430127	
276	2014A1140	Trần Thị Tố Trinh	05/02/1996	Nam Định	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	424/482	1647516	T.T.T. Trinh	036196000939	Trinh
K55 ĐHSP Sinh học														
277	2013A1084	Bạc Thị Sim	14/4/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	425/482	1647517	B.T. Sim	050946419	Sim
278	2014A0483	Lò Văn Đươi	06/4/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Sinh học	T.Bình	426/482	1647518	L.V. Đươi	045094399	Đươi
279	2014A0488	Lò Văn Khương	05/11/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Sinh học	Khá	427/482	1647519	Lò Văn Khương	090530683	Khương
280	2014A0498	Nguyễn Thị Quyên	10/3/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	428/482	1647520	N T Quyên	040532836	Quyên
281	2014A0502	Đinh Thị Tấm	10/10/1994	Sơn La	Mường	VN	Nữ	SP Sinh học	T.Bình	429/482	1647521	Đinh Thị Tấm	050942106	Tấm
282	2014A0505	Lò Thị Thủy	06/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	430/482	1647522	L.T. Thủy	050954545	Thủy
283	2014A0507	Bùi Thị Kiều Trang	02/9/1996	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	431/482	1647523	BTK Trang	113651696	Trang

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
284	2014A0510	Lương Thị Hồng Trinh	12/10/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	432/482	1647524	LTH Trinh	152132567	Trinh
285	2014A0511	Mai Thị Vy	08/01/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	433/482	1647525	MT Vy	034196002338	Vy
286	2014A1143	Phạm Thị Ngọc Anh	08/11/1994	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	434/482	1647526	P.H Đan	164243782	Đ
287	2014A1148	Lò Thị Hóa	05/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Sinh học	T.Bình	435/482	1647527	L.T Hoa	050943532	Hoa
288	2014A1149	Quàng Văn Hoan	03/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Sinh học	Giỏi	436/482	1647528	Q.V. Hào	050958078	Hào
289	2014A1151	Phạm Thị Lan Hương	24/10/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	437/482	1647529	P.T. L. Hương	164592165	Hương
290	2014A1155	Nguyễn Thị Phượng	14/4/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	438/482	1647530	NT. Phương	017518396	Phương
291	2014A1160	Nguyễn Thị Nụ Uyên	19/5/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Khá	439/482	1647531	NTN Uyên	050987385	Uyên
292	2014A1162	Vũ Thị Yến	05/8/1995	Lào Cai	Kinh	VN	Nữ	SP Sinh học	Giỏi	440/482	1647532	VT Yến	045129655	Yến
K55 ĐHGD Thể chất (A)														
293	2014A0358	Phùng Tiến Đạt	02/02/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	441/482	1647533	P.T. Đạt	050947330	Đạt
294	2014A0969	Nguyễn Thùy Linh	12/7/1994	Hà Nam	Kinh	VN	Nữ	GD Thể chất	Khá	442/482	1647534	N.T. Linh	168457473	Linh
295	2014A0976	Hồ A Quang	06/5/1996	Lào Cai	Giáy	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	443/482	1647535	H.A Quang	063417114	Quang
296	2014A0982	Lò Thị Thảnh	06/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Thể chất	Khá	444/482	1647536	L.T. Thảnh	050888579	Thảnh
297	2014A0990	Nguyễn Văn Tuấn	21/01/1995	Thanh Hoá	Kinh	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	445/482	1647537	N.V. Tuấn	050919901	Tuấn
K55 ĐHGD Thể chất (B)														
298	2014A0351	Chảo Lủ Chình	06/02/1995	Lai Châu	Dao	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	446/482	1647538			
299	2014A0357	Lò Văn Dương	03/10/1993	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Thể chất	T.Bình	447/482	1647539			
300	2014A0377	Trần Văn Phong	30/11/1993	Nam Định	Kinh	VN	Nam	GD Thể chất	Giỏi	448/482	1647540			
301	2014A0385	Lường Trung Thủy	06/9/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Thể chất	T.Bình	449/482	1647541			
302	2014A0953	Khoàng Thị Cương	10/10/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Thể chất	Khá	450/482	1647542			

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
K55 ĐHGD Mầm non (A)														
303	2014A0002	Nguyễn Thị Hà Chang	22/6/1996	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	451/482	1647543	N. Thị Hà Chang	113665248	Chang
304	2014A0003	Sùng Thị Chí	12/01/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	452/482	1647544	Sùng Thị Chí	050896643	Chí
305	2014A0004	Tòng Thị Chuyên	27/7/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	453/482	1647545	Tòng Thị Chuyên	051137629	Chuyên
306	2014A0006	Hà Hồng Diệp	03/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	454/482	1647546	Hà Hồng Diệp	050843944	Diệp
307	2014A0008	Chu Gió Dứ	20/10/1996	Lai Châu	Hà Nhì	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	455/482	1647547	Chu Gió Dứ	045153008	Dứ
308	2014A0009	Hoàng Thị Định	19/02/1996	Lào Cai	Tày	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	456/482	1647548	Hoàng Thị Định	063412549	Định
309	2014A0010	Đinh Thị Giang	20/02/1996	Thanh Hoá	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	457/482	1647549	Đinh Thị Giang	016552104 89	Giang
310	2014A0011	Hoàng Thị Hạnh	07/01/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	458/482	1647550	Hoàng Thị Hạnh	050865501	Hạnh
311	2014A0012	Lò Thị Hạnh	05/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	459/482	1647551	Lò Thị Hạnh	040482298	Hạnh
312	2014A0013	Trần Thị Hảo	02/01/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	460/482	1647552	Trần Thị Hảo	152131370	Hảo
313	2014A0016	Tòng Thị Hòa	12/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	461/482	1647553	Tòng Thị Hòa	050946561	Hòa
314	2014A0017	Hà Thị Thanh Huyền	11/5/1996	Vĩnh Phú	Mường	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	462/482	1647554	Hà Thị Thanh Huyền	132294448	Huyền
315	2014A0018	Quàng Thị Thu Kiều	22/10/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	463/482	1647555	Quàng Thị Thu Kiều	050925384	Kiều
316	2014A0019	Lò Thị Lả	15/01/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	464/482	1647556	Lò Thị Lả	040528716	Lả
317	2014A0020	Lò Thị Liên	10/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	465/482	1647557	Lò Thị Liên	050871897	Liên
318	2014A0021	Đinh Thị Linh	02/01/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	466/482	1647558	Đinh Thị Linh	050844736	Linh
319	2014A0022	Bùi Thị Lịnh	29/7/1995	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	467/482	1647559	Bùi Thị Lịnh	113590902	Lịnh
320	2014A0023	Lường Thị Loạn	10/01/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	468/482	1647560	Lường Thị Loạn	050981677	Loạn
321	2014A0024	Lò Thị Lượng	25/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	469/482	1647561	Lò Thị Lượng	040528715	Lượng
322	2014A0025	Bạc Thị Mai	20/4/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	470/482	1647562	Bạc Thị Mai	040483459	Mai
323	2014A0027	Lò Thị Nghiệp	06/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	471/482	1647563	Nguyễn Thị Ngọc	050848187	Nghiệp Lò Nghiệp
324	2014A0028	Nguyễn Thị Ngọc	16/3/1996	Hà Nội	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	472/482	1647564	Nguyễn Thị Ngọc	017411912	Ngọc
325	2014A0029	Tòng Thị Nhạn	27/3/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	473/482	1647565	Tòng Thị Nhạn	040835204	Nhạn
326	2014A0030	Trần Thị Như	18/7/1994	Bắc Giang	Sán Chay	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	474/482	1647566	Trần Thị Như	122060618	Như
327	2014A0034	Cà Thị Sim	10/8/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	475/482	1647567	Cà Thị Sim	050886476	Sim
328	2014A0035	Cà Thị Thanh	03/10/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	476/482	1647568	Cà Thị Thanh	051009547	Thanh
329	2014A0037	Quàng Thị Thật	10/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	477/482	1647569	Quàng Thị Thật	040730550	Thật
330	2014A0038	Vàng Thị Thi	08/7/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	478/482	1647570	Vàng Thị Thi	045097521	Thi
331	2014A0040	Đặng Thị Thu	15/02/1996	Sơn La	Dao	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	479/482	1647571	Đặng Thị Thu	050963256	Thu

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
332	2014A0041	Hoàng Thị Thu	04/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	480/482	1647572	H. Thu	050368022	Thu
333	2014A0046	Đồng Thị Minh Trang	03/10/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	481/482	1647573	Đ.T.M Trang	045146705	Trang
334	2014A0047	Võ Thị Tư	20/5/1996	Nghệ An	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	482/482	1647574	Võ Thị Tư	187519827	Tư
335	2014A0049	Tòng Thị Việt	22/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	483/482	1647575	Tòng T Việt	051015941	Việt
336	2014A0051	Ngọc Thị Xuân	09/11/1996	Lai Châu	Tày	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	484/482	1647576	Ngọc T. Xuân	040482772	Xuân
337	2014A0052	Nông Thị Xưởng	23/8/1996	Lào Cai	Tày	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	485/482	1647577	Nông T Xưởng	063499886	Xưởng
338	2014A0054	Hoàng Thị Yến	25/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	486/482	1647578	Hoàng T. Yến	050984770	Yến
K55 ĐHGD Mầm non (B)														
339	2014A0057	Tòng Thị Chau	12/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	487/482	1647579	Tòng t. Chau	050941782	Chau
340	2014A0059	Hoàng Thị Chuyên	10/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	488/482	1647580	Hoàng T Nga	050712269	Nga
341	2014A0060	Quàng Thị Diện	12/9/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	489/482	1647581	Quàng T Diện	040581541	Diện
342	2014A0061	Hà Thị Dinh	17/6/1996	Hoà Bình	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	490/482	1647582	Hà Thị Dinh	113648207	Dinh
343	2014A0062	Lường Thị Dung	26/8/1996	Lào Cai	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	491/482	1647583			
344	2014A0065	Quàng Thị Hà	26/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	492/482	1647584	Quàng Thị Hà	050946559	Hà
345	2014A0066	Hoàng Thị Hạnh	05/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	493/482	1647585	Hoàng Thị Hạnh	050918798	Hạnh
346	2014A0071	Vì Thị Huệ	17/9/1996	Hoà Bình	Tày	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	494/482	1647586	Vì Thị Huệ	113615460	Huệ
347	2014A0073	Lù Thị Lả	17/10/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	495/482	1647587			
348	2014A0079	Lầu Thị Ly	08/7/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	496/482	1647588	Lầu Thị Ly	040776265	Ly
349	2014A0086	Lò Thị Oanh	27/02/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	497/482	1647589	Lò Thị Oanh	050846657	Oanh
350	2014A0088	Vũ Ngọc Quỳnh	20/6/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	498/482	1647590	Vũ Ngọc Quỳnh	050948104	Quỳnh
351	2014A0095	Quàng Thị Thu	08/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	499/482	1647591	Quàng Thị Thu	050850346	Thu
352	2014A0100	Lò Thị Tuyết	12/4/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	500/482	1647592	Lò Thị Tuyết	050921004	Tuyết
353	2014A0101	Bùi Thị Tươi	21/11/1996	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	501/482	1647593	Bùi Thị Tươi	113659653	Tươi
354	2014A0105	Phan Thị Xuân	01/5/1996	Nghệ An	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	502/482	1647594	Phan T. Xuân	187652967	Xuân
K55 ĐHGD Tiểu học (A)														
355	2014A0108	Nông Thị Ngọc Ánh	26/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	503/482	1647595	Nông T. Ngọc Ánh	050974725	Ánh
356	2014A0112	Lò Thị Cương	18/7/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	504/482	1647596	Lò Thị Cương	040528036	Cương
357	2014A0119	Vì Văn Hà	09/9/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	505/482	1647597	Vì Văn Hà	050928005	Hà
358	2014A0136	Cao Thị Ly	12/11/1996	Thanh Hoá	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	506/482	1647598	Cao Thị Ly	174879314	Ly
359	2014A0137	Hoàng Thị Tuyết Mai	24/9/1996	Phú Thọ	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	507/482	1647599	Hg. T. Tuyết Mai	132292745	Mai

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
360	2014A0140	Lò Thị Nga	24/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	508/482	1647600	Lò Thị Nga	050964126	Nga
361	2014A0142	Hà Bích Ngọc	01/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	509/482	1647601	Hà Bích Ngọc	050945057	Ngọc
362	2014A0144	Lầu Thị Nu	10/6/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	510/482	1647602	Lầu Thị Nu	050902487	Nu
363	2014A0167	Lò Thị Yên	08/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	511/482	1647603	Lò Thị Yên	050821056	Yên
364	2014A1170	Lường Quý Hà	03/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	512/482	1647604	Lường Quý Hà	050978971	Hà
K55 ĐHGD Tiểu học (B)														
365	2014A0169	Lò Thị Anh	06/02/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	513/482	1647605	Lò Thị Anh	050866054	Anh
366	2014A0172	Đặng Lê Thùy Chi	05/10/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	514/482	1647606	Đặng Lê Thùy Chi	050900680	Chi
367	2014A0175	Cầm Văn Cường	16/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	515/482	1647607	Cầm Văn Cường	050984880	Cường
368	2014A0176	Mùa Thị Dúa	01/6/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	516/482	1647608	Mùa Thị Dúa	041462582	Dúa
369	2014A0177	Trần Thị Thùy Dung	17/02/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	517/482	1647609	Trần T. Thùy Dung	050925374	Dung
370	2014A0178	Vì Thị Dung	20/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	518/482	1647610			
371	2014A0179	Đinh Thị Duyên	24/10/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	519/482	1647611	Đinh Thị Duyên	050844732	Duyên
372	2014A0180	Nguyễn Thị Dương	09/01/1996	Bắc Giang	Sán Chay	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	520/482	1647612	Nguyễn Thị Dương	122191677	Dương
373	2014A0181	Lò Văn Hà	15/7/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	521/482	1647613	Lò Văn Hà	050896543	Hà
374	2014A0184	Lò Thị Hằng	01/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	522/482	1647614	Lò Thị Hằng	050894765	Hằng
375	2014A0187	Đặng Thị Hoa	27/7/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	523/482	1647615	Đặng Thị Hoa	122241831	Hoa
376	2014A0190	Lò Thị Huyền	24/02/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	524/482	1647616	Lò Thị Huyền	050997142	Huyền
377	2014A0193	Mùi Thị Khánh	03/01/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	525/482	1647617	Mùi Thị Khánh	050957323	Khánh
378	2014A0194	Lò Thị Kiêm	07/3/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	526/482	1647618	Lò Thị Kiêm	040531195	Kiêm
379	2014A0197	Đinh Thị Liên	14/01/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	527/482	1647619	Đinh Thị Liên	050903009	Liên
380	2014A0198	Phùng Anh Long	06/9/1996	Phú Thọ	Mường	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	528/482	1647620	Phùng Anh Long	132278695	Long
381	2014A0200	Hà Thị Mai	20/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	529/482	1647621	Hà Thị Mai	050900060	Mai
382	2014A0201	Hà Thị Mây	17/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	530/482	1647622			
383	2014A0204	Nguyễn Thị Nga	06/02/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	531/482	1647623	Ng Thị Nga	037196000414	Nga
384	2014A0207	Nguyễn Thị Phương Oanh	11/6/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	532/482	1647624	Ng Thị P Oanh	017395815	Oanh
385	2014A0210	Cà Thị Quyên	15/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	533/482	1647625	Cà Thị Quyên	050958830	Quyên
386	2014A0212	Hầu Seo Sử	08/8/1996	Lào Cai	H'Mông	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	534/482	1647626	Hầu Seo Sử	063837369	Sử
387	2014A0213	Trần Thị Thanh Tâm	02/10/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	535/482	1647627	Trần T. Thanh Tâm	164578043	Tâm
388	2014A0214	Đinh Minh Thành	23/6/1996	Sơn La	Mường	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	536/482	1647628	Đinh Minh Thành	050889928	[illegible]

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
389	2014A0215	Mùa Phương Thảo	08/9/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	537/482	1647629	Mùa Phương Thảo	040575181	Thảo
390	2014A0217	Cà Thị Thiết	07/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	538/482	1647630	Cà Thị Thiết	050955085	Thiết
391	2014A0218	Lường Thị Thống	23/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	539/482	1647631	Lường Thị Thống	050932800	Thống
392	2014A0219	Bùi Thị Hoài Thơm	24/10/1996	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	540/482	1647632	Bùi T. Hoài Thơm	113684397	Thơm
393	2014A0220	Sùng Thị Thu	20/7/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	541/482	1647633	Sùng Thị Thu	050933868	Thu
394	2014A0222	Lường Văn Tình	19/3/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	542/482	1647634	Lường Văn Tình	050920849	Tình
395	2014A0226	Lò Thị Túi	20/10/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	543/482	1647635	Lò Thị Túi	058895609	Túi
396	2014A0227	Nguyễn Thị Tuyền	05/11/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	544/482	1647636	Nguyễn Thị Tuyền	050945079	Tuyền
397	2014A0228	Lò Thị Xương	28/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	545/482	1647637	Lò Thị Xương	050894072	Xương
K55 ĐHGD Tiểu học (C)														
398	2014A0236	Lò Thị Dung	10/4/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	546/482	1647638	Lò Thị Dung	040531061	Dung
399	2014A0237	Quàng Thị Dung	15/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	547/482	1647639	Quàng Thị Dung	050944900	Dung

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
K55 ĐHSP Toán học														
400	2014A0395	Hoàng Việt Anh	26/10/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Xuất sắc	548/482	1647640	Hoàng Việt Anh	050853636	
401	2014A0396	Lường Thị Mai Anh	15/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	549/482	1647641	Lường T. Mai Anh	050950417	Anh
402	2014A0405	Nguyễn Hương Giang	26/6/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	550/482	1647642	Nguyễn Hương Giang	050922157	Giang.
403	2014A0407	Đặng Thu Hiền	04/8/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	551/482	1647643	Đặng Thu Hiền	034196001653	
404	2014A0408	Tô Thị Hoàn	10/9/1996	Bắc Giang	Tày	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	552/482	1647644	Tô Thị Hoàn	122221350	Hoàn
405	2014A0409	Lò Văn Huy	23/11/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Toán học	Khá	553/482	1647645	Lò văn Huy	040875128	Huy.
406	2014A0412	Nguyễn Đình Khôi	10/8/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Giỏi	554/482	1647646	Bùi Thị Thiết		
407	2014A0413	Hoàng Tùng Lâm	08/10/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Xuất sắc	555/482	1647647	Hoàng Tùng Lâm	050868426	Lâm
408	2014A0418	Nguyễn Bích Ngọc	25/5/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Xuất sắc	556/482	1647648	Nguyễn Bích Ngọc	017593737	Ngọc
409	2014A0420	Giàng A Ngóng	06/8/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Toán học	Khá	557/482	1647649	Giàng A Ngóng	046575532	Ngóng
410	2014A0421	Nguyễn Thị Nhật	16/5/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	558/482	1647650	Nguyễn T. Nhật	017358625	Nhật
411	2014A0426	Nguyễn Thị Tân	02/8/1996	Nghệ An	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	559/482	1647651	Nguyễn T. Tân	187466704	Tân
412	2014A0429	Nguyễn Phương Thảo	05/12/1996	Yên Bái	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	560/482	1647652	Nguyễn P. Thảo	061026155	Thảo
413	2014A0432	Nguyễn Thị Thu Trang	26/6/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	561/482	1647653	Nguyễn Thị Thu Trang	164570991	Trang
414	2014A0434	Giàng A Ư	06/5/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Toán học	Khá	562/482	1647654	Giàng A Ư	045578636	Ư
415	2014A1005	Bounseng Laomeo	18/8/1992	Phông Sa Lỳ	Lào	Lào	Nam	SP Toán học	Khá	563/482	1647655	Bun	02-0012288	Bun Seng
416	2014A1006	Bounthanh Kaovangliayor	12/12/1992	U Đôm Xay	Lào	Lào	Nam	SP Toán học	Khá	564/482	1647656	Bun	02-0018726	
417	2014A1007	Chang Moua	03/7/1994	Xay Nhạ Bu Ly	Lào	Lào	Nam	SP Toán học	Khá	565/482	1647657	Chang Mu		
418	2014A1008	Ngane Keopaseuth	06/5/1995	Khăm Muồn	Lào	Lào	Nam	SP Toán học	Khá	566/482	1647658	Ngan - Keo	06-0055915	
419	2014A1010	Somkeo Xaiyavong	24/5/1994	Phông Sa Lỳ	Lào	Lào	Nam	SP Toán học	Khá	567/482	1647659	Sômkeo	02-0016987	
420	2014A1038	Trần Quang Cơ	20/9/1994	Vĩnh Phúc	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	568/482	1647660	Trần Quang Cơ	135629379	
421	2014A1045	Sý Thị Hiền	15/10/1996	Lào Cai	Giáy	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	569/482	1647661	Sý Thị Hiền	063447881	Hiền
422	2014A1046	Đàm Thị Thanh Hoa	19/4/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	570/482	1647662	Đàm Thị Thanh Hoa	050895629	Hoa
423	2014A1048	Vì Văn Hoàng	28/01/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Toán học	Khá	571/482	1647663	Vì văn Hoàng	040475852	Hoàng
424	2014A1051	Lê Thị Huyền	03/11/1995	Nghệ An	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	572/482	1647664	Lê Thị Huyền	187381313	Huyền
425	2014A1052	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	17/8/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	573/482	1647665	Ng Thị Mỹ Huyền	050891309	Huyền
426	2014A1053	Hà Thị Lan Hương	01/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	574/482	1647666	Hà Thị Lan Hương	050907407	Hương
427	2014A1054	Hoàng Thị Thu Hương	21/11/1996	Yên Bái	Tày	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	575/482	1647667	Hoàng T. Thu Hương	061024797	
428	2014A1057	Nguyễn Như Hoài Linh	25/9/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	576/482	1647668	Ng Như Hoài Linh	051119951	Linh

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
429	2014A1063	Nguyễn Thị My	26/3/1996	Hưng Yên	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Xuất sắc	577/482	1647669	Ngô Thị My	145675959	My
430	2014A1064	Giàng A Nắng	05/6/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	SP Toán học	Khá	578/482	1647670			
431	2014A1065	Nguyễn Thị Ngoan	26/11/1995	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	579/482	1647671	Ngô thị Ngoan	017500654	Ngoan
432	2014A1070	Vũ Thị Hồng Nhung	18/12/1996	Hải Dương	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Xuất sắc	580/482	1647672	Vũ Thị Hồng Nhung	142773300	Nhung
433	2014A1073	Nguyễn Như Quỳnh	12/4/1995	Yên Bái	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	581/482	1647673	Nguyễn Ngọc Hoàn	011980125	Hoàn
434	2014A1080	Nguyễn Thị Thoa	14/9/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	582/482	1647674	Ngô Thị Thoa	034196000390	Thoa
435	2014A1082	Trương Thị Thúy	19/8/1995	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Giỏi	583/482	1647675	Trương Thị Thúy	017411945	Thúy
436	2014A1083	Lê Thị Thương	16/11/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	584/482	1647676	Lê Thị Thương	061028723	Thương
437	2014A1084	Đỗ Thị Thùy Trang	03/8/1996	Yên Bái	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	585/482	1647677	Đỗ Thị Thùy Trang	061049179	Trang
438	2014A1089	Đinh Thị Thu Uyên	25/02/1995	Hà Giang	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Xuất sắc	586/482	1647678	Đinh Thị Thu Uyên	073366476	Uyên
439	2014A1090	Đặng Thị Vui	22/01/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	587/482	1647679	Đặng Thị Vui	152145438	Vui
440	2014A1091	Quách Thị Vượng	12/6/1995	Hoà Bình	Mường	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	588/482	1647680	Quách Thị Vượng	113573087	Vượng
K55 ĐHSP Tin học														
441	2014A0435	Giàng Thị Dúa	20/8/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	SP Tin học	Khá	589/482	1647681	Giàng Thị Dúa	040777223	Dúa
442	2014A0437	Lầu A Nếnh	06/7/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Tin học	Khá	590/482	1647682	Lầu A Nếnh	040776853	Nếnh
443	2014A0438	Lò Văn Sơn	05/4/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Tin học	Khá	591/482	1647683	Lò Văn Sơn	050930474	Sơn
444	2014A0440	Nguyễn Thị Xoan	27/10/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Tin học	Khá	592/482	1647684	Nguyễn Thị Xoan	040469588	Xoan
445	2014A1011	Thatsanikone Dalachanh	21/8/1996	Bò Kẹo	Lào	Lào	Nữ	SP Tin học	Khá	593/482	1647685	Thatsanion	019745576	
446	2014A1012	Alisa Xayyathoumma	02/10/1995	Hủa Phăn	Lào	Lào	Nữ	SP Tin học	Giỏi	594/482	1647686	Alisa Xayyathoumma	S V Lào	
447	2014A1013	Kilanh Lophithak	29/11/1993	Hủa Phăn	Lào	Lào	Nam	SP Tin học	Khá	595/482	1647687	Ky Lăm	07-002403	
448	2014A1014	Nou Monethavong	25/3/1995	Hủa Phăn	Lào	Lào	Nam	SP Tin học	Khá	596/482	1647688	Nu Mon Tha Vong	07-002224	
449	2014A1015	Phonejit Syyotha	28/01/1995	Hủa Phăn	Lào	Lào	Nữ	SP Tin học	Khá	597/482	1647689	Phonchit sinthalo	07-002310	chit
450	2014A1016	Phonexaivieng Outthaya	12/4/1994	Hủa Phăn	Lào	Lào	Nam	SP Tin học	T.Bình	598/482	1647690	Phon xay	07-001801	
K55 ĐHSP Vật lí														
451	2014A0441	Dương Tuấn Anh	23/8/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nam	SP Vật lí	Khá	599/482	1647691	Dương Tuấn Anh	017465862	
452	2014A0443	Lầu A Chờ	13/3/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	SP Vật lí	T.Bình	600/482	1647692	Lầu A Chờ	050976785	
453	2014A0449	Đặng Thị Luyến	23/3/1995	Sơn La	Mường	VN	Nữ	SP Vật lí	Khá	601/482	1647693	Đặng Thị Luyến	050932971	Luyến
454	2014A0450	Thào Thị Sầu	03/7/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	SP Vật lí	Khá	602/482	1647694	Thào Thị Sầu	040528972	Sầu
455	2014A0451	Đinh Thị Thu Thảo	23/8/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Vật lí	Giỏi	603/482	1647695	Đinh Thị Thu Thảo	152163351	
456	2014A1017	Kou Yathovang	04/6/1994	Phông Sa Lỳ	Lào	Lào	Nam	SP Vật lí	Khá	604/482	1647696	Cu Da Tho Yang	02-001808	

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
457	2014A1018	Teeher Lia	16/5/1994	Luông Pha Băng	Lào	Lào	Nam	SP Vật lí	Khá	605/482	1647697	Ti hồ Lia	06-0053473	Ti Hồ Lia
458	2014A1099	Vũ Thị Hương	05/4/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Vật lí	Xuất sắc	606/482	1647698	Vũ Thị Hương	152170745	Hương
459	2014A1100	Lầu A Khứ	16/7/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Vật lí	T.Bình	607/482	1647699	Lầu A Khứ	040460767	Khứ
460	2014A1102	Vũ Thị Linh	21/01/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Vật lí	Khá	608/482	1647700	Vũ Thị Linh	017269919	
461	2014A1109	Nguyễn Thị Tuyết	25/3/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Vật lí	Khá	609/482	1647701	Ng Thị Tuyết	017308841	
462	2014A1765	Đỗ Thị Lan Hương	20/6/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Vật lí	Giỏi	610/482	1647702	Đỗ Thị Lan Hương	050982891	
K55 ĐH Công nghệ thông tin														
463	2014A0677	Lường Văn Cường	15/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	611/482	1647703			
464	2014A0679	Trần Minh Đức	02/9/1995	Hòa Bình	Kinh	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	612/482	1647704	Trần Minh Đức	113622081	
465	2014A0684	Mùa A Lay	16/8/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	613/482	1647705			
466	2014A0686	Quàng Văn Lợi	31/5/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	Khá	614/482	1647706	Quàng văn Lợi	040475819	Lợi
467	2014A0689	Lưu Hồng Quân	20/6/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Công nghệ TT	Khá	615/482	1647707	Lưu Hồng Quân	050907756	Quân
468	2014A0691	Cà Văn Quyền	01/02/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	616/482	1647708	Cà Văn Quyền	050803580	Quyền
469	2014A0693	Lê Minh Sáng	08/9/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	Công nghệ TT	Khá	617/482	1647709	Lê Minh Sáng	040481788	Sáng
470	2014A0694	Lầu A Sếnh	12/8/1993	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	Công nghệ TT	Khá	618/482	1647710	Lầu A Sếnh	040431620	Sếnh
471	2014A0695	Cà Thị Thành	02/4/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Công nghệ TT	T.Bình	619/482	1647711	Cà Thị Thành	040475904	Thành
472	2014A0696	Lò Văn Thiện	04/9/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	620/482	1647712	Lò Văn Thiện	040466313	Thiện
473	2014A0697	Lường Thị Thu	19/4/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Công nghệ TT	Khá	621/482	1647713	Lường Thị Thu	050946714	Thu
474	2014A0698	Nguyễn Thị Hoài Thu	14/12/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Công nghệ TT	Khá	622/482	1647714	Ng Thị Hoài Thu	050895565	
475	2014A0995	Sùng A Dì	29/10/1995	Yên Bái	H'Mông	VN	Nam	Công nghệ TT	Khá	623/482	1647715	Sùng A Dì	061041951	Dì
476	2014A1031	Nanthida Saengsouk	15/7/1995	U Đôm Xay	Lào	Lào	Nữ	Công nghệ TT	Khá	624/482	1647716	Nan Thị Đc	P1239546	
477	2014A1401	Lường Văn Tiến	01/6/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	625/482	1647717	Lường Văn Tiến	040531787	Tiến
478	2014A1769	Lường Văn Thoải	23/8/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	Khá	626/482	1647718	Lường Văn Thoải	040527907	Thoải
479	2016A0001	Amphavanh Phomsavath	22/7/1995	Bò Kẹo	Lào	Lào	Nữ	Công nghệ TT	Khá	627/482	1647719	Đm Pha Văn	05-0025727	
K55 ĐHSP Ngữ văn														
480	2014A0514	Sùng A Chớ	02/4/1994	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	628/482	1647720	Sùng A Chớ	040577225	Chớ
481	2014A0515	Hồ A Cồ	05/7/1992	Lai Châu	Hoa	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	629/482	1647721	Hồ A Cồ	040426311	Cồ
482	2014A0520	Hoàng Hồng Hạnh	15/01/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	630/482	1647722	Hoàng Hồng Hạnh	050853579	Hạnh
483	2014A0522	Võ Thị Hồng Hạnh	13/10/1994	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Xuất sắc	631/482	1647723	Võ Thị Hồng Hạnh	050719635	Hạnh

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
484	2014A0523	Vũ Thị Hiền	18/01/1995	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Giỏi	632/482	1647724	Vũ Thị Hiền	017396328	Hiền
485	2014A0525	Lường Văn Hồng	25/02/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	633/482	1647725	Lường Văn Hồng	04 04809 91	
486	2014A0528	Nguyễn Thị Hướng	25/02/1995	Hải Hưng	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	634/482	1647726	Nguyễn Thị Hướng	050862188	
487	2014A0530	Lý Thị Loan	08/9/1996	Lai Châu	Khơ-mú	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	635/482	1647727	Lý Thị Loan	040677493	Loan
488	2014A0531	Lê Thị Phương Ly	23/9/1996	Điện Biên	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	636/482	1647728	Lê Thị Phương Ly	040875669	
489	2014A0532	Bùi Thảo Mai	19/8/1995	Phú Thọ	Mường	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	637/482	1647729	Bùi Thảo Mai	132110344	Mai
490	2014A0535	Tòng Văn Nam	02/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	638/482	1647730	Tòng Văn Nam	050806719	
491	2014A0536	Lý Thị Nga	09/12/1995	Hoà Bình	Dao	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	639/482	1647731	Hà Thị Nụ	113628696	Nụ
492	2014A0538	Trần Hồng Nhung	08/3/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Giỏi	640/482	1647732	Trần Hồng Nhung	050907485	Nhung
493	2014A0539	Hà Thị Nụ	23/02/1995	Hoà Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Giỏi	641/482	1647733	Hà Thị Nụ	113628696	Nụ
494	2014A0542	Nguyễn Thị Như Quỳnh	28/7/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	642/482	1647734	Ng. Thị Như Quỳnh	059862460	Quỳnh
495	2014A0543	Lò Thị Thanh	17/5/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	643/482	1647735	Lò Thị Thanh	040481762	Thanh
496	2014A0547	Nguyễn Thị Thủy Tiên	14/12/1995	Bắc Giang	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	644/482	1647736	Ng. Thị Thủy Tiên	122214252	Tiên
497	2014A0551	Hà Thị Yến	06/10/1995	Hòa Bình	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	645/482	1647737	Hà Thị Yến	113640501	Yến
498	2014A1166	Sùng A Cu	12/3/1994	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	646/482	1647738	Sùng A Cu	040426271	Cu
499	2014A1167	Nguyễn Thị Dung	04/5/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Giỏi	647/482	1647739	Nguyễn Thị Dung	017460724	
500	2014A1175	Nông Thúy Hằng	06/9/1994	Đắk Lắk	Nùng	VN	Nữ	SP Ngữ văn	T.Bình	648/482	1647740	Nông Thúy Hằng	040453977	Hằng
501	2014A1176	Nguyễn Quang Hiển	03/02/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	649/482	1647741	Nguyễn Quang Hiển	040527836	Hiển
502	2014A1180	Nguyễn Việt Hùng	08/6/1996	Hoà Bình	Kinh	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	650/482	1647742	Nguyễn Việt Hùng	113589584	Hùng
503	2014A1183	Lê Việt Hưng	16/8/1996	Hải Dương	Kinh	VN	Nam	SP Ngữ văn	Xuất sắc	651/482	1647743	Lê Việt Hưng	142843277	
504	2014A1189	Trần Thị Mỹ Linh	10/12/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	652/482	1647744	Trần Thị Mỹ Linh	050907759	
505	2014A1190	Lường Thị Loan	08/4/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	653/482	1647745	Lường Thị Loan	040531765	Loan
506	2014A1192	Trần Hà My	17/10/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	654/482	1647746	Trần Hà My	046482779	My
507	2014A1198	Nguyễn Thị Nhung	09/6/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	655/482	1647747	Ng T Nhung	050886361	Nhung
508	2014A1202	Lò Thị Phượng	26/12/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	656/482	1647748	Lò T Phượng	040531708	Phượng
509	2014A1204	Quàng Thị Quỳnh	12/3/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	657/482	1647749	Quàng T Quỳnh	040475924	Quỳnh
510	2014A1210	Hoàng Thị Thiền	27/01/1995	Lạng Sơn	Tày	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	658/482	1647750	Hoàng Thị Thiền	082261844	Thiền
511	2014A1211	Quàng Thị Thúy	09/11/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	659/482	1647751	Quàng Thị Thúy	050867990	Thúy
512	2014A1216	Vũ Thị Trang	16/8/1996	Hưng Yên	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Giỏi	660/482	1647752	Vũ Thị Trang	145689702	Trang

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
513	2014A1217	Vũ Văn Trung	15/10/1996	Ninh Bình	Kinh	VN	Nam	SP Ngữ văn	Khá	661/482	1647753	Vũ Văn Trung	030960000134	Trung
514	2014A1218	Lò Văn Tuấn	05/10/1996	Lào Cai	Thái	VN	Nam	SP Ngữ văn	T.Bình	662/482	1647754	Lò Văn Tuấn	045102655	Tuấn

Hỏng 5 phôi : 1515549;1515551; 1515569; 1515570; 476407

* Ngày 19 tháng 6 năm 2018 xuất 429 phôi bằng TNĐHCN để in 425 chiếc bằng TNĐHCN theo QĐ 482

Bằng TNĐH Cử nhân: Từ 1515536 đến 1515664 *(129 chiếc)*

Bằng TNĐH Cử nhân: Từ 1647455 đến 1647754 *(300 chiếc)*

* Ngày 19 tháng 6 năm 2018 xuất 90 phôi bằng TNĐH Kỹ sư để in 89 chiếc bằng TNĐH Kỹ sư theo QĐ 482

Bằng TNĐH Kỹ sư: Từ 476393 đến 476482 *(90 chiếc)*

Sơn La, ngày 19 tháng 6 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NĂM 2018 - Đợt 3

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 483/QĐ-ĐHTB ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu VB	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
K56 CĐGD Mầm non														
1	2015A0001	Trần Thị Ngọc Anh	27/10/1997	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	663/483	B447833	T.T Ngọc Anh	050996212	Anh
2	2015A0003	Nguyễn Thị Ánh	25/4/1997	Lào Cai	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	664/483	B447834	Nguyễn T. Ánh	045160993	Ánh
3	2015A0012	Quàng Thị Phương	22/11/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	665/483	B447835	Quàng T. Phương	040534741	Phương
K56 CĐGD Tiểu học (A)														
4	2015A0020	Đinh Thị Khánh Chi	22/8/1997	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	666/483	B447836	Đinh T.K. Chi	050951076	Chi
5	2015A0021	Cầm Thị Chinh	19/6/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	667/483	B447837	Cầm Thị Chinh	050904707	Chinh
6	2015A0022	Lường Thị Chuyên	10/12/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	668/483	B447838	Lường Thị Chuyên	051023471	Chuyên
7	2015A0028	Đào Thu Hà	10/8/1997	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	669/483	B447842	Đào Thu Hà	050985406	Hà
8	2015A0033	Lường Văn Hiệu	15/11/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	670/483	B447843	Lường Văn Hiệu	050960691	Hiệu
9	2015A0038	Lò Thị Huynh	15/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	671/483	B447844	Lò Thị Huynh	051016499	
10	2015A0039	Cà Thị Lan	26/3/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	672/483	B447845	Cà Thị Lan	051016840	Lan
11	2015A0040	Đinh Thị Thùy Linh	08/4/1997	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	T.Bình	673/483	B447846	Đinh Thị Thùy Linh	050986531	Linh
12	2015A0042	Trần Khánh Linh	29/9/1997	Nam Định	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Giỏi	674/483	B447847	Trần Khánh Linh	163440834	
13	2015A0046	Vàng Thị Máy	09/11/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	675/483	B447848	Vàng Thị Máy	050994732	
14	2015A0050	Quàng Thị Nga	06/8/1994	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	T.Bình	676/483	B447849	Quàng Thị Nga	050816855	Nga
15	2015A0066	Lê Thị Trang	14/6/1997	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	677/483	B447850	Lê Thị Trang	050948218	Trang
16	2015A0070	Lò Thị Vân	07/12/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	678/483	B447851	Lò Thị Vân	050962050	Vân
17	2015A0071	Lò Thị Vui	22/8/1994	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	679/483	B447852	Lò Thị Vui	050800528	Vui
K56 CĐGD Tiểu học (B)														
18	2015A0074	Điêu Thanh Bình	25/5/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	680/483	B447853	Điêu Thanh Bình	050949829	
19	2015A0075	Tòng Thị Bun	08/11/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	681/483	B447854	Tòng Thị Bun	051052457	Bun
20	2015A0083	Đàm Thu Hà	21/4/1997	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	682/483	B447855	Đàm Thu Hà	050956148	Hà
21	2015A0087	Vũ Thị Hồng Hạnh	07/10/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	683/483	B447856	Vũ Hồng Hạnh	050978326	Hạnh
22	2015A0088	Đinh Thị Út Hiền	17/01/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	684/483	B447857	Đ.T. Út Hiền	050903444	Hiền
23	2015A0091	Nguyễn Thanh Kim Huệ	25/3/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	685/483	B447858	Ng T.K. Huệ	050926960	Huệ

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu VB	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
24	2015A0096	Lò Thị Linh	09/6/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	686/483	B447859	Lò Thị Linh	051016571	Linh
25	2015A0109	Lường Thị Phương	26/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	687/483	B447860	Lường Thị Phương	050959398	Phương

Hỏng 03 chiếc:
B447839; B447840; B447841

* Ngày 19 tháng 6 năm 2018 xuất 28 phôi bằng TNCĐ để in 25 chiếc bằng TN Cao đẳng theo QĐ 483
Bằng TNCĐ: Từ B447833 đến B447860 *(28 chiếc)*

Sơn La, ngày 19 tháng 6 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 483 /QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 18 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 14/06/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ II - Năm học 2017 - 2018 (đợt 2);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 25 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2017 - 2018 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 483 /QĐ-ĐHTB, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
1	2015A0001	Trần Thị Ngọc	Anh	27/10/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2,51	Khá
2	2015A0003	Nguyễn Thị	Ánh	25/04/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2,50	Khá
3	2015A0012	Quàng Thị	Phương	22/11/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2,79	Khá
4	2015A0020	Đinh Thị Khánh	Chi	22/08/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,60	Khá
5	2015A0021	Cầm Thị	Chinh	19/06/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,57	Khá
6	2015A0022	Lường Thị	Chuyên	10/12/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,57	Khá
7	2015A0028	Đào Thu	Hà	10/08/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			3,01	Khá
8	2015A0033	Lường Văn	Hiệu	15/11/1996	Nam	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,32	Trung bình
9	2015A0038	Lò Thị	Huynh	15/05/1996	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,92	Khá
10	2015A0039	Cà Thị	Lan	26/03/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,97	Khá
11	2015A0040	Đinh Thị Thùy	Linh	08/04/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,37	Trung bình
12	2015A0042	Trần Khánh	Linh	29/09/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			3,37	Giỏi
13	2015A0046	Vàng Thị	Máy	09/11/1996	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			3,09	Khá
14	2015A0050	Quàng Thị	Nga	06/08/1994	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,23	Trung bình
15	2015A0066	Lê Thị	Trang	14/06/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			3,10	Khá
16	2015A0070	Lò Thị	Vân	07/12/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2,83	Khá
17	2015A0071	Lò Thị	Vui	22/08/1994	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			3,05	Khá
18	2015A0074	Điêu Thanh	Bình	25/05/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2,71	Khá
19	2015A0075	Tòng Thị	Bun	08/11/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2,64	Khá
20	2015A0083	Đàm Thu	Hà	21/04/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2,86	Khá
21	2015A0087	Vũ Thị Hồng	Hạnh	07/10/1995	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2,88	Khá
22	2015A0088	Đinh Thị út	Hiền	17/01/1996	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2,90	Khá
23	2015A0091	Nguyễn Thanh Kim	Huệ	25/03/1996	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			3,14	Khá
24	2015A0096	Lò Thị	Linh	09/06/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2,56	Khá
25	2015A0109	Lường Thị	Phương	26/06/1996	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2,57	Khá

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 482/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 18 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 14/06/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ II - Năm học 2017 - 2018 (đợt 2);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 514 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2017 - 2018 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 482/QĐ-ĐHTB, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
1	1253020009	Vì Văn	Kiên	30/05/1992	Nam	K53 ĐH Lâm sinh			2,03	Trung bình
2	1253050025	Lò Văn	Tỷ	09/12/1993	Nam	K53 ĐH Nông học			2,18	Trung bình
3	2013A1729	Mè Văn	Phương	08/10/1994	Nam	K54 ĐH Lâm sinh			2,33	Trung bình
4	2013A1889	Phùng Mai Anh	Phương	28/08/1994	Nam	K54 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường (C)			2,65	Khá
5	2013A1383	Trần Thị Thu	Huyền	10/09/1994	Nữ	K54 ĐHSP Tiếng Anh			2,53	Khá
6	2013A1405	Lò Thị	Thim	09/11/1995	Nữ	K54 ĐHSP Tiếng Anh			2,02	Trung bình
7	2013A1018	Vũ Viết	Thành	25/10/1995	Nam	K54 ĐHSP Hóa học			2,53	Khá
8	2013A0840	Hà Mỹ	Linh	04/11/1994	Nữ	K54 ĐHSP Toán học			2,81	Khá
9	2013A1127	Nguyễn Xuân	Quỳnh	14/01/1995	Nữ	K54 ĐHSP Ngữ văn (A)			2,77	Khá
10	2013A1181	Phạm Thị	Thư	18/07/1995	Nữ	K54 ĐHSP Ngữ văn (B)			2,31	Trung bình
11	2014A0292	Vừ Thị	Bầu	10/08/1992	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,74	Khá
12	2014A0294	Màng Thị	Chanh	20/07/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,75	Khá
13	2014A0296	Tòng Văn	Chiến	20/05/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,36	Trung bình
14	2014A0298	Sừng Xú	Chừ	10/06/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,22	Trung bình
15	2014A0300	Lý Hừ	De	16/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,89	Khá
16	2014A0303	Đinh Thị	Đào	12/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,43	Trung bình
17	2014A0305	Lò Thị	Hà	17/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,42	Trung bình
18	2014A0308	Tín Diên	Hò	16/01/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,87	Khá
19	2014A0309	Vì Thu	Hoan	07/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			3,08	Khá
20	2014A0314	Lý A	Khày	18/12/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,65	Khá
21	2014A0315	Vàng Thị	Lan	26/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,55	Khá
22	2014A0316	Cà Văn	Lanh	04/02/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,83	Khá
23	2014A0317	Lò Văn	Linh	21/01/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,57	Khá
24	2014A0318	Nguyễn Thị	Loan	11/09/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			3,30	Giỏi
25	2014A0319	Phàng Thị	Mái	12/03/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,85	Khá
26	2014A0335	Lường Thị	Thảo	08/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,21	Trung bình
27	2014A0338	Quàng Thị	Thim	26/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,63	Khá
28	2014A0339	Đinh Thị	Thơm	23/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,97	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
29	2014A0342	Quàng Văn	Tích	10/02/1994	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,58	Khá
30	2014A0345	Hà Thị	Tuấn	09/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,80	Khá
31	2014A0998	Chanthaphone	Boualasai	10/10/1993	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,64	Khá
32	2014A0999	Khamphon	Phaneleuangsy	11/05/1986	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,27	Trung bình
33	2014A1000	Khampheth	Sounvileuth	06/12/1994	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,43	Trung bình
34	2014A1003	Somphai	Phommalai	10/11/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,64	Khá
35	2016A0007	Thavone	Sorlisa	15/05/1986	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,36	Trung bình
36	2016A0009	Lasanom	Silatham	03/03/1986	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,57	Khá
37	**2014A0892**	**Bùi Phương**	**Anh**	**04/05/1995**	**Nữ**	**K55 ĐHGD Chính trị (B)**			2,55	Khá
38	2014A0893	Khoàng Thị	Anh	25/12/1994	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,83	Khá
39	2014A0894	Lường Văn	Anh	12/10/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,74	Khá
40	2014A0897	Sùng Thị	Chẳng	06/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,66	Khá
41	2014A0899	Tòng Thị	Chung	30/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,72	Khá
42	2014A0902	Sùng A	Dơ	13/04/1992	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			3,15	Khá
43	2014A0907	Quàng Thị	Hải	05/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,27	Trung bình
44	2014A0908	Quàng Thị	Hạnh	18/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,79	Khá
45	2014A0911	Lường Văn	Hoàng	04/03/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,55	Khá
46	2014A0914	Nùng Thị	Hường	05/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			3,33	Giỏi
47	2014A0917	Lò Thị	Kiên	23/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			3,31	Giỏi
48	2014A0919	Nguyễn Mai	Lệ	06/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			3,17	Khá
49	2014A0920	Thào A	Lứ	01/01/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			3,18	Khá
50	2014A0921	Triệu Văn	Minh	02/05/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			3,01	Khá
51	2014A0922	Hà Văn	Nhất	25/12/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,29	Trung bình
52	2014A0924	Quàng Thị	Nhung	02/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,54	Khá
53	2014A0925	Vàng A	Nó	20/06/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,66	Khá
54	2014A0928	Cà Văn	Quỹ	26/10/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,47	Trung bình
55	2014A0929	Quàng Thị	Quý	06/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,65	Khá
56	2014A0930	Lò Văn	Quyền	08/05/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,50	Khá
57	2014A0931	Và A	Sà	10/05/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,38	Trung bình
58	2014A0933	Sồng A	Su	17/09/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,51	Khá
59	2014A0935	Lê Văn	Thân	09/06/1992	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,61	Khá
60	2014A0936	Phá A	Thềnh	01/12/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,51	Khá
61	2014A0938	Quàng Thị	Thoại	06/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			3,04	Khá
62	2014A0940	Vàng Thị	Thuyết	30/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,77	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
63	2014A0943	Cầm Thị	Trang	11/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,45	Trung bình
64	2014A0945	Lò Văn	út	18/12/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2,85	Khá
65	**2014A0629**	**Nguyễn Đức**	**Toàn**	**14/04/1995**	**Nam**	**K55 ĐH Quản trị kinh doanh**			3,03	Khá
66	2014A1022	Chomsi	Phommalat	11/06/1995	Nam	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2,89	Khá
67	2014A1023	Inthaphone	Luenammachak	14/07/1996	Nam	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2,67	Khá
68	2014A1024	Phukvisa	Xayyachith	19/04/1997	Nữ	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2,72	Khá
69	2014A1025	Phonexai	Houmphanvongphachan	11/06/1996	Nam	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			3,17	Khá
70	2014A1026	Vongjohn	Chanhthapanya	23/06/1993	Nam	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2,40	Trung bình
71	**2013A1483**	**Trần Hồng**	**Ngọc**	**17/01/1995**	**Nữ**	**K55 ĐH Kế toán**			2,78	Khá
72	2013A1506	Trần Hồng	Trang	04/09/1994	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,57	Khá
73	2014A0626	Hoàng Thị	Phượng	22/11/1995	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,53	Khá
74	2014A0633	Lê Thị Bình	An	05/03/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,63	Khá
75	2014A0636	Đàm Hải	Anh	02/08/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,33	Trung bình
76	2014A0640	Mùa A	Chùa	12/11/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,11	Trung bình
77	2014A0641	Tòng Thị	Duyên	03/10/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,63	Khá
78	2014A0642	Nguyễn Văn	Đạt	22/11/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,54	Khá
79	2014A0644	Phạm Hoài	Giang	26/08/1994	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,88	Khá
80	2014A0645	Lường Thị	Hà	19/11/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,53	Khá
81	2014A0646	Lường Thị	Hà	25/06/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,67	Khá
82	2014A0647	Đinh Thị	Hải	26/04/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,37	Trung bình
83	2014A0648	Lù Văn	Hải	07/12/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,61	Khá
84	2014A0654	Vũ Hữu	Hưng	20/02/1994	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,07	Trung bình
85	2014A0656	Tòng Thị Ngọc	Lan	05/07/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,87	Khá
86	2014A0658	Quàng Thị	Lâm	10/07/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,51	Khá
87	2014A0663	Đỗ Hữu	Minh	28/04/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,73	Khá
88	2014A0668	Vũ Thị Thu	Thảo	03/02/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,92	Khá
89	2014A0669	Bùi Văn	Thắng	08/08/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			3,32	Giỏi
90	2014A0670	Lò Thị	Thủy	08/12/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,63	Khá
91	2014A0673	Hoàng Thị Hải	Vân	16/09/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,91	Khá
92	2014A1027	Bouala	Thipmoontaly	09/03/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,53	Khá
93	2014A1369	Bạc Thị	Huệ	10/02/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,52	Khá
94	2014A1376	Nguyễn Ngọc	Mai	24/04/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,29	Trung bình
95	2014A1379	Nguyễn Thị	Nhung	07/08/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,54	Khá
96	2014A1384	Hoàng Thị	Thảo	25/01/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,15	Trung bình

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
97	2014A1389	Đinh Thị	Uổn	26/11/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2,49	Trung bình
98	**2014A0703**	**Mùi Văn**	**An**	**19/06/1995**	**Nam**	**K55 ĐH Chăn nuôi**			3,16	Khá
99	2014A0706	Lò Thị	Hà	30/08/1994	Nữ	K55 ĐH Chăn nuôi			2,47	Trung bình
100	2014A0707	Cầm Văn	Hải	02/05/1995	Nam	K55 ĐH Chăn nuôi			2,96	Khá
101	2014A0708	Hờ A	Hùng	20/10/1995	Nam	K55 ĐH Chăn nuôi			2,58	Khá
102	2014A0717	Quàng Văn	Thắm	01/10/1994	Nam	K55 ĐH Chăn nuôi			2,73	Khá
103	2014A0718	Thào A	Tráng	18/07/1996	Nam	K55 ĐH Chăn nuôi			2,51	Khá
104	2014A0772	Lò Văn	Thành	26/03/1995	Nam	K55 ĐH Chăn nuôi			2,59	Khá
105	**2014A0721**	**Sùng Ngọc**	**ánh**	**27/02/1995**	**Nữ**	**K55 ĐH Nông học**			2,45	Trung bình
106	2014A0723	Trần Thị Kiều	Chinh	06/04/1996	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,89	Khá
107	2014A0724	Lò Văn	Chính	08/10/1996	Nam	K55 ĐH Nông học			2,57	Khá
108	2014A0725	Hạng A	Chớ	01/08/1993	Nam	K55 ĐH Nông học			2,92	Khá
109	2014A0727	Lò Văn	Công	04/10/1996	Nam	K55 ĐH Nông học			2,79	Khá
110	2014A0729	Lò Văn	Cương	09/11/1994	Nam	K55 ĐH Nông học			2,39	Trung bình
111	2014A0732	Lò Văn	Đún	18/01/1993	Nam	K55 ĐH Nông học			2,47	Trung bình
112	2014A0734	Đoàn Thị	Hải	08/11/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,81	Khá
113	2014A0735	Vì Thị	Hải	11/10/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,41	Trung bình
114	2014A0736	Bùi Thị	Hiệu	04/12/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,94	Khá
115	2014A0740	Cà Thị	Học	15/11/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,60	Khá
116	2014A0742	Lò Thu	Huyền	09/11/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,99	Khá
117	2014A0744	Cà Thị	Lâm	28/08/1994	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,71	Khá
118	2014A0746	Vàng A	Mê	07/03/1995	Nam	K55 ĐH Nông học			3,47	Giỏi
119	2014A0749	Điêu Thị	Nhung	20/08/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,91	Khá
120	2014A0750	Mùa A	Páo	21/04/1995	Nam	K55 ĐH Nông học			2,57	Khá
121	2014A0753	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	04/08/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			3,15	Khá
122	2014A0754	Quàng Văn	Siểng	07/02/1994	Nam	K55 ĐH Nông học			2,42	Trung bình
123	2014A0755	Quàng Văn	Sơn	04/03/1996	Nam	K55 ĐH Nông học			3,54	Giỏi
124	2014A0760	Lường Thị	Thảo	11/01/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,53	Khá
125	2014A0762	Lò Văn	Tuyển	13/03/1993	Nam	K55 ĐH Nông học			2,28	Trung bình
126	2014A0763	Tông A	Tỷ	09/02/1996	Nam	K55 ĐH Nông học			2,85	Khá
127	2014A0765	Thào A	Vừ	07/08/1995	Nam	K55 ĐH Nông học			2,29	Trung bình
128	2014A0767	Lò Thị	Hiền	26/10/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,58	Khá
129	2014A0770	Trần Thị	Lan	08/02/1996	Nữ	K55 ĐH Nông học			3,05	Khá
130	2014A1406	Sùng Thị	Dợ	25/12/1996	Nữ	K55 ĐH Nông học			3,09	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
131	2014A1407	Hù Thị	Mé	03/10/1996	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,85	Khá
132	2014A1408	Lò Thị	Thương	15/11/1996	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,83	Khá
133	2014A1409	Lò Thị	Đoàn	15/03/1996	Nữ	K55 ĐH Nông học			2,59	Khá
134	**2014A0785**	**Lò Văn**	**Hoàng**	**01/09/1995**	**Nam**	**K55 ĐH Lâm sinh**			2,46	Trung bình
135	2014A0801	Lò Thị	My	23/07/1995	Nữ	K55 ĐH Lâm sinh			3,27	Giỏi
136	2014A0809	Lò Văn	Quốc	04/05/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2,74	Khá
137	2014A0810	Tòng Văn	Quyền	30/05/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2,61	Khá
138	2014A0811	Vàng A	Sá	19/12/1994	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2,43	Trung bình
139	2014A0813	Sùng A	Sếnh	08/07/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2,51	Khá
140	2014A0815	Hứa Văn	Sơn	04/12/1994	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2,73	Khá
141	2014A0817	Hàng A	Tềnh	19/05/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2,83	Khá
142	2014A0820	Lò Thị	Thao	11/11/1995	Nữ	K55 ĐH Lâm sinh			2,55	Khá
143	2014A0828	Lò Văn	Trọng	20/11/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2,47	Trung bình
144	2014A0832	Nguyễn Thị Hải	Vân	18/05/1995	Nữ	K55 ĐH Lâm sinh			3,27	Giỏi
145	**2013A1766**	**Tòng Thị**	**Cương**	**27/05/1994**	**Nữ**	**K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường**			2,95	Khá
146	2014A0834	Giàng A	A	01/01/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,24	Trung bình
147	2014A0835	Nguyễn Thái	Anh	01/05/1995	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,61	Khá
148	2014A0844	Lù Văn	Hải	05/07/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,61	Khá
149	2014A0848	Nguyễn Thị	Hoa	09/11/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,82	Khá
150	2014A0850	Lò Văn	Hùng	05/07/1995	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,59	Khá
151	2014A0851	Nguyễn Tiến	Hưng	16/05/1995	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,51	Khá
152	2014A0852	Lò Văn	Khang	15/10/1994	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,24	Trung bình
153	2014A0857	Sùng A	Mính	27/07/1994	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,27	Trung bình
154	2014A0860	Bùi Bình	Nguyên	18/06/1995	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			3,24	Giỏi
155	2014A0861	Hờ A	Phía	20/05/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,43	Trung bình
156	2014A0866	Lò Văn	Quý	20/01/1994	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			3,23	Giỏi
157	2014A0871	Tẩn Láo	Sử	05/04/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,63	Khá
158	2014A0873	Quàng Văn	Thắm	11/11/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,61	Khá
159	2014A0874	Lò Văn	Thiệp	07/08/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,17	Trung bình
160	2014A0877	Quàng Thị	Thoa	14/05/1994	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,53	Khá
161	2014A0878	Lò Thị	Thu	26/11/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,78	Khá
162	2014A0879	Lường Thu	Thủy	06/02/1995	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,87	Khá
163	2014A0880	Đinh Thị	Thương	23/07/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,69	Khá
164	2014A0881	Quàng Văn	Thương	02/10/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,74	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
165	2014A0883	Mùa A	Trống	17/05/1995	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,18	Trung bình
166	2014A0884	Lò Văn	Tuấn	07/09/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,61	Khá
167	2014A0885	Nguyễn Bá	Tùng	05/03/1993	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,56	Khá
168	2014A0886	Nguyễn Văn	Tư	04/01/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,76	Khá
169	2014A0888	Lò Thị	Ty	28/05/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,62	Khá
170	2014A0889	Lèo Thị	Việt	07/03/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,74	Khá
171	2014A0891	Nguyễn Ngọc	Vinh	26/09/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,68	Khá
172	2014A1033	Bountem	Vilasen	22/04/1994	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,59	Khá
173	2014A1034	Lavanh	Hanvixai	07/08/1995	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,71	Khá
174	2014A1035	Fongsany	Phimmasone	10/11/1994	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,60	Khá
175	2014A1036	Thongsy	Synouanthong	23/02/1995	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,59	Khá
176	2014A1427	Phan Đức	Anh	01/03/1995	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,57	Khá
177	2014A1435	Đỗ Thị Thu	Hoài	17/07/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,93	Khá
178	2014A1441	Thào A	Sang	10/04/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,46	Trung bình
179	2014A1448	Lò Thị	Trang	18/02/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			3,36	Giỏi
180	2014A1449	Hà Thị	Trươn	26/03/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			3,16	Khá
181	2014A1451	Vàng A	Vanh	09/02/1996	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,61	Khá
182	2014A1453	Lò Thị	Yến	14/02/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2,69	Khá
183	2014A0605	Đinh Thị Minh	Châu	27/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			3,23	Giỏi
184	2014A0606	Đinh Thị Hà	Giang	19/11/1994	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,83	Khá
185	2014A0607	Tòng Thị	Hiền	05/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,71	Khá
186	2014A0610	Vì Thị	Liên	13/06/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,38	Trung bình
187	2014A0615	Phạm Thị	Thanh	21/06/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,39	Trung bình
188	2014A0616	Hà Anh	Tuấn	16/06/1996	Nam	K55 ĐHSP Tiếng Anh			3,04	Khá
189	2014A0617	Nguyễn Thị	Uyên	07/05/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,71	Khá
190	2014A1343	Trin Hồ Thu	Hằng	02/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			3,00	Khá
191	2014A1345	Mai Sỹ	Huy	04/11/1996	Nam	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,61	Khá
192	2014A1346	Nguyễn Thị	Huyền	15/03/1994	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			3,29	Giỏi
193	2014A1350	Lê Thị Khánh	Ngân	29/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,56	Khá
194	2014A1352	Trần Thị Hà	Phương	07/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,91	Khá
195	2014A1354	Nguyễn Xuân	Quyền	04/09/1996	Nam	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,81	Khá
196	2014A1355	Nguyễn Thị	Thảo	18/02/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,86	Khá
197	2014A1357	Vũ Thị	Tươi	17/02/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2,40	Trung bình
198	2014A0553	Phàng A	Cầu	05/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2,87	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
199	2014A0554	Hờ Thị	Chia	03/03/1993	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			3,00	Khá
200	2014A0557	Đỗ Việt	Hà	15/01/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			3,18	Khá
201	2014A0558	Lò Thị	Hòa	26/11/1995	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,63	Khá
202	2014A0561	Vàng Thị	Hương	16/08/1995	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,84	Khá
203	2014A0564	Đào Thị	Nhung	25/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			3,36	Giỏi
204	2014A0565	Cầm Thị	Oanh	21/06/1995	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			3,08	Khá
205	2014A0568	Lê Văn	Thắng	16/05/1994	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử		x	3,22	Khá
206	2014A0569	Lò Văn	Thoảng	15/05/1993	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2,51	Khá
207	2014A0570	Trương Thị	Thư	20/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,94	Khá
208	2014A1223	Lành Thị	Cúc	15/02/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			3,08	Khá
209	2014A1227	Tạ Mỹ	Giang	01/08/1994	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			3,27	Giỏi
210	2014A1230	Nguyễn Hoàng	Hiệp	14/11/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			3,24	Giỏi
211	2014A1231	Lò Thị	Hương	18/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,79	Khá
212	2014A1232	Cầm Quốc	Khánh	22/11/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2,83	Khá
213	2014A1235	Nguyễn Thị Mai	Lan	04/06/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,91	Khá
214	2014A1241	Nguyễn Thị	Nga	18/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			3,10	Khá
215	2014A1244	Lò Thị	Nưa	10/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,85	Khá
216	2014A1250	Đinh Thị	Quỳnh	21/02/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,71	Khá
217	2014A1251	Hoàng Văn	Quỳnh	23/04/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			3,39	Giỏi
218	2014A1254	Phùng Văn	Sơn	06/07/1995	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2,86	Khá
219	2014A1261	Lò Văn	Thách	27/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2,87	Khá
220	2014A1262	Hoàng Thị	Thành	18/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2,89	Khá
221	2014A1263	Hạng A	Thành	21/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2,70	Khá
222	2014A1273	Ngô Văn	Tiến	07/09/1994	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2,83	Khá
223	**2014A0576**	**Lò Văn**	**Chẩu**	**08/09/1995**	**Nam**	**K55 ĐHSP Địa lí**			2,70	Khá
224	2014A0581	Phùng Mùi	Ghến	16/02/1994	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,10	Khá
225	2014A0582	Hoàng Thị Thái	Hà	04/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,91	Khá
226	2014A0583	Tạ Thị	Hà	08/07/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,12	Khá
227	2014A0586	Nguyễn Thị	Huệ	15/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,25	Giỏi
228	2014A0594	Hoàng Hồng	Sơn	07/03/1995	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2,86	Khá
229	2014A0595	Ngần Thị	Thắm	21/10/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,73	Khá
230	2014A0597	Lò Thị	Thìn	03/04/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,51	Khá
231	2014A0598	Đinh Thị	Thu	06/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,91	Khá
232	2014A0599	Đinh Thị	Thúy	18/09/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,20	Giỏi

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
233	2014A0600	Lèo Thu	Trang	03/07/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,75	Khá
234	2014A0602	Lường Thanh	Tú	16/09/1995	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2,76	Khá
235	2014A0604	Quàng Thị	Xoan	16/04/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,03	Khá
236	2014A1020	Thongdam	Inthavong	17/12/1995	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2,45	Trung bình
237	2014A1281	Bùi Thị	Dậu	06/11/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,91	Khá
238	2014A1288	Phan Thị Thu	Hà	19/07/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,38	Giỏi
239	2014A1289	Bùi Thị	Hải	06/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,72	Khá
240	2014A1291	Điêu Thị	Hạnh	12/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,75	Khá
241	2014A1294	Pờ Thị	Hoa	07/01/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,02	Khá
242	2014A1295	Vàng Thị Cúc	Hoa	10/02/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,66	Khá
243	2014A1297	Đinh Nhật	Hồng	12/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,99	Khá
244	2014A1298	Bạc Thị	Huế	10/02/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,23	Giỏi
245	2014A1303	Lò Thị	Lan	20/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,77	Khá
246	2014A1306	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,55	Khá
247	2014A1312	Lường Thị Thúy	Phượng	27/04/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			3,31	Giỏi
248	2014A1313	Lò Minh	Quang	25/03/1995	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2,50	Khá
249	2014A1316	Lò Thị	Thanh	16/09/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,61	Khá
250	2014A1319	Lò Thị	Thùy	20/12/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,66	Khá
251	2014A1323	Nguyễn Thị	Trang	18/02/1995	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,91	Khá
252	2014A1324	Phan Thị	Trang	10/10/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,83	Khá
253	2014A1325	Trần Thị Hồng	Trang	02/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,66	Khá
254	2014A1330	Nguyễn Thị	Tươi	10/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2,84	Khá
255	2013A1022	Nguyễn Thị	Thắm	13/03/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học	x		3,42	Khá
256	2014A0456	Phạm Thị	Duyên	10/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,77	Khá
257	2014A0457	Lò Anh	Đức	14/02/1995	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			2,49	Trung bình
258	2014A0458	Cà Thị	Hà	11/04/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,89	Khá
259	2014A0459	Nguyễn Văn	Hải	09/07/1995	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			3,72	Xuất sắc
260	2014A0463	Quàng Thị	Huyền	30/01/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,87	Khá
261	2014A0465	Lầu Thị	Mai	10/09/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,70	Khá
262	2014A0466	Vàng Thị	May	05/05/1994	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			3,12	Khá
263	2014A0469	Vì Thị	Ngọc	30/09/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,49	Trung bình
264	2014A0476	Tòng Thị Phương	Thảo	21/10/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,54	Khá
265	2014A0479	Hà Thu	Tình	11/04/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,93	Khá
266	2014A0480	Tòng Thị	Tuyết	16/06/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,55	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
267	2014A1019	Bounmy	Sengmanythong	06/10/1984	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			2,19	Trung bình
268	2014A1114	Đào Việt	Cường	12/01/1995	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			2,60	Khá
269	2014A1120	Nguyễn Văn	Huyên	06/01/1996	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			3,35	Giỏi
270	2014A1123	Thào Seo	Lùng	01/05/1995	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			3,02	Khá
271	2014A1126	Trương Thị	Ngân	13/05/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,95	Khá
272	2014A1131	Đàm Thị Thu	Quỳnh	08/07/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			3,29	Giỏi
273	2014A1136	Vũ Thị Phương	Thảo	03/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			3,24	Giỏi
274	2014A1137	Tạ Thị	Thùy	30/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			3,25	Giỏi
275	2014A1138	Trần Thị	Trang	10/02/1995	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			3,29	Giỏi
276	2014A1140	Trần Thị Tố	Trinh	05/02/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2,87	Khá
277	**2013A1084**	**Bạc Thị**	**Sim**	**14/04/1995**	**Nữ**	**K55 ĐHSP Sinh học**			2,91	Khá
278	2014A0483	Lò Văn	Đươi	06/04/1995	Nam	K55 ĐHSP Sinh học			2,15	Trung bình
279	2014A0488	Lò Văn	Khương	05/11/1996	Nam	K55 ĐHSP Sinh học			2,65	Khá
280	2014A0498	Nguyễn Thị	Quyên	10/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			3,09	Khá
281	2014A0502	Đinh Thị	Tấm	10/10/1994	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,36	Trung bình
282	2014A0505	Lò Thị	Thủy	06/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,76	Khá
283	2014A0507	Bùi Thị Kiều	Trang	02/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,87	Khá
284	2014A0510	Lương Thị Hồng	Trinh	12/10/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,55	Khá
285	2014A0511	Mai Thị	Vy	08/01/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,69	Khá
286	2014A1143	Phạm Thị Ngọc	Anh	08/11/1994	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,78	Khá
287	2014A1148	Lò Thị	Hóa	05/01/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,21	Trung bình
288	2014A1149	Quàng Văn	Hoan	03/01/1996	Nam	K55 ĐHSP Sinh học			3,51	Giỏi
289	2014A1151	Phạm Thị Lan	Hương	24/10/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học		x	3,27	Khá
290	2014A1155	Nguyễn Thị	Phượng	14/04/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			2,61	Khá
291	2014A1160	Nguyễn Thị Nụ	Uyên	19/05/1996	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			3,16	Khá
292	2014A1162	Vũ Thị	Yến	05/08/1995	Nữ	K55 ĐHSP Sinh học			3,24	Giỏi
293	**2014A0358**	**Phùng Tiến**	**Đạt**	**02/02/1996**	**Nam**	**K55 ĐHGD Thể chất (A)**			2,95	Khá
294	2014A0969	Nguyễn Thùy	Linh	12/07/1994	Nữ	K55 ĐHGD Thể chất (A)	x		3,42	Khá
295	2014A0976	Hồ A	Quang	06/05/1996	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2,56	Khá
296	2014A0982	Lò Thị	Thảnh	06/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2,95	Khá
297	2014A0990	Nguyễn Văn	Tuấn	21/01/1995	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2,94	Khá
298	**2014A0351**	**Chảo Lủ**	**Chình**	**06/02/1995**	**Nam**	**K55 ĐHGD Thể chất (B)**			2,73	Khá
299	2014A0357	Lò Văn	Dương	03/10/1993	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (B)			2,41	Trung bình
300	2014A0377	Trần Văn	Phong	30/11/1993	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (B)			3,41	Giỏi

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
301	2014A0385	Lường Trung	Thủy	06/09/1994	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (B)			2,43	Trung bình
302	2014A0953	Khoàng Thị	Cương	10/10/1994	Nữ	K55 ĐHGD Thể chất (B)			2,75	Khá
303	**2014A0002**	**Nguyễn Thị Hà**	**Chang**	**22/06/1996**	**Nữ**	**K55 ĐHGD Mầm non (A)**			2,83	Khá
304	2014A0003	Sùng Thị	Chí	12/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,63	Khá
305	2014A0004	Tòng Thị	Chuyên	27/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,78	Khá
306	2014A0006	Hà Hồng	Diệp	03/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,11	Khá
307	2014A0008	Chu Gió	Dứ	20/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,03	Khá
308	2014A0009	Hoàng Thị	Định	19/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,25	Giỏi
309	2014A0010	Đinh Thị	Giang	20/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,13	Khá
310	2014A0011	Hoàng Thị	Hạnh	07/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,99	Khá
311	2014A0012	Lò Thị	Hạnh	05/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,14	Khá
312	2014A0013	Trần Thị	Hảo	02/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,08	Khá
313	2014A0016	Tòng Thị	Hòa	12/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,52	Khá
314	2014A0017	Hà Thị Thanh	Huyền	11/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,13	Khá
315	2014A0018	Quàng Thị Thu	Kiều	22/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,22	Giỏi
316	2014A0019	Lò Thị	Lả	15/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,10	Khá
317	2014A0020	Lò Thị	Liên	10/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,94	Khá
318	2014A0021	Đinh Thị	Linh	02/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,55	Khá
319	2014A0022	Bùi Thị	Lịnh	29/07/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,52	Giỏi
320	2014A0023	Lường Thị	Loạn	10/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,84	Khá
321	2014A0024	Lò Thị	Lượng	25/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,01	Khá
322	2014A0025	Bạc Thị	Mai	20/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,81	Khá
323	2014A0027	Lò Thị	Nghiệp	06/03/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,05	Khá
324	2014A0028	Nguyễn Thị	Ngọc	16/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,49	Giỏi
325	2014A0029	Tòng Thị	Nhạn	27/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,24	Giỏi
326	2014A0030	Trần Thị	Như	18/07/1994	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,08	Khá
327	2014A0034	Cà Thị	Sim	10/08/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,73	Khá
328	2014A0035	Cà Thị	Thanh	03/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,10	Khá
329	2014A0037	Quàng Thị	Thật	10/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,65	Khá
330	2014A0038	Vàng Thị	Thi	08/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,73	Khá
331	2014A0040	Đặng Thị	Thu	15/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,03	Khá
332	2014A0041	Hoàng Thị	Thu	04/03/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,08	Khá
333	2014A0046	Đồng Thị Minh	Trang	03/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,93	Khá
334	2014A0047	Võ Thị	Tư	20/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,01	Khá
335	2014A0049	Tòng Thị	Việt	22/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,89	Khá
336	2014A0051	Ngọc Thị	Xuân	09/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,99	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
337	2014A0052	Nông Thị	Xưởng	23/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3,08	Khá
338	2014A0054	Hoàng Thị	Yến	25/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2,73	Khá
339	2014A0057	Tòng Thị	Chau	12/06/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,78	Khá
340	2014A0059	Hoàng Thị	Chuyên	10/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,82	Khá
341	2014A0060	Quàng Thị	Diện	12/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,50	Khá
342	2014A0061	Hà Thị	Dinh	17/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,85	Khá
343	2014A0062	Lường Thị	Dung	26/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,19	Khá
344	2014A0065	Quàng Thị	Hà	26/08/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,91	Khá
345	2014A0066	Hoàng Thị	Hạnh	05/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,04	Khá
346	2014A0071	Vì Thị	Huệ	17/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,19	Khá
347	2014A0073	Lù Thị	Lả	17/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,79	Khá
348	2014A0079	Lầu Thị	Ly	08/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,72	Khá
349	2014A0086	Lò Thị	Oanh	27/02/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,99	Khá
350	2014A0088	Vũ Ngọc	Quỳnh	20/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,28	Giỏi
351	2014A0095	Quàng Thị	Thu	08/09/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,83	Khá
352	2014A0100	Lò Thị	Tuyết	12/04/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,77	Khá
353	2014A0101	Bùi Thị	Tươi	21/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,09	Khá
354	2014A0105	Phan Thị	Xuân	01/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			2,53	Khá
355	2014A0108	Nông Thị Ngọc	ánh	26/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,79	Khá
356	2014A0112	Lò Thị	Cương	18/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,97	Khá
357	2014A0119	Vì Văn	Hà	09/09/1994	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,77	Khá
358	2014A0136	Cao Thị	Ly	12/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,24	Giỏi
359	2014A0137	Hoàng Thị Tuyết	Mai	24/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,76	Khá
360	2014A0140	Lò Thị	Nga	24/03/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,18	Khá
361	2014A0142	Hà Bích	Ngọc	01/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,37	Giỏi
362	2014A0144	Lầu Thị	Nu	10/06/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,17	Khá
363	2014A0167	Lò Thị	Yên	08/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			3,01	Khá
364	2014A1170	Lường Quý	Hà	03/05/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2,69	Khá
365	2014A0169	Lò Thị	Anh	06/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,33	Giỏi
366	2014A0172	Đặng Lê Thùy	Chi	05/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,37	Giỏi
367	2014A0175	Cầm Văn	Cường	16/06/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,01	Khá
368	2014A0176	Mùa Thị	Dúa	01/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,25	Giỏi
369	2014A0177	Trần Thị Thùy	Dung	17/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,34	Giỏi
370	2014A0178	Vì Thị	Dung	20/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,51	Giỏi
371	2014A0179	Đinh Thị	Duyên	24/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,01	Khá
372	2014A0180	Nguyễn Thị	Dương	09/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,11	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
373	2014A0181	Lò Văn	Hà	15/07/1995	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,85	Khá
374	2014A0184	Lò Thị	Hằng	01/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,26	Giỏi
375	2014A0187	Đặng Thị	Hoa	27/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,93	Khá
376	2014A0190	Lò Thị	Huyền	24/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,82	Khá
377	2014A0193	Mùi Thị	Khánh	03/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,87	Khá
378	2014A0194	Lò Thị	Kiêm	07/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,96	Khá
379	2014A0197	Đinh Thị	Liên	14/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,89	Khá
380	2014A0198	Phùng Anh	Long	06/09/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,83	Khá
381	2014A0200	Hà Thị	Mai	20/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,97	Khá
382	2014A0201	Hà Thị	Mây	17/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,07	Khá
383	2014A0204	Nguyễn Thị	Nga	06/02/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,20	Giỏi
384	2014A0207	Nguyễn Thị Phương	Oanh	11/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,26	Giỏi
385	2014A0210	Cà Thị	Quyên	15/03/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,93	Khá
386	2014A0212	Hầu Seo	Sử	08/08/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,95	Khá
387	2014A0213	Trần Thị Thanh	Tâm	02/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,18	Khá
388	2014A0214	Đinh Minh	Thành	23/06/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,64	Khá
389	2014A0215	Mùa Phương	Thảo	08/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,27	Giỏi
390	2014A0217	Cà Thị	Thiết	07/09/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,95	Khá
391	2014A0218	Lường Thị	Thống	23/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,25	Giỏi
392	2014A0219	Bùi Thị Hoài	Thơm	24/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,93	Khá
393	2014A0220	Sùng Thị	Thu	20/07/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,75	Khá
394	2014A0222	Lường Văn	Tình	19/03/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,66	Khá
395	2014A0226	Lò Thị	Tủi	20/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			3,49	Giỏi
396	2014A0227	Nguyễn Thị	Tuyền	05/11/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,80	Khá
397	2014A0228	Lò Thị	Xương	28/03/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2,95	Khá
398	**2014A0236**	**Lò Thị**	**Dung**	**10/04/1995**	**Nữ**	**K55 ĐHGD Tiểu học (C)**			2,70	Khá
399	2014A0237	Quàng Thị	Dung	15/09/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2,93	Khá
400	**2014A0395**	**Hoàng Việt**	**Anh**	**26/10/1995**	**Nam**	**K55 ĐHSP Toán học**			3,90	Xuất sắc
401	2014A0396	Lường Thị Mai	Anh	15/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,12	Khá
402	2014A0405	Nguyễn Hương	Giang	26/06/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,21	Giỏi
403	2014A0407	Đặng Thu	Hiền	04/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,31	Giỏi
404	2014A0408	Tô Thị	Hoàn	10/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,45	Giỏi
405	2014A0409	Lò Văn	Huy	23/11/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2,73	Khá
406	2014A0412	Nguyễn Đình	Khôi	10/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			3,55	Giỏi
407	2014A0413	Hoàng Tùng	Lâm	08/10/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			4,05	Xuất sắc
408	2014A0418	Nguyễn Bích	Ngọc	25/05/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,76	Xuất sắc

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
409	2014A0420	Giàng A	Ngóng	06/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2,81	Khá
410	2014A0421	Nguyễn Thị	Nhật	16/05/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,39	Giỏi
411	2014A0426	Nguyễn Thị	Tân	02/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,37	Giỏi
412	2014A0429	Nguyễn Phương	Thảo	05/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,47	Giỏi
413	2014A0432	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/06/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,36	Giỏi
414	2014A0434	Giàng A	Ư	06/05/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2,92	Khá
415	2014A1005	Bounseng	Laomeo	18/08/1992	Nam	K55 ĐHSP Toán học			3,17	Khá
416	2014A1006	Bounthanh	Kaovangliayor	12/12/1992	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2,89	Khá
417	2014A1007	Chang	Moua	03/07/1994	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2,79	Khá
418	2014A1008	Ngane	Keopaseuth	06/05/1995	Nam	K55 ĐHSP Toán học			3,16	Khá
419	2014A1010	Somkeo	Xaiyavong	24/05/1994	Nam	K55 ĐHSP Toán học		x	3,22	Khá
420	2014A1038	Trần Quang	Cơ	20/09/1994	Nam	K55 ĐHSP Toán học			3,04	Khá
421	2014A1045	Sỳ Thị	Hiền	15/10/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			2,96	Khá
422	2014A1046	Đàm Thị Thanh	Hoa	19/04/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học	x	x	3,22	Khá
423	2014A1048	Vì Văn	Hoàng	28/01/1995	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2,93	Khá
424	2014A1051	Lê Thị	Huyền	03/11/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			2,86	Khá
425	2014A1052	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	17/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,00	Khá
426	2014A1053	Hà Thị Lan	Hương	01/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,07	Khá
427	2014A1054	Hoàng Thị Thu	Hương	21/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,04	Khá
428	2014A1057	Nguyễn Như Hoài	Linh	25/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,25	Giỏi
429	2014A1063	Nguyễn Thị	My	26/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,66	Xuất sắc
430	2014A1064	Giàng A	Nắng	05/06/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			3,19	Khá
431	2014A1065	Nguyễn Thị	Ngoan	26/11/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,19	Khá
432	2014A1070	Vũ Thị Hồng	Nhung	18/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,61	Xuất sắc
433	2014A1073	Nguyễn Như	Quỳnh	12/04/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			2,96	Khá
434	2014A1080	Nguyễn Thị	Thoa	14/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,06	Khá
435	2014A1082	Trương Thị	Thúy	19/08/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,24	Giỏi
436	2014A1083	Lê Thị	Thương	16/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,03	Khá
437	2014A1084	Đỗ Thị Thùy	Trang	03/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			2,93	Khá
438	2014A1089	Đinh Thị Thu	Uyên	25/02/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,62	Xuất sắc
439	2014A1090	Đặng Thị	Vui	22/01/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3,01	Khá
440	2014A1091	Quách Thị	Vượng	12/06/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			2,91	Khá
441	2014A0435	Giàng Thị	Dúa	20/08/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tin học			2,78	Khá
442	2014A0437	Lầu A	Nếnh	06/07/1995	Nam	K55 ĐHSP Tin học			2,84	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
443	2014A0438	Lò Văn	Sơn	05/04/1994	Nam	K55 ĐHSP Tin học			2,57	Khá
444	2014A0440	Nguyễn Thị	Xoan	27/10/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tin học			3,13	Khá
445	2014A1011	Thatsanikone	Dalachanh	21/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tin học			3,12	Khá
446	2014A1012	Alisa	Xayyathoumma	02/10/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tin học			3,24	Giỏi
447	2014A1013	Kilanh	Lophithak	29/11/1993	Nam	K55 ĐHSP Tin học			2,63	Khá
448	2014A1014	Nou	Monethavong	25/03/1995	Nam	K55 ĐHSP Tin học			2,75	Khá
449	2014A1015	Phonejit	Syyotha	28/01/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tin học			2,71	Khá
450	2014A1016	Phonexaivieng	Outthaya	12/04/1994	Nam	K55 ĐHSP Tin học			2,26	Trung bình
451	**2014A0441**	**Dương Tuấn**	**Anh**	**23/08/1996**	**Nam**	**K55 ĐHSP Vật lí**			3,06	Khá
452	2014A0443	Lầu A	Chờ	13/03/1995	Nam	K55 ĐHSP Vật lí			2,25	Trung bình
453	2014A0449	Đặng Thị	Luyến	23/03/1995	Nữ	K55 ĐHSP Vật lí			2,76	Khá
454	2014A0450	Thào Thị	Sầu	03/07/1996	Nữ	K55 ĐHSP Vật lí			2,63	Khá
455	2014A0451	Đinh Thị Thu	Thảo	23/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Vật lí			3,28	Giỏi
456	2014A1017	Kou	Yathovang	04/06/1994	Nam	K55 ĐHSP Vật lí			2,66	Khá
457	2014A1018	Teeher	Lia	16/05/1994	Nam	K55 ĐHSP Vật lí			3,11	Khá
458	2014A1099	Vũ Thị	Hương	05/04/1996	Nữ	K55 ĐHSP Vật lí			3,74	Xuất sắc
459	2014A1100	Lầu A	Khứ	16/07/1996	Nam	K55 ĐHSP Vật lí			2,27	Trung bình
460	2014A1102	Vũ Thị	Linh	21/01/1996	Nữ	K55 ĐHSP Vật lí			2,84	Khá
461	2014A1109	Nguyễn Thị	Tuyết	25/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Vật lí			3,14	Khá
462	2014A1765	Đỗ Thị Lan	Hương	20/06/1996	Nữ	K55 ĐHSP Vật lí			3,58	Giỏi
463	**2014A0677**	**Lường Văn**	**Cường**	**15/10/1995**	**Nam**	**K55 ĐH Công nghệ thông tin**			2,37	Trung bình
464	2014A0679	Trần Minh	Đức	02/09/1995	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,41	Trung bình
465	2014A0684	Mùa A	Lay	16/08/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,15	Trung bình
466	2014A0686	Quàng Văn	Lợi	31/05/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,81	Khá
467	2014A0689	Lưu Hồng	Quân	20/06/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,98	Khá
468	2014A0691	Cà Văn	Quyền	01/02/1994	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,33	Trung bình
469	2014A0693	Lê Minh	Sáng	08/09/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,82	Khá
470	2014A0694	Lầu A	Sếnh	12/08/1993	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,59	Khá
471	2014A0695	Cà Thị	Thành	02/04/1995	Nữ	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,39	Trung bình
472	2014A0696	Lò Văn	Thiện	04/09/1995	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,43	Trung bình
473	2014A0697	Lường Thị	Thu	19/04/1995	Nữ	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,62	Khá
474	2014A0698	Nguyễn Thị Hoài	Thu	14/12/1996	Nữ	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,68	Khá
475	2014A0995	Sùng A	Dì	29/10/1995	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,58	Khá
476	2014A1031	Nanthida	Saengsouk	15/07/1995	Nữ	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,93	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
477	2014A1401	Lường Văn	Tiến	01/06/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,45	Trung bình
478	2014A1769	Lường Văn	Thoải	23/08/1995	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,55	Khá
479	2016A0001	Amphavanh	Phomsavath	22/07/1995	Nữ	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2,93	Khá
480	2014A0514	Sùng A	Chớ	02/04/1994	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,60	Khá
481	2014A0515	Hồ A	Cỏ	05/07/1992	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,70	Khá
482	2014A0520	Hoàng Hồng	Hạnh	15/01/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,69	Khá
483	2014A0522	Võ Thị Hồng	Hạnh	13/10/1994	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,81	Xuất sắc
484	2014A0523	Vũ Thị	Hiền	18/01/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,25	Giỏi
485	2014A0525	Lường Văn	Hồng	25/02/1996	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,63	Khá
486	2014A0528	Nguyễn Thị	Hướng	25/02/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,64	Khá
487	2014A0530	Lý Thị	Loan	08/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,51	Khá
488	2014A0531	Lê Thị Phương	Ly	23/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,06	Khá
489	2014A0532	Bùi Thảo	Mai	19/08/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,65	Khá
490	2014A0535	Tòng Văn	Nam	02/06/1995	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,90	Khá
491	2014A0536	Lý Thị	Nga	09/12/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,69	Khá
492	2014A0538	Trần Hồng	Nhung	08/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,22	Giỏi
493	2014A0539	Hà Thị	Nụ	23/02/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,41	Giỏi
494	2014A0542	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	28/07/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,79	Khá
495	2014A0543	Lò Thị	Thanh	17/05/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,08	Khá
496	2014A0547	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	14/12/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,98	Khá
497	2014A0551	Hà Thị	Yến	06/10/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,73	Khá
498	2014A1166	Sùng A	Cu	12/03/1994	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,60	Khá
499	2014A1167	Nguyễn Thị	Dung	04/05/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,57	Giỏi
500	2014A1175	Nông Thúy	Hằng	06/09/1994	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,43	Trung bình
501	2014A1176	Nguyễn Quang	Hiển	03/02/1995	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,65	Khá
502	2014A1180	Nguyễn Việt	Hùng	08/06/1996	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,16	Khá
503	2014A1183	Lê Việt	Hưng	16/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,64	Xuất sắc
504	2014A1189	Trần Thị Mỹ	Linh	10/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,09	Khá
505	2014A1190	Lường Thị	Loan	08/04/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,76	Khá
506	2014A1192	Trần Hà	My	17/10/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,04	Khá
507	2014A1198	Nguyễn Thị	Nhung	09/06/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,81	Khá
508	2014A1202	Lò Thị	Phượng	26/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,67	Khá
509	2014A1204	Quàng Thị	Quỳnh	12/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,59	Khá
510	2014A1210	Hoàng Thị	Thiền	27/01/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,65	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
511	2014A1211	Quàng Thị	Thúy	09/11/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,69	Khá
512	2014A1216	Vũ Thị	Trang	16/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,35	Giỏi
513	2014A1217	Vũ Văn	Trung	15/10/1996	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			3,07	Khá
514	2014A1218	Lò Văn	Tuấn	05/10/1996	Nam	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,35	Trung bình

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2018 - Đợt 4

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 547/QĐ-ĐHTB ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Đại học học lại K52, K53, K54														
1	1159010147	Lò Văn Mai	07/12/1991	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Thể chất	T.Bình	688/547	1647755	Lò Văn Mai	050850724	Mai
2	1256020053	Hà Đình Tuất	18/8/1994	Yên Bái	Tày	VN	Nam	SP Lịch sử	T.Bình	689/547	1647756	Bùi Thị Nguyệt Quang	071571776	
3	2013A1269	Quàng Thị Tươi	26/12/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	T.Bình	690/547	1647757			
4	2013A1738	Tòng Văn Tinh	02/4/1992	Sơn La	La Ha	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	691/547	476484	Tòng Văn Tinh	050736570	Tinh
5	2013A1622	Lò Văn Hùng	02/3/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	692/547	476485	Lò Văn Hùng	050945119	Hùng
6	2013A1652	Cầm Văn Tùng	10/8/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	693/547	476486	Cầm Văn Tùng	050934230	Tùng
K55 ĐH Kế toán														
7	2014A0643	Trần Minh Đức	13/9/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Kế toán	Khá	694/547	1647758	Trần Minh Đức	050907435	
8	2014A1029	Sisomsack Louanglath	22/8/1995	Bò Kẹo	Lào	Lào	Nam	Kế toán	T.Bình	695/547	1647759	Si Sôm Sắc		
9	2014A1028	Boonsou Sengsavad	23/9/1995	Phông Sa Lỳ	Lào	Lào	Nam	Kế toán	Khá	696/547	1647760	Bun Su	02-001573	
K55 ĐH Quản trị kinh doanh														
10	2014A1021	Anouxa Soukbuakham	09/4/1995	Bò Kẹo	Lào	Lào	Nam	Quản trị KD	Khá	697/547	1647761	A Nu Xa	05-0032391	
11	2016A0002	Sinthavyxay Yorlavongsa	25/10/1994	Xiêng Khoảng	Lào	Lào	Nam	Quản trị KD	Khá	698/547	1647762	Sin Tha Vi Xay	09-0026937	
K55 ĐHGD Chính trị (A)														
12	2014A1004	Thongsy	03/01/1975	Luông Nậm Thà	Lào	Lào	Nam	GD Chính trị	T.Bình	699/547	1647763	Thong Sy		
K55 ĐHGD Mầm non (B)														
13	2014A0058	Sộng Me Chung	05/7/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	700/547	1647764	Sộng Me Chung	050970586	Chung
K55 ĐHSP Ngữ văn														
14	2014A1187	Hoàng Thị Thùy Linh	25/6/1996	Yên Bái	Tày	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	701/547	1647765	Hoàng T. Thùy Linh	061018096	Linh
K55 ĐHSP Toán học														
15	2014A1086	Nguyễn Quang Trí	12/9/1996	Bắc Giang	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Giỏi	702/547	1647766	Nguyễn Quang Trí	122243640	Trí
K56 ĐHSP Sinh học														
16	2017A0171	Choulao Vilachark	08/9/1988	Xiêng Khoảng	Lào	Lào	Nam	SP Sinh học	Khá	703/547	1647767	Chu lâu		

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
K55 ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường														
17	2014A1037	Xaiyasin Syhanou	07/9/1995	Luông Pha Băng	Lào	Lào	Nam	QL TN & MT	Khá	704/547	476487	Xay Nha Sin		
18	2014A0870	Trần Thị Sim	18/9/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	705/547	476483	Mỹ Thị Mỹ	050610211	

* Ngày 13 tháng 7 năm 2018 xuất 13 phôi bằng TNĐHCN để in 13 chiếc bằng TNĐHCN theo QĐ 547

Bằng TNĐH Cử nhân: Từ 1647755 đến 1647767 *(13 chiếc)*

* Ngày 13 tháng 7 năm 2018 xuất 05 phôi bằng TNĐH Kỹ sư để in 05 chiếc bằng TNĐH Kỹ sư theo QĐ 547

Bằng TNĐH Kỹ sư: Từ 476483 đến 476487 *(05 chiếc)*

Sơn La, ngày 13 tháng 7 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NĂM 2018 - Đợt 4

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 547/QĐ-ĐHTB ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu VB	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Cao đẳng học lại K53														
1	1214010069	Lò Văn Thương	12/3/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Trung bình	T.Bình	707/547	B447861	Lò văn Thương	050785416	
K56 CĐGD Mầm non														
2	2015A0675	Vì Thị Giang	18/01/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Khá	Khá	708/547	B447862	Giang	057040731	Vì Thị Giang
3	2015A0004	Quàng Thị Hà	06/11/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Khá	Khá	709/547	B447863	Hà	040731987	Quàng Thị Hà
4	2015A0005	Vũ Thị Hậu	06/7/1997	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	Trung bình	T.Bình	710/547	B447864	Hậu	040480449	Vũ Thị Hậu

* Ngày 13 tháng 7 năm 2018 xuất 04 phôi bằng TNCĐ để in 04 chiếc bằng TN Cao đẳng theo QĐ 547
Bằng TNCĐ: Từ B447861 đến B447864 *(04 chiếc)*

Sơn La, ngày 13 tháng 7 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 547 /QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy cho sinh viên tốt nghiệp sau học kỳ II, năm học 2017-2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 12/7/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy cho sinh viên tốt nghiệp sau học kỳ II, Năm học 2017-2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy cho 22 sinh viên tốt nghiệp sau học kỳ II, năm học 2017-2018, trong đó:

- 18 sinh viên đại học (trong đó có: 07 lưu học sinh nước CHDCND Lào);
- 04 sinh viên cao đẳng.

(Có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2017 - 2018 (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTB, ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
1	1159010147	Lò Văn	Mai	07/12/1991	Nam	K52 ĐHGD Thể chất (B)			2,42	Trung bình
2	1256020053	Hà Đình	Tuất	18/08/1994	Nam	K53 ĐHSP Lịch sử (A)			2,10	Trung bình
3	2013A1269	Quàng Thị	Tươi	26/12/1995	Nữ	K54 ĐHSP Lịch sử			2,38	Trung bình
4	2013A1738	Tòng Văn	Tinh	02/04/1992	Nam	K54 ĐH Lâm sinh			2,01	Trung bình
5	2013A1622	Lò Văn	Hùng	02/03/1994	Nam	K54 ĐH Nông học			2,34	Trung bình
6	2013A1652	Cầm Văn	Tùng	10/08/1994	Nam	K54 ĐH Nông học			2,16	Trung bình
7	2014A0643	Trần Minh	Đức	13/09/1996	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,61	Khá
8	2014A1029	Sisomsack	Louanglath	22/08/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,08	Trung bình
9	2014A1028	Boonsou	Sengsavad	23/09/1995	Nam	K55 ĐH Kế toán			2,55	Khá
10	2014A1021	Anouxa	Soukbuakham	09/04/1995	Nam	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2,51	Khá
11	2016A0002	Sinthavyxay	Yorlavongsa	25/10/1994	Nam	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2,65	Khá
12	2014A1004	Thongsy		03/01/1975	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2,24	Trung bình
13	2014A0058	Sộng Me	Chung	05/07/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3,13	Khá
14	2014A1187	Hoàng Thị Thùy	Linh	25/06/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2,57	Khá
15	2014A1086	Nguyễn Quang	Trí	12/09/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			3,22	Giỏi
16	2017A0171	Choulao	Vilachark	08/09/1988	Nam	K56 ĐHSP Sinh học			2,51	Khá
17	2014A1037	Xaiyasin	Syhanou	07/09/1995	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và môi trường			2,53	Khá
18	2014A0870	Trần Thị	Sim	18/09/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và môi trường			3,13	Khá

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2017 - 2018 (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHTB, ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
1	1214010069	Lò Văn	Thương	12/03/1994	Nam	K53 CĐ Kế toán			2,01	Trung bình
2	2015A0675	Vì Thị	Giang	18/01/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2,99	Khá
3	2015A0004	Quàng Thị	Hà	06/11/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2,53	Khá
4	2015A0005	Vũ Thị	Hậu	06/07/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2,45	Trung bình

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2018 - Đợt 5

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 810/QĐ-ĐHTB ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Đại học học lại K52, K53, K54														
1	1259010106	Nguyễn Thanh Long	08/6/1993	Sơn La	Kinh	VN	Nam	GD Thể chất	T.Bình	711/810	1647768	Nguyễn K. Oanh	050641083	Nguyễn K. Oanh
2	1153010008	Cà Văn Diên	02/11/1992	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Sinh học	T.Bình	712/810	1647769			
3	2013A1678	Mùa A Tà	08/9/1994	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	BV Thực vật	T.Bình	713/810	476488	Mùa A Tà	050778345	Tà
4	2013A1520	Lò Văn Dương	16/4/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	Khá	714/810	1647770	Lò Văn Dương	050894115	Dương
5	2013A1747	Vừ A Tủa	26/8/1994	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	715/810	540006	Vừ A Tủa	050801891	Tủa
6	2013A1767	Lò Văn Cường	01/10/1994	Lai Châu	Khơ-mú	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	716/810	540007	Lò Văn Cường	040416298	Cường
7	2013A1776	Nguyễn Việt Đức	21/3/1993	Sơn La	Kinh	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	717/810	540008			
8	2013A1865	Cà Văn Chung	15/01/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	718/810	540009	Cà Văn Chung	050803658	Chung
9	2013A0737	Lò Văn Giót	27/7/1989	Hoàng Liên Sơn	Thái	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	719/810	1647771	Lò Văn Giót	045047139	Giót
10	2013A0444	Kháng A Chống	25/9/1989	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	720/810	1647772	Kháng A Chống	050631729	Chống
11	2013A1330	Lường Văn Phương	18/4/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Địa lí	T.Bình	721/810	1647773			
12	2013A1040	Bùi Đức Cơ	01/02/1995	Hòa Bình	Mường	VN	Nam	SP Sinh học	T.Bình	722/810	1647774	Bùi Đức Cơ	113589823	Cơ
13	2013A1366	Chu Kỳ Duyên	21/8/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	723/810	1647775	Chu Kỳ Duyên	050859451	
SV K55 ĐH Công nghệ thông tin														
14	2014A0699	Dương Văn Toản	28/12/1995	Thanh Hoá	Kinh	VN	Nam	Công nghệ TT	Giỏi	724/810	1647776	Dương Văn Toản	175032208	Toản
SV K55 ĐH Kế toán														
15	2014A0649	Hoàng Thu Hằng	05/4/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	725/810	1647777			
16	2014A0650	Nguyễn Minh Hiếu	05/6/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Kế toán	Khá	726/810	1647778	Nguyễn Minh Hiếu	050907498	
17	2014A0657	Phạm Thế Lâm	19/3/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Kế toán	T.Bình	727/810	1647779	Phạm Thế Lâm	050818553	Lâm
18	2014A0674	Nguyễn Thị Xuân	27/7/1996	Thanh Hoá	Kinh	VN	Nữ	Kế toán	Khá	728/810	1647780	Nguyễn Thị Xuân	174768623	Xuân
SV K55 ĐH Lâm sinh														
19	2014A0775	Vì Văn Chanh	03/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	729/810	540010	Vì Văn Chanh	050969972	Chanh
20	2014A0780	Lò Văn Dinh	07/7/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	730/810	540011			

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
21	2014A0787	Quàng Văn Hon	28/8/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	731/810	540012			
22	2014A1417	Hoàng Văn Hùng	20/8/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	732/810	540013	Hoàng Văn Hùng	051000157	Hùng
23	2014A0793	Lầu Bả Ký	12/9/1993	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	733/810	540014	Lầu Bả Ký	050779398	
24	2014A0796	Lù Bảo Long	16/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	734/810	540015	Lù Bảo Long	050840829	
25	2014A0800	Quàng Thị Mai	06/7/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Lâm sinh	Khá	735/810	540016	Quàng Thị Mai	040726957	
26	2014A0802	Thào Thị Mỷ	13/4/1995	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	Lâm sinh	Khá	736/810	540017	Thào Thị Mỷ	040435120	Mỷ
27	2014A0808	Quàng Văn Phong	02/01/1993	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	737/810	540018			
28	2014A0814	Mùa A Sò	05/4/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	738/810	540019	Mùa A Sò	050932192	Sò
29	2014A0816	Lò Tú Tân	22/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	739/810	540020	Lò Tú Tân	050862466	TÂN
30	2014A0822	Lò Văn Thật	20/5/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Lâm sinh	Khá	740/810	540021	Lò Văn Thật	050857424	
31	2014A0830	Vương Quang Trường	05/4/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Lâm sinh	T.Bình	741/810	540022			
SV K55 ĐH Nông học														
32	2014A0766	Lò Văn Chung	30/7/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Nông học	Khá	742/810	540023	Lò văn chung	040466329	Chung
33	2014A0728	Thùng Văn Công	12/3/1993	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	743/810	540024	Thùng Văn Công	040408427	Công
34	2014A0737	Lò Thị Hiệu	06/12/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	T.Bình	744/810	540025	Lò Thị Hiệu	040678462	Hiệu
35	2014A0739	Lù Văn Hoàng	08/02/1993	Lai Châu	Thái	VN	Nam	Nông học	T.Bình	745/810	540026	Lù Văn Hoàng	040775943	Hoàng
36	2014A0769	Lò Thị Hương	27/7/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	Nông học	Khá	746/810	540027	Lò Thị Hương	040459799	Hương
37	2014A0757	Lê Văn Thành	10/10/1994	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	Nông học	T.Bình	747/810	540028	Lê văn thành	040417932	Thành
38	2014A0761	Quàng Anh Thư	07/5/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	Nông học	T.Bình	748/810	540029	Quàng Anh Thư	050888390	Thư
SV K55 ĐH Quản lý Tài nguyên và môi trường														
39	2014A1447	Trần Thị Bích Thủy	23/8/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	QL TN & MT	Khá	749/810	540030			
40	2013A1807	Tòng Văn Tuân	02/10/1994	Điện Biên	Thái	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	750/810	540031	Tòng Văn Tuân	040452590	Tuân
SV K55 ĐH Quản trị kinh doanh														
41	2016A0003	Khamenoy Chanhthavongsy	28/10/1995	Xiêng Khoảng	Lào	Lào	Nữ	Quản trị KD	Khá	751/810	1647781	Khamenoy Chanhthavongsy	hộ chiếu	
42	2014A0631	Mè Văn Tướng	01/4/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Quản trị KD	T.Bình	752/810	1647782	Mè Văn Tướng	050865617	Tướng
SV K55 ĐHGD Chính trị (A)														
43	2014A0306	Lò Minh Hảo	14/6/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	753/810	1647783			
44	2014A0324	Lò Văn Nhung	26/7/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	754/810	1647784	Lò văn Nhung	050836498	Nhung
45	2014A0328	Cầm Thị Phượng	14/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	755/810	1647785	Cầm Thị phượng	050975524	Phượng

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
46	2014A0337	Lò Văn Thiêu	15/5/1994	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	756/810	1647786	Lò Văn Thiêu	050801491	
SV K55 ĐHGD Chính trị (B)														
47	2014A0898	Lường Thị Chung	12/01/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	757/810	1647787	Lường Thị Chung	050885309	
48	2014A0900	Khoàng Mì Cờ	05/9/1996	Lai Châu	Hà Nhì	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	758/810	1647788	Khoàng Mì Cờ	040630653	
49	2014A0905	Giàng Bả Đạ	28/7/1990	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	759/810	1647789			
50	2014A0904	Quàng Văn Dũng	12/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	760/810	1647790			
51	2014A0912	Sùng A Hồng	12/8/1995	Điện Biên	H'Mông	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	761/810	1647791			
52	2014A1795	Trần Thảo Nguyên	01/12/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	762/810	1647792	Trần Thảo Nguyên	050894186	
53	2014A0927	Khoàng Thị Phước	07/02/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	763/810	1647793	Khoàng Thị Phước	040678256	
54	2016A1472	Anousone Sengphouphangeun	07/7/1992	Luông Nậm Thà	Lào	Lào	Nữ	GD Chính trị	Khá	764/810	1647794	A Nu Sôn	040012081	
55	2014A0934	Tòng Thị Thanh	20/02/1995	Lào Cai	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	765/810	1647795			
56	2014A0942	Lò Văn Tinh	15/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	Khá	766/810	1647796			
57	2014A0944	Lường Văn Tuyệt	22/8/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Chính trị	T.Bình	767/810	1647797			
58	2014A0946	Lò Thị Văn	05/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Chính trị	Khá	768/810	1647798			
SV K55 ĐHGD Mầm non (A)														
59	2014A0026	Hoàng Thị Nga	19/12/1996	Yên Bái	Tày	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	769/810	1647799	Hoàng Thị Nga	061021920	
60	2014A0043	Vũ Thị Thúy	25/6/1995	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	T.Bình	770/810	1647800	Vũ Thị Thúy	250912182	
61	2014A0053	Cà Thị Yến	16/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	771/810	1647801	Cà Thị Yến	050702861	
SV K55 ĐHGD Mầm non (B)														
62	2014A0087	Lèo Thị Quyên	08/5/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Giỏi	772/810	1647802	Lèo Thị Quyên	050944993	
SV K55 ĐHGD Thể chất (A)														
63	2014A0950	Sì Hừ Chóng	16/9/1994	Lai Châu	Hà Nhì	VN	Nam	GD Thể chất	T.Bình	773/810	1647803	Sì Hừ Chóng	045078783	
64	2014A0958	Lò Văn Đọc	09/6/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	774/810	1647804	Lò Văn Đọc	040532714	
65	2014A0965	Má A Huynh	12/3/1996	Lào Cai	Tày	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	775/810	1647805			
66	2014A0970	Đặng Sơn Lộc	07/02/1996	Lào Cai	Dao	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	776/810	1647806	Đặng Sơn Lộc	063438239	
67	2014A0978	Lò Văn Sinh	20/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	777/810	1647807	Lò Văn Sinh	050894494	
68	2014A0983	Đinh Long Thọ	28/12/1995	Hoà Bình	Mường	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	778/810	1647808	Đinh Long Thọ	113647322	
69	2014A0989	Nguyễn Hữu Tuân	21/02/1995	Hà Tây	Kinh	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	779/810	1647809	Hoàng Thanh Giang	050459131	

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV K55 ĐHGD Thể chất (B)														
70	2014A0356	Giàng Thị Dớ	01/6/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nữ	GD Thể chất	Khá	780/810	1647810	Giàng Thị Dớ	040578987	Dớ
71	2014A0367	Trần Văn Hưng	20/02/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	GD Thể chất	Khá	781/810	1647811	Trần Văn Hưng	040465445	Hưng
SV K55 ĐHGD Tiểu học (A)														
72	2014A0127	Lò Văn Hùng	05/10/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	782/810	1647812	Lò Văn Hùng	050821065	Hùng
SV K55 ĐHGD Tiểu học (B)														
73	2014A0173	Lèo Thị Chiêm	05/4/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	783/810	1647813	Lèo Thị Chiêm	050984160	Chiêm
74	2014A0174	Thào Thị Chứ	12/5/1996	Sơn La	H'Mông	VN	Nữ	GD Tiểu học	T.Bình	784/810	1647814	Thào Thị Chứ	050885591	Chứ
75	2014A0189	Vũ Thị Xuân Hồng	20/10/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	785/810	1647815	Vũ TX Hồng	Mất CMT	Hồng
SV K55 ĐHGD Tiểu học (C)														
76	2014A0252	Đinh Văn Hưng	12/4/1987	Sơn La	Mường	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	786/810	1647816			
77	2014A0254	Lò Văn Khánh	02/02/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	787/810	1647817			
78	2014A0267	Lò Thị Nguyên	29/01/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	788/810	1647818	Lò Thị Nguyên	050859206	Nguyên
79	2014A0289	Hà Lan Vi	01/6/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	789/810	1647819			
SV K55 ĐHSP Địa lí														
80	2014A0579	Hoàng Thị Dí	05/4/1996	Lào Cai	H'Mông	VN	Nữ	SP Địa lí	Khá	790/810	1647820			
81	2014A1282	Ma Công Dìn	28/02/1994	Tuyên Quang	Tày	VN	Nam	SP Địa lí	T.Bình	791/810	1647821	Ma Công Dìn	070957759	Dìn
82	2014A1305	Đinh Công Linh	06/5/1996	Phú Thọ	Mường	VN	Nam	SP Địa lí	Khá	792/810	1647822	Đinh Công Linh	132328695	Linh
83	2014A0593	Giàng Seo Sống	15/01/1996	Lào Cai	H'Mông	VN	Nam	SP Địa lí	T.Bình	793/810	1647823	Giàng Seo Sống	063415775	Sống
84	2014A0596	Lò Văn Thân	04/7/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Địa lí	Khá	794/810	1647824	Lò Văn Thân	040730059	Thân.
SV K55 ĐHSP Hóa học														
85	2014A1113	Nguyễn Văn Biển	23/9/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nam	SP Hóa học	Khá	795/810	1647825	Nguyễn Văn Biển	017494261	Biển
86	2014A1766	Đinh Thị Hoài Hiếu	07/7/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	796/810	1647826	Đinh Thị Hoài Hiếu	050945215	Hiếu
87	2014A1129	Phạm Ngọc Oanh	04/11/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	797/810	1647827	Phạm Ngọc Oanh	040730222	Oanh
88	2014A1134	Và A Thành	19/9/1995	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	SP Hóa học	Khá	798/810	1647828	Và A Thành	050913420	Thành
SV K55 ĐHSP Lịch sử														
89	2014A0555	Bùi Thị Danh	27/5/1995	Hòa Bình	Mường	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	799/810	1647829	Bùi Thị Danh	113614242	Danh
90	2014A1229	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1996	Quảng Ninh	Kinh	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	800/810	1647830	Nguyễn Thị Thu Hiền	101308026	Hiền
91	2014A1233	Hà Thị Khuy	21/01/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	801/810	1647831			

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
92	2014A1236	Lê Thị Thùy Linh	01/3/1994	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Lịch sử	Giỏi	802/810	1647832	Lê T. Thùy Linh	050911277	Linh
93	2014A1246	Lò Thị Phương	10/01/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	803/810	1647833	Lò Thị Phương	040482574	Phương
94	2014A1260	Nguyễn Thanh Tâm	09/11/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	804/810	1647834	Ng. Thanh Tâm	040825440	[illegible]
95	2014A1268	Lìn Xuân Thùy	26/02/1996	Lào Cai	Giáy	VN	Nữ	SP Lịch sử	Khá	805/810	1647835	Lìn Xuân Thùy	063447915	Thùy
96	2014A0572	Má A Tu	05/8/1995	Lào Cai	H'Mông	VN	Nam	SP Lịch sử	Khá	806/810	1647836	MÁ A TU	063457589	Tu
97	2014A0573	Lường Văn Tượng	07/9/1996	Lào Cai	Thái	VN	Nam	SP Lịch sử	T.Bình	807/810	1647837			
SV K55 ĐHSP Ngữ văn														
98	2014A0512	Lục Thị Bích	14/4/1995	Bắc Giang	Nùng	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	808/810	1647838	Lục Thị Bích	122102770	Bích
99	2014A1197	Nguyễn Thị Nhung	16/12/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	809/810	1647839	Nguyễn Thị Nhung	040481865	Nhung
100	2014A0541	Bạc Thị Quyên	20/9/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	810/810	1647840	Bạc Thị Quyên	050871931	Quyên
101	2014A1205	Lò Thị Thanh Tâm	16/12/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	811/810	1647841	Lò T. Thanh Tâm	050903674	Tâm
102	2014A0545	Lò Thị Thảo	28/12/1995	Điện Biên	Thái	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Khá	812/810	1647842	Lò Thị Thảo	040480811	Thảo
103	2014A1215	Trịnh Hoàng Thanh Trang	15/3/1996	Hưng Yên	Kinh	VN	Nữ	SP Ngữ văn	Giỏi	813/810	1647843	Nguyễn Giang Hiền	040527836	Hiền
SV K55 ĐHSP Sinh học														
104	2014A0499	Quàng Văn Quyết	19/01/1994	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Sinh học	T.Bình	814/810	1647844	Quàng Văn Quyết	094746535 9	[illegible]
SV K55 ĐHSP Tiếng Anh														
105	2014A1338	Ngô Ngọc Bích	06/8/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	815/810	1647845	Ngô Ngọc Bích	050896025	[illegible]
106	2014A1340	Vũ Thị Bích Diệp	20/5/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	816/810	1647846	Vũ Bích Diệp	050862292	Diệp
107	2014A0609	Nguyễn Khánh Hòa	02/3/1995	Lai Châu	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	817/810	1647847	Nguyễn Khánh Hòa	040528427	Hòa
108	2014A1347	Lò Văn Khánh	27/9/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Tiếng Anh	T.Bình	818/810	1647848	Lò Văn Khánh	050903806	Khánh
109	2014A0611	Quàng Thị Linh	24/5/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	819/810	1647849	Quàng Thị Linh	050922847	Linh
110	2014A0612	Lò Thị Mai	07/7/1996	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	820/810	1647850	Lò Thị Mai	040475911	Mai
111	2014A0613	Nguyễn Thị Nga	29/7/1996	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	821/810	1647851			
112	2014A0614	Phạm Thảo Phương	20/11/1996	Nam Định	Kinh	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	822/810	1647852	Phạm Thảo Phương	163392354	Phương
113	2014A0618	Lê Thị Xuyến	23/12/1996	Nghệ An	Thổ	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	Khá	823/810	1647853	Lê Thị Xuyến	187519378	Xuyến
SV K55 ĐHSP Toán học														
114	2014A0398	Nguyễn Thị Ngọc Bích	04/12/1996	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	824/810	1647854	Ng. Thị Ngọc Bích	152094100	Bích
115	2014A0400	Nguyễn Văn Cường	19/01/1986	Ninh Bình	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	825/810	1647855	Ng. Văn Cường	164243838	Cường
116	2014A0401	Phan Mạnh Cường	18/5/1996	Hà Giang	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	826/810	1647856	Bùi Thị Châu	113707324	Châu

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
117	2014A0403	Lê Tiến Dương	24/3/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	827/810	1647857	Lê Tiến Dương	040480766	Dương
118	2014A1041	Bùi An Giang	26/8/1996	Lai Châu	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	828/810	1647858	Bùi An Giang	040727286	Giang
119	2014A1049	Đoàn Mạnh Hùng	06/6/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	829/810	1647859	Đoàn Mạnh Hùng	050997037	Hùng
120	2014A1058	Đàm Hữu Lộc	24/4/1996	Vĩnh Phúc	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	830/810	1647860	Đàm Hữu Lộc	026096001999	Lộc
121	2014A0416	Lò Văn Lợi	08/9/1995	Lai Châu	Thái	VN	Nam	SP Toán học	T.Bình	831/810	1647861			
122	2014A1061	Vũ Thị Ngọc Mai	04/4/1995	Thái Bình	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	832/810	1647862	Vũ Thị Ngọc Mai	152080522	Mai
123	2014A0419	Vi Thị Ngọc	02/11/1995	Nghệ An	Thái	VN	Nữ	SP Toán học	Khá	833/810	1647863	Vi Thị Ngọc	187392231	Ngọc
124	2014A0423	Nguyễn Chí Phương	02/10/1996	Bắc Ninh	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	834/810	1647864	Nguyễn Chí Phương	125677699	Phương
125	2014A0430	Phạm Hải Toàn	04/02/1996	Hải Dương	Kinh	VN	Nam	SP Toán học	Khá	835/810	1647865	Bùi Thị Châu	113707334	Châu
126	2014A0431	Liều A Tòng	15/01/1996	Lai Châu	H'Mông	VN	Nam	SP Toán học	T.Bình	836/810	1647866	Vàng A Chính	040460392	Chính
127	2014A0433	Lò Văn Tuân	26/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Toán học	T.Bình	837/810	1647867	Lò Văn Tuân	050867895	Tuân
SV K55 ĐHSP Vật lí														
128	2014A0446	Lò Tiến Hùng	21/12/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Vật lí	T.Bình	838/810	1647868	Lò Tiến Hùng	050859164	

Hỏng 08 chiếc: 476489; 476490; 476491; 476492; 476493; 476494; 476495; 540005

* Ngày 04 tháng 9 năm 2018 xuất 101 phôi bằng TNĐHCN để in 101 chiếc bằng TNĐHCN theo QĐ 810

Bằng TNĐH Cử nhân: Từ 1647768 đến 1647868 *(101 chiếc)*

* Ngày 04 tháng 9 năm 2018 xuất 35 phôi bằng TNĐH Kỹ sư để in 27 chiếc bằng TNĐH Kỹ sư theo QĐ 810

Bằng TNĐH Kỹ sư: Từ 476488 đến 476495 *(08 chiếc)*

Bằng TNĐH Kỹ sư: Từ 540005 đến 540031 *(27 chiếc)*

Sơn La, ngày 04 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NĂM 2018 - Đợt 5

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 811/QĐ-ĐHTB ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu VB	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Cao đẳng học lại K53, K54, K55														
1	1213060034	Sùng A Pó	10/4/1992	Sơn La	H'Mông	VN	Nam	QL TN & MT	T.Bình	839/811	B447865			
2	111C710005	Hoàng Văn Chính	14/8/1993	Sơn La	Thái	VN	Nam	SP Hóa học	T.Bình	840/811	B447867	Hoàng Văn Chính	050757210	Chính
3	2013A0214	Hà Thị Huyền	26/8/1995	Sơn La	Thái	VN	Nữ	SP Tiếng Anh	T.Bình	841/811	B447868			
4	2013A0089	Nguyễn Hà Phương	10/5/1995	Điện Biên	Kinh	VN	Nữ	SP Toán học	T.Bình	842/811	B447869	Nguyễn Hà Phương	040418924	Phương
5	2014A1531	Hà Văn Đông	09/8/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	843/811	B447870	Hà Văn Đông	050850805	Đông
K56 CĐGD Mầm non														
6	2015A0008	Nguyễn Thị Nhâm	05/4/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	844/811	B447871	Ng. Thị Nhâm	050848810	Nhâm
K56 CĐGD Tiểu học (A)														
7	2015A0023	Lò Văn Địa	23/7/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	Khá	845/811	B447872			
8	2015A0044	Lò Thị Mai	10/11/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	846/811	B447873	Lò Thị Mai	050986472	Mai
9	2015A0048	Tòng Thị Minh	17/6/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	847/811	B447874			
10	2015A0052	Hoàng Minh Nguyệt	16/9/1997	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	848/811	B447875			
11	2015A0055	Đào Như Quỳnh	05/9/1997	Sơn La	Kinh	VN	Nữ	GD Tiểu học	T.Bình	849/811	B447876	Đào Như Quỳnh	051045356	Quỳnh.
12	2015A0065	Vì Thị Ngọc Trâm	09/02/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	T.Bình	850/811	B447877			
K56 CĐGD Tiểu học (B)														
13	2015A0099	Lò Thị Mai	30/12/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	851/811	B447878	Lò Thị Mai	050955184	Mai
14	2015A0106	Trần Thu Nguyệt	18/9/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	Khá	852/811	B447879	Trần Thị Nguyệt	050949806	Nguyệt

Hỏng 01 chiếc: B447866

* Ngày 04 tháng 9 năm 2018 xuất 15 phôi bằng TNCĐ để in 14 chiếc bằng TN Cao đẳng theo QĐ 811
Bằng TNCĐ: Từ B447865 đến B447879 *(15 chiếc)*

Sơn La, ngày 04 tháng 9 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 811/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 30/08/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ phụ - Năm học 2017 - 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 14 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
SAU HỌC KỲ PHỤ NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 811 /QĐ-ĐHTB, ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
1	1213060034	Sùng A	Pó	10/04/1992	Nam	K53 CĐ Quản lý tài nguyên và môi trường (A)			2.09	Trung bình
2	111C710005	Hoàng Văn	Chính	14/08/1993	Nam	K53 CĐSP Hoá học			2.02	Trung bình
3	2013A0214	Hà Thị	Huyền	26/08/1995	Nữ	K54 CĐSP Tiếng Anh			2.26	Trung bình
4	2013A0089	Nguyễn Hà	Phương	10/05/1995	Nữ	K54 CĐSP Toán học			2.37	Trung bình
5	2014A1531	Hà Văn	Đông	09/08/1995	Nam	K55 CĐGD Tiểu học			2.24	Trung bình
6	2015A0008	Nguyễn Thị	Nhâm	05/04/1995	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2.52	Khá
7	2015A0023	Lò Văn	Địa	23/07/1995	Nam	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2.51	Khá
8	2015A0044	Lò Thị	Mai	10/11/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2.57	Khá
9	2015A0048	Tòng Thị	Minh	17/06/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2.72	Khá
10	2015A0052	Hoàng Minh	Nguyệt	16/09/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2.63	Khá
11	2015A0055	Đào Như	Quỳnh	05/09/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2.4	Trung bình
12	2015A0065	Vì Thị Ngọc	Trâm	09/02/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (A)			2.18	Trung bình
13	2015A0099	Lò Thị	Mai	30/12/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2.52	Khá
14	2015A0106	Trần Thu	Nguyệt	18/09/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2.77	Khá

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 810 /QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 30/08/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ phụ - Năm học 2017 - 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 128 sinh viên (có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

SAU HỌC KỲ PHỤ NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 810 /QĐ-ĐHTB, ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
1	2014A0306	Lò Minh	Hảo	14/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2.41	Trung bình
2	2014A0324	Lò Văn	Nhung	26/07/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2.72	Khá
3	2014A0328	Cầm Thị	Phượng	14/10/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2.26	Trung bình
4	2014A0337	Lò Văn	Thiêu	15/05/1994	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2.37	Trung bình
5	2014A0898	Lường Thị	Chung	12/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.77	Khá
6	2014A0900	Khoàng Mì	Cờ	05/09/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.38	Trung bình
7	2014A0905	Giàng Bả	Đạ	28/07/1990	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.31	Trung bình
8	2014A0904	Quàng Văn	Dũng	12/09/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.07	Trung bình
9	2014A0912	Sùng A	Hồng	12/08/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.1	Trung bình
10	2014A1795	Trần Thảo	Nguyên	01/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)	x		3.26	Khá
11	2014A0927	Khoàng Thị	Phước	07/02/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.85	Khá
12	2014A0934	Tòng Thị	Thanh	20/02/1995	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.45	Trung bình
13	2014A0942	Lò Văn	Tinh	15/04/1996	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.53	Khá
14	2014A0944	Lường Văn	Tuyệt	22/08/1995	Nam	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.4	Trung bình
15	2014A0946	Lò Thị	Văn	05/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.63	Khá
16	2016A1472	Anousone	Sengphouphangeun	07/07/1992	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (B)			2.56	Khá
17	2014A0649	Hoàng Thu	Hằng	05/04/1995	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2.55	Khá
18	2014A0650	Nguyễn Minh	Hiếu	05/06/1996	Nam	K55 ĐH Kế toán			2.57	Khá
19	2014A0657	Phạm Thế	Lâm	19/03/1996	Nam	K55 ĐH Kế toán			2.07	Trung bình
20	2014A0674	Nguyễn Thị	Xuân	27/07/1996	Nữ	K55 ĐH Kế toán			2.54	Khá
21	2016A0003	Khamenoy	Chanhthavongsy	28/10/1995	Nữ	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2.94	Khá
22	2014A0631	Mẻ Văn	Tướng	01/04/1995	Nam	K55 ĐH Quản trị kinh doanh			2.07	Trung bình

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
23	2013A1678	Mùa A	Tà	08/09/1994	Nam	K54 ĐH Bảo vệ thực vật			2.19	Trung bình
24	2013A1747	Vừ A	Tủa	26/08/1994	Nam	K54 ĐH Lâm sinh			2.08	Trung bình
25	2013A1767	Lò Văn	Cường	01/10/1994	Nam	K54 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường (A)			2.07	Trung bình
26	2013A1776	Nguyễn Việt	Đức	21/03/1993	Nam	K54 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường (A)			2.02	Trung bình
27	2013A1865	Cà Văn	Chung	15/01/1994	Nam	K54 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường (C)			2.17	Trung bình
28	2014A0775	Vì Văn	Chanh	03/03/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.33	Trung bình
29	2014A0780	Lò Văn	Dinh	07/07/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.5	Khá
30	2014A0787	Quàng Văn	Hon	28/08/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.41	Trung bình
31	2014A1417	Hoàng Văn	Hùng	20/08/1996	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.81	Khá
32	2014A0793	Lầu Bả	Ký	12/09/1993	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.45	Trung bình
33	2014A0796	Lù Bảo	Long	16/03/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.53	Khá
34	2014A0800	Quàng Thị	Mai	06/07/1995	Nữ	K55 ĐH Lâm sinh			2.66	Khá
35	2014A0802	Thào Thị	Mỳ	13/04/1995	Nữ	K55 ĐH Lâm sinh			3.02	Khá
36	2014A0808	Quàng Văn	Phong	02/01/1993	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.11	Trung bình
37	2014A0814	Mùa A	Sò	05/04/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.57	Khá
38	2014A0816	Lò Tú	Tân	22/06/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.39	Trung bình
39	2014A0822	Lò Văn	Thật	20/05/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.62	Khá
40	2014A0830	Vương Quang	Trường	05/04/1995	Nam	K55 ĐH Lâm sinh			2.21	Trung bình
41	2014A0766	Lò Văn	Chung	30/07/1995	Nam	K55 ĐH Nông học			2.55	Khá
42	2014A0728	Thùng Văn	Công	12/03/1993	Nam	K55 ĐH Nông học			2.29	Trung bình
43	2014A0737	Lò Thị	Hiệu	06/12/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2.21	Trung bình
44	2014A0739	Lù Văn	Hoáng	08/02/1993	Nam	K55 ĐH Nông học			2.21	Trung bình
45	2014A0769	Lò Thị	Hương	27/07/1995	Nữ	K55 ĐH Nông học			2.89	Khá
46	2014A0757	Lê Văn	Thành	10/10/1994	Nam	K55 ĐH Nông học			2.29	Trung bình
47	2014A0761	Quàng Anh	Thư	07/05/1996	Nữ	K55 ĐH Nông học			2.33	Trung bình
48	2014A1447	Trần Thị Bích	Thủy	23/08/1996	Nữ	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2.97	Khá
49	2013A1807	Tòng Văn	Tuân	02/10/1994	Nam	K55 ĐH QL Tài nguyên và Môi trường			2.39	Trung bình
50	2013A1366	Chu Kỳ	Duyên	21/08/1995	Nữ	K54 ĐHSP Tiếng Anh			2.52	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
51	2014A1338	Ngô Ngọc	Bích	06/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.29	Trung bình
52	2014A1340	Vũ Thị Bích	Diệp	20/05/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.53	Khá
53	2014A0609	Nguyễn Khánh	Hòa	02/03/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.09	Trung bình
54	2014A1347	Lò Văn	Khánh	27/09/1995	Nam	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.38	Trung bình
55	2014A0611	Quàng Thị	Linh	24/05/1995	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.33	Trung bình
56	2014A0612	Lò Thị	Mai	07/07/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.25	Trung bình
57	2014A0613	Nguyễn Thị	Nga	29/07/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.7	Khá
58	2014A0614	Phạm Thảo	Phương	20/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.2	Trung bình
59	2014A0618	Lê Thị	Xuyến	23/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Tiếng Anh			2.56	Khá
60	2013A1330	Lường Văn	Phương	18/04/1995	Nam	K54 ĐHSP Địa lí			2.44	Trung bình
61	2014A0579	Hoàng Thị	Dí	05/04/1996	Nữ	K55 ĐHSP Địa lí			2.65	Khá
62	2014A1282	Ma Công	Dìn	28/02/1994	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2.39	Trung bình
63	2014A1305	Đinh Công	Linh	06/05/1996	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2.59	Khá
64	2014A0593	Giàng Seo	Sống	15/01/1996	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2.25	Trung bình
65	2014A0596	Lò Văn	Thân	04/07/1996	Nam	K55 ĐHSP Địa lí			2.79	Khá
66	2014A0555	Bùi Thị	Danh	27/05/1995	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2.51	Khá
67	2014A1229	Nguyễn Thị Thu	Hiền	11/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử	x		3.23	Khá
68	2014A1233	Hà Thị	Khuy	21/01/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2.58	Khá
69	2014A1236	Lê Thị Thùy	Linh	01/03/1994	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			3.23	Giỏi
70	2014A1246	Lò Thị	Phương	10/01/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2.81	Khá
71	2014A1260	Nguyễn Thanh	Tâm	09/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2.55	Khá
72	2014A1268	Lìn Xuân	Thùy	26/02/1996	Nữ	K55 ĐHSP Lịch sử			2.57	Khá
73	2014A0572	Má A	Tu	05/08/1995	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2.57	Khá
74	2014A0573	Lường Văn	Tượng	07/09/1996	Nam	K55 ĐHSP Lịch sử			2.46	Trung bình
75	1153010008	Cà Văn	Diên	02/11/1992	Nam	K53 ĐHSP Sinh học			2.18	Trung bình
76	2013A1040	Bùi Đức	Cơ	01/02/1995	Nam	K54 ĐHSP Sinh học			2.03	Trung bình
77	2014A1113	Nguyễn Văn	Biển	23/09/1996	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			2.57	Khá
78	2014A1766	Đinh Thị Hoài	Hiếu	07/07/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2.57	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
79	2014A1129	Phạm Ngọc	Oanh	04/11/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			3.05	Khá
80	2014A1134	Và A	Thành	19/09/1995	Nam	K55 ĐHSP Hóa học			2.51	Khá
81	2014A0499	Quàng Văn	Quyết	19/01/1994	Nam	K55 ĐHSP Sinh học			2.19	Trung bình
82	1259010106	Nguyễn Thanh	Long	08/06/1993	Nam	K53 ĐHGD Thể chất (B)			2.48	Trung bình
83	2013A0737	Lò Văn	Giót	27/07/1989	Nam	K54 ĐHGD Thể chất (A)			2.63	Khá
84	2014A0950	Sì Hừ	Chóng	16/09/1994	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2.46	Trung bình
85	2014A0958	Lò Văn	Đọc	09/06/1996	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2.59	Khá
86	2014A0965	Má A	Huynh	12/03/1996	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2.51	Khá
87	2014A0970	Đặng Sơn	Lộc	07/02/1996	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2.63	Khá
88	2014A0978	Lò Văn	Sinh	20/06/1995	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2.52	Khá
89	2014A0983	Đinh Long	Thọ	28/12/1995	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2.72	Khá
90	2014A0989	Nguyễn Hữu	Tuân	21/02/1995	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (A)			2.53	Khá
91	2014A0356	Giàng Thị	Dớ	01/06/1996	Nữ	K55 ĐHGD Thể chất (B)			2.64	Khá
92	2014A0367	Trần Văn	Hưng	20/02/1995	Nam	K55 ĐHGD Thể chất (B)			2.53	Khá
93	2013A0444	Kháng A	Chống	25/09/1989	Nam	K54 ĐHGD Tiểu học (A)			2.29	Trung bình
94	2014A0026	Hoàng Thị	Nga	19/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2.89	Khá
95	2014A0043	Vũ Thị	Thúy	25/06/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			2.44	Trung bình
96	2014A0053	Cà Thị	Yến	16/12/1996	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (A)			3.06	Khá
97	2014A0087	Lèo Thị	Quyên	08/05/1995	Nữ	K55 ĐHGD Mầm non (B)			3.59	Giỏi
98	2014A0127	Lò Văn	Hùng	05/10/1995	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2.56	Khá
99	2014A0173	Lèo Thị	Chiêm	05/04/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2.97	Khá
100	2014A0174	Thào Thị	Chứ	12/05/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2.13	Trung bình
101	2014A0189	Vũ Thị Xuân	Hồng	20/10/1996	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (B)			2.81	Khá
102	2014A0252	Đinh Văn	Hưng	12/04/1987	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2.67	Khá
103	2014A0254	Lò Văn	Khánh	02/02/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2.51	Khá
104	2014A0267	Lò Thị	Nguyên	29/01/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2.87	Khá
105	2014A0289	Hà Lan	Vi	01/06/1995	Nữ	K55 ĐHGD Tiểu học (C)			2.5	Khá
106	2013A1520	Lò Văn	Dương	16/04/1994	Nam	K54 ĐH Công nghệ thông tin			2.55	Khá

Scanned with CamScanner

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
107	2014A0699	Dương Văn	Toàn	28/12/1995	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			3.22	Giỏi
108	2014A0398	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	04/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			2.67	Khá
109	2014A0400	Nguyễn Văn	Cường	19/01/1986	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.68	Khá
110	2014A0401	Phan Mạnh	Cường	18/05/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.65	Khá
111	2014A0403	Lê Tiến	Dương	24/03/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.54	Khá
112	2014A1041	Bùi An	Giang	26/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.52	Khá
113	2014A1049	Đoàn Mạnh	Hùng	06/06/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.56	Khá
114	2014A1058	Đàm Hữu	Lộc	24/04/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.98	Khá
115	2014A0416	Lò Văn	Lợi	08/09/1995	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.49	Trung bình
116	2014A1061	Vũ Thị Ngọc	Mai	04/04/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học	x	x	3.2	Khá
117	2014A0419	Vi Thị	Ngọc	02/11/1995	Nữ	K55 ĐHSP Toán học			3.1	Khá
118	2014A0423	Nguyễn Chí	Phương	02/10/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.54	Khá
119	2014A0430	Phạm Hải	Toàn	04/02/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.78	Khá
120	2014A0431	Liều A	Tòng	15/01/1996	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.46	Trung bình
121	2014A0433	Lò Văn	Tuân	26/03/1995	Nam	K55 ĐHSP Toán học			2.18	Trung bình
122	2014A0446	Lò Tiến	Hùng	21/12/1995	Nam	K55 ĐHSP Vật lí			2.45	Trung bình
123	2014A0512	Lục Thị	Bích	14/04/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2.58	Khá
124	2014A1197	Nguyễn Thị	Nhung	16/12/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3.08	Khá
125	2014A0541	Bạc Thị	Quyên	20/09/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2.5	Khá
126	2014A1205	Lò Thị Thanh	Tâm	16/12/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2.89	Khá
127	2014A0545	Lò Thị	Thảo	28/12/1995	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			2.69	Khá
128	2014A1215	Trịnh Hoàng Thanh	Trang	15/03/1996	Nữ	K55 ĐHSP Ngữ văn			3.2	Giỏi

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NĂM 2018 - Đợt 6

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 869/QĐ-ĐHTB ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu Văn bằng	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Đại học học lại K54														
1	2013A0533	Đinh Văn Minh	23/5/1990	Sơn La	Mường	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	853/869	1647869			
K55 ĐHGD Tiểu học (A)														
2	2014A0111	Vì Ngọc Chung	16/12/1996	Sơn La	Thái	VN	Nam	GD Tiểu học	T.Bình	854/869	1647870	Vì Ngọc Chung	150894415	Chung
K55 ĐHGD Chính trị (A)														
3	2014A0336	Đinh Thị Thắm	03/01/1996	Sơn La	Mường	VN	Nữ	GD Chính trị	T.Bình	855/869	1647871			
K55 ĐHSP Sinh học														
4	2014A0487	Nguyễn Duy Khánh	02/8/1996	Hòa Bình	Mường	VN	Nam	SP Sinh học	Khá	856/869	1647872	Nguyễn Duy Khánh	017322155	Khánh
K56 ĐHSP Sinh học (Liên thông)														
5	2017A1268	Somephone Chittivong	05/3/1986	U Đôm Xay	Lào	Lào	Nam	SP Sinh học	T.Bình	857/869	1647873	Sôm phon	P1871135	
K55 ĐHSP Hóa học														
6	2014A1112	Phùng Thị Vân Anh	30/8/1996	Hà Tây	Kinh	VN	Nữ	SP Hóa học	Khá	858/869	1647874	Phùng Thị Vân Anh	017405550	Anh.
K55 ĐH Công nghệ thông tin														
7	2014A0675	Lê Hải Anh	25/02/1996	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	859/869	1647875	Lê Hải Anh	050907148	Anh
8	2014A0681	Lò Văn Hoàng	01/3/1995	Sơn La	Thái	VN	Nam	Công nghệ TT	T.Bình	860/869	1647876	Lò Văn Hoàng	050366343	Hoàng

* Ngày 17 tháng 9 năm 2018 xuất 08 phôi bằng TNĐHCN để in 08 chiếc bằng TNĐHCN theo QĐ 869

Bằng TNĐH Cử nhân: Từ 1647869 đến 1647876 *(08 chiếc)*

Sơn La, ngày 17 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NĂM 2018 - Đợt 6

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 869/QĐ-ĐHTB ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên người học	NTN sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Quốc tịch	Phái	Ngành đào tạo	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu VB	Người nhận VB	Số CMTND	Ký nhận
SV Cao đẳng học lại K55														
1	2014A1692	Bùi Hữu Ngọc	19/11/1995	Sơn La	Kinh	VN	Nam	Kế toán	T.Bình	861/869	B447880	Bùi Hữu Ngọc	050971302	
K56 CĐGD Tiểu học														
2	2015A0126	Sa Hồng Vinh	26/8/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Tiểu học	T.Bình	863/869	B447882			
K56 CĐGD Mầm non														
3	2015A0010	La Thị Phòng	06/6/1997	Sơn La	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	Khá	862/869	B447881			
4	2015A1547	Lò Thị Hoa	15/12/1997	Lai Châu	Thái	VN	Nữ	GD Mầm non	T.Bình	864/869	B447883			

* Ngày 17 tháng 9 năm 2018 xuất 04 phôi bằng TNCĐ để in 04 chiếc bằng TN Cao đẳng theo QĐ 869
Bằng TNCĐ: Từ B447880 đến B447883 *(04 chiếc)*

Sơn La, ngày 17 tháng 9 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 869/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 17 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 17/09/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ phụ - Năm học 2017 - 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy cho 12 sinh viên. Trong đó:

- Số sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học: 08
- Số sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng: 04

(*Có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ PHỤ NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 869 /QĐ-ĐHTB, ngày 17 tháng 09 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
1	2013A0533	Đinh Văn	Minh	23/05/1990	Nam	K54 ĐHGD Tiểu học (B)			2.14	Trung bình
2	2014A1692	Bùi Hữu	Ngọc	19/11/1995	Nam	K55 CĐ Kế toán			2.06	Trung bình
3	2014A0675	Lê Hải	Anh	25/02/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2.05	Trung bình
4	2014A0681	Lò Văn	Hoàng	01/03/1995	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2.11	Trung bình
5	2014A0336	Đinh Thị	Thắm	03/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2.27	Trung bình
6	2014A0111	Vì Ngọc	Chung	16/12/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2.39	Trung bình
7	2014A1112	Phùng Thị Vân	Anh	30/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2.63	Khá
8	2014A0487	Nguyễn Duy	Khánh	02/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Sinh học			2.59	Khá
9	2015A1547	Lò Thị	Hoa	15/12/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2.19	Trung bình
10	2015A0010	La Thị	Phòng	06/06/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2.6	Khá
11	2015A0126	Sa Hồng	Vinh	26/08/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2.47	Trung bình
12	2017A1268	Somephone	Chittivong	05/03/1986	Nam	K56 ĐHSP Sinh học (liên thông)			2.17	Trung bình

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 869/QĐ-ĐHTB	*Sơn La, ngày 17 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 17/09/2018 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy sau Học kỳ phụ - Năm học 2017 - 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy cho 12 sinh viên. Trong đó:

- Số sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học: 08
- Số sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng: 04

(*Có danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Trường;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH (4).

Scanned with CamScanner

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP SAU HỌC KỲ PHỤ NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 869 /QĐ-ĐHTB, ngày 17 tháng 09 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

TT	Mã SV	Họ và tên			Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Thi lại quá 5% tổng số tín chỉ	Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên	Điểm TBC toàn khóa	Xếp loại Tốt nghiệp
1	2013A0533	Đinh Văn	Minh	x	23/05/1990	Nam	K54 ĐHGD Tiểu học (B)			2.14	Trung bình
2	2014A1692	Bùi Hữu	Ngọc	x	19/11/1995	Nam	K55 CĐ Kế toán			2.06	Trung bình
3	2014A0675	Lê Hải	Anh	x	25/02/1996	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2.05	Trung bình
4	2014A0681	Lò Văn	Hoàng	x	01/03/1995	Nam	K55 ĐH Công nghệ thông tin			2.11	Trung bình
5	2014A0336	Đinh Thị	Thắm	x	03/01/1996	Nữ	K55 ĐHGD Chính trị (A)			2.27	Trung bình
6	2014A0111	Vì Ngọc	Chung	x	16/12/1996	Nam	K55 ĐHGD Tiểu học (A)			2.39	Trung bình
7	2014A1112	Phùng Thị Vân	Anh	x	30/08/1996	Nữ	K55 ĐHSP Hóa học			2.63	Khá
8	2014A0487	Nguyễn Duy	Khánh	x	02/08/1996	Nam	K55 ĐHSP Sinh học			2.59	Khá
9	2015A1547	Lò Thị	Hoa	x	15/12/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2.19	Trung bình
10	2015A0010	La Thị	Phòng	x	06/06/1997	Nữ	K56 CĐGD Mầm non			2.6	Khá
11	2015A0126	Sa Hồng	Vinh	x	26/08/1997	Nữ	K56 CĐGD Tiểu học (B)			2.47	Trung bình
12	2017A1268	Somephone	Chittivong	x	05/03/1986	Nam	K56 ĐHSP Sinh học (liên thông)			2.17	Trung bình

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

TS. Đinh Thanh Tâm

Scanned with CamScanner